

TẠI SAO các em khuyên nhau dùng *Perlon*

UNIVERSITY

Để mẹ cha yên lòng,
Rủ nhau dùng *Perlon*,
Có FLUOR màu nhiệm,
Ngà răng được tô điểm.

1 JUN 26 1967



Rắn chắc lại trắng phau,
Răng em khỏi bị sâu.
Sức khỏe em phong phú,
Mẹ cha ít tốn hao.

THUỐC ĐÁNH RĂNG

Perlon với ly từ FLUOR màu nhiệm

bảo vệ ngà răng chống sâu răng

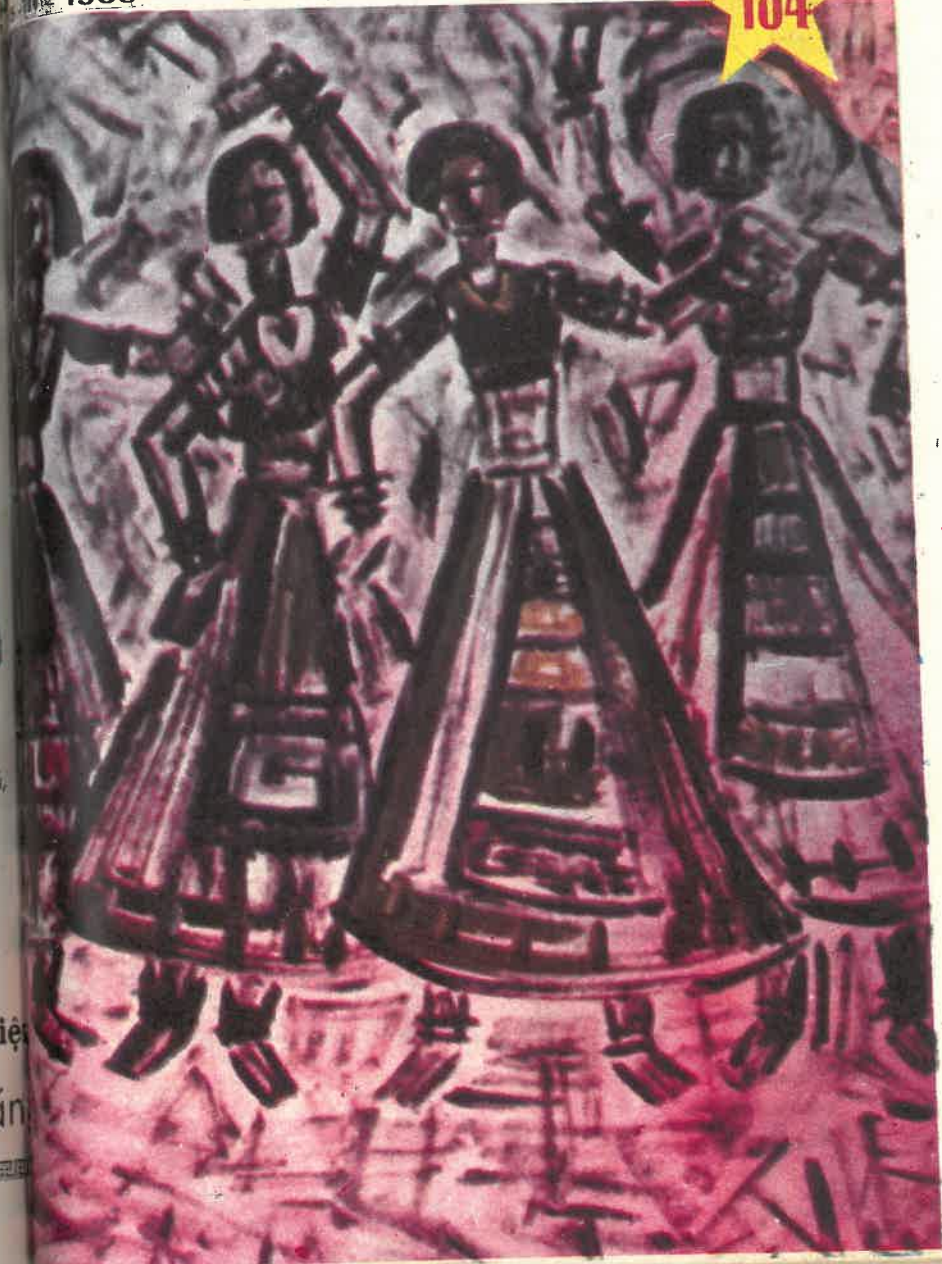
PHỐ THÔN

Tap-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

1966

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

184



Tổng chi Văn-Hòa từ ngày 1 và 12
Gồm các: NGUYỄN-VY

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hòa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông

10, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở LẦU 3 LỘ-THIÊN CÓ KHÔNG-KHÍ THIÊN-NHIÊN TRONG MỘT KHUNG CẢNH HUY HOÀNG ĐIỂM ÁO

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM CÒ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn - Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ IX * SỐ 184 * 15-12-1966

1.— Hà nở im lìm (thơ)	Nguyễn-Vỹ	— 7
2.— Văn hóa xôi thịt	Nguyễn Vỹ	8 — 9
3.— Ông Hồ hữu Tường sẽ phi lại về dân?	Thái Bạch	10 — 16
4.— Những mũi gai sâu (truyện)	Lê tất Điều	17 — 29
5.— Chuyện mình (thơ)	Tống Minh Phụng	30
6.— Những người dân bà : Sa ba	Tân Phong	31 — 38
7.— Những người anh xa xôi (thơ)	H. T. Ngọc Hà	— 39
8.— Mãi dăm	Diệu Huyền	40 — 47
9.— Để chết một mình (truyện dịch)	Eric Rae	48 — 61
10.— Trời mưa ở bàn cờ (thơ) : Chu	Trần Nguyễn Minh	62

11.— <i>Tuần chàng trai nước Việt</i>	Nguyễn Vỹ	63 — 69
12.— <i>Tìm nhau (thơ)</i>	Hoàng Thắng	70
13.— <i>Minh ơi! Có Ma thật không?</i>	Diệu Huyền	71 — 83
14.— <i>Sau lưng thành phố (truyện)</i>	Bùi kim Đĩnh	84 — 96
15.— <i>Cơn buồn (thơ)</i>	Đặng thị Yến	97
16.— <i>Lá thư Tân Tây Lan</i>	Hải Hồ	98 — 102
17.— <i>9 ngày ở trung tâm 3</i>	Nguyễn Thu Minh	103 — 109
18.— <i>Phê bình sách : vào đời</i>	Nguyễn Vỹ	110 — 130

■ Tranh vẽ của họa sĩ Ngọc Dũng



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chi PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

■ Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIÊP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
(vente — abonnements — Publicité)

« Há nở im lìm chốn cửa Không ? »

Bà Cự Song-Thu, trong bài thơ Hán tự của Cự dịch ra Việt-văn mừng tạp chí Phổ Thông Năm thứ chín, P.T. đặc biệt 183, có câu kết : « Há nở im lìm chốn cửa Không ? »

Tôi xin lấy câu đó làm đề tài 2 bài thơ kính đáp Cự Song Thu.



★ THIÊN môn đầu phải chốn Hư-không ?
Chuông mõ dậy vang Đất Nước Rừng !
Xa lú tiêu yêu mà mắt Thánh,
Lánh quân phù thủy múa Đàn Vong.
Dan tình xâu xe hai giòng máu,
Quốc hận, đa mang một tắc lòng.
Kính kệ hôm mai cầu nguyện Phật
Đồ cho nhiệm vụ được làm xong.

★ ĐÀ dành sắc-sắc tức không-không,
Tủi phận con Tiên với cháu Rồng,
Há lẽ giống nòi từng quật khởi
Cam bề Non Nước chịu suy vong ?
Nâu-sông, Trai-lạt, càng nung chí,
Quốc thái, Dân an, mới tỏa lòng.
Thời loạn mặc dầu, tâm bất loạn.
Hoàn thành sứ mạng, nguyện tu xong.

★ NGUYỄN-VỸ

VĂN-HÓA XÔI THỊT

* NGUYỄN - VỸ

VĂN hóa cũng sặc mùi xôi thịt. Cũng những kẻ lằng xằng, thì-thà thì-thọt cửa trước cửa sau, kiểm chác chút danh quèn lợi mọn. Cũng cóc cóc keng keng một đám phù thủy nửa chay nửa mặn. Đủ các lớp tuồng, luân lý đạo đức ba xu, nghệ thuật văn chương rom rác, học giả học giếc, văn sĩ văn siếc, thi sĩ thi siếc, nhẩy múa trước Đền Rồng Văn Hóa.

Thế hệ trẻ lành mạnh của CHÂN CHÂN, CHÂN THIÊN, CHÂN MỸ, đứng ngoài chứng kiến hài kịch bỏ đi, dở khóc dở cười, ngơ ngác buồn nôn.

VĂN-HÓA XÔI THỊT

Những kẻ sống với suy tư, giữ gìn tự trong, những con người văn nghệ lương thiện, trung thành với truyền thống tư tưởng thuần túy của Dân tộc, thấy rõ toàn những xu nịnh, lừa dối tranh đua bốc hổi, trong xã hội đồ gậy

Người ta bảo Văn hóa xuống dốc. Sự thực, không phải thế. CHÂN VĂN HÓA không bao giờ xuống dốc. Văn Hóa chân chính của Dân tộc chỉ có phát triển nhanh hay chậm, là tùy theo các điều kiện xã hội và nhân sinh. Nhưng CHÂN VĂN HÓA là tinh túy của Dân tộc, là tủy não, huyết thống của giống nòi, là trường tồn, đặng sinh lực, trải qua không gian và thời gian, không thể nào suy nhược.

Cái xuống dốc, không phải là Văn hóa. Đó là cái nguy trang văn-hóa.

Cái hình nộm văn hóa. Cái vô linh hồn của Phi văn hóa thẳng bộ áo giấy phù thủy để cho róm đàn chay đó thôi.

Con người Văn hóa chân chính không bị quan trước những rợn rợn của tà ma.

Không phải ngồi trong « tháp ngà » với phong độ kiêu hãnh, phủ định. Cũng vẫn sống lăn lộn trong chiến trường xã hội, nhưng điềm nhiên và kiên nhẫn, duy trì tín ngưỡng trong Quật khởi tương lai, tạo cơ hội để thực hiện Quật cường Văn hóa,

* NGUYỄN-VỸ

VĂN - TỬA HAY
CHÍNH - TRỊ ?

ông Hồ- Hữu - Trường sẽ phi lạc về đâu?

● THÁI - BẠCH

(Tiếp theo P.T. 183)

Ông Hồ-Hữu-Trường của 36
năm Văn-Hóa Văn-Nghệ.

Trở lên là ông Hồ-hữu-
Trường « chánh trị », còn sau đây
là ông Hồ-hữu-Trường « văn-
nghệ » :

Về con đường này, chúng ta
có thể nói ông Trường đã bước
chân vào ngay từ lúc mới tham gia
các hoạt động chánh trị, và tính
đến nay cũng đã 36 năm ròn.

Ông viết rất nhiều báo, nhiều
sách, khi thì bình luận, khi thì tiểu
thuyết với nhiều bút hiệu khác
nhau, nào Huấn-Chi, Huyền-huệ
Minh, Không-Cru, Huân-Phong,
Duy-Minh, Huệ-Tôn, Ý-Dư...
Nhưng tựu trung chỉ quyền « Phi-
Lạc sang Tàu » là đáng kể. Quyền
tiểu thuyết này, theo bức thư thứ
9 của tác giả gửi cho Hồ-chí
Minh đăng báo Phương-Đông vào
khoảng cuối năm 1954 thì có mục
đích riêng là để gián tiếp cho nhà

lãnh tụ này xem đến, và gọi là tiểu
thuyết. « Ngàn năm một thuở. »
Ông Trường kể lể :

« Trong thơ trước, tôi đã nhắc
tới quyền tiểu thuyết Phi-Lạc
Sang-Tàu. Ấy chẳng phải do cái
bệnh nhà văn nhắc đến tác phẩm
của mình. Ấy chính vì trong đó
có lắm đoạn tôi viết gởi cho cụ
đọc. Chớ cách nhau muôn dặm,
bức tường khói lửa, ngăn cách đôi
bên, mà không có bưu-cuộc nào
dám bảo cho thơ tôi gởi đến tay
cụ được, tôi chỉ có thể dùng lối
viết một bản tiểu thuyết, in mấy
chục ngàn cuốn, gởi tung khắp bốn
phương trời ; kẻ ngu muội đọc
chơi chỉ cười xòa, còn bậc Chí-
Minh xem qua sẽ hiểu đó là bức
thơ gởi cho mình, đọc kỹ để
nghiên ngẫm những ẩn ý mà tôi
đã nhốt sẵn trong những lời trào
lộng. Và ngày nay, mục đích những
thơ này là nói chuyện với cụ, thì
tôi tránh làm sao được việc nhắc
lại rằng từ năm 1947 tôi đã viết
cho cụ mấy bức thơ dài khởi đầu
là Phi-Lạc Sang-Tàu.

Và điều mà tôi đã gò gẫm viết
cho cụ, để cho cụ đề ý hơn tất
cả, thì điều đó tôi lại dùng một
cái thuật của Phật Như-Lai, đã

dùng trong bộ Tây-Du-Ký. Chỗ
tinh-vi hơn tất cả, tôi lại không
dùng lời mà viết ra, để trắng như
là những bộ kinh không chữ do
Đường-tăng đã thịch.

Xin cụ giờ bộ tiểu-thuyết ấy,
nơi trang 243. Nơi đoạn này, hai
chàng họ Hồ đàm luận với nhau
về chỗ nước Trung-Hoa đã thành
một nước cộng-sản, đứng đầu tất
cả cường-quốc, hơn cả Nga lẫn
Mỹ. Anh chàng Quý-Lộ nông cạn,
cho rằng dân Việt ta nhỏ bé, ở
bên nách nước Trung-Hoa lớn
mạnh, thì chỉ bị đồng-hóa mà thôi.
Còn Phi-Lạc lại bảo rằng, đó là
một cơ-hội « ngàn năm một thuở »,
Bị hỏi đến cái lý của việc phi-
thường ấy, hẳn ta cắt nghĩa bằng
một luận-diệu, mà tôi để trắng,
chẳng viết ra, lại còn chưa thêm
lời này :

« Ở đây có một đoạn dài mà
người chép truyện không dám kể
lại trong lúc này, vì sợ lộ những
bí-mật của quốc-gia. Đợi một hồi
khác, sẽ viết thêm và bổ-khuyết.
Khi trận giặc thứ ba xong rồi,
bộ NGÀN NĂM MỘT THUỞ
này sẽ được xuất bản có đủ phần
này mà tác-giả tự « bỏ đi ».

«Nơi đây, tôi nhắc lại phần quan-hệ này, bởi vì đã vài lần, chúng ta đã làm cho qua mất lắm cơ hội may riêng cho dân-tộc. Và đã làm mất cơ-hội tốt như vậy, thì tôi e rằng sau đây, với cái tình thần cũ ấy, chỉ cho khỏi ta sẽ làm mất cái dịp « Ngàn năm một thuở ».

Song gửi Hồ chí Minh, một ông kẻ về duy vật biện chứng như ai nấy đều biết mà ông Hồ hữu Tường lại dùng văn chương để giảng thuyết giảng sấm thì thật là một cây bút chẳng những đã không hiểu người mà còn không hiểu mình, thí dụ đoạn Hồ phi Lạc, thắng mô làng Phù-ninh nói chuyện với các nhà cầm quyền Trung hoa, về chiến tranh thứ ba:

« Tại sao năm 1976 lại có chiến tranh thứ ba ?

— Xứ tôi ai mà chẳng biết, ông Trịnh Trình có đề lại lời sấm:

«Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh

«Can qua xứ xứ động đao binh

« Mã đề dương cước anh hùng

« Thân Đậu niên lai hưởng

thái bình. »

— Bài sấm này không phải chỉ

chiến tranh thứ nhì sao ?

— Lầm. Lầm to. Cuộc chiến tranh thứ nhì hoặc kể là ở Tàu, do vụ Lu-cầu-Kiều thì là năm 1937 tức là năm Đinh-Sửu, hoặc kể là khởi ở Âu-Châu là năm 1939, tức năm Kỷ-Mão, chớ nào phải năm Thìn đầu mà Long vĩ. Và lại lời sấm là bàn về cuộc chiến tranh chót hết, có quan hệ đến cuộc đời, chớ cuộc chiến tranh thứ hai có ăn thua gì mà làm sấm. Mà câu « mã đề dương cước » đâu có ứng ? Bởi anh hùng không có tận mà.

— Vậy theo ngài thì cuộc chiến tranh thứ ba sẽ làm sao ?

— Năm 1976 sang năm 1977 tức là Long vĩ xà đầu ấy thì Nga Mỹ khởi đánh nhau. Bởi vì là một cuộc chiến tranh lý tưởng, tư bản chống Cộng-sản, nên xứ nào cũng dính dấp vào. Đến năm 1978 sang năm 1979 thì các anh hùng đều tận, không còn một cường quốc nào trên địa cầu hoặc bị bom nguyên tử tàn phá hoặc bị nội loạn làm tan hết...

Hay như đoạn Hồ phi Lạc giảng giải lý luận về cái ngày tận thế :

« Nơi c hương Khải Huyền

ngài đã nói rằng độ hai ngàn năm sau, nghĩa là bây giờ đây sẽ có quý vương xuất hiện, con chiên ùn ùn theo mà chổi chúa. Đó là ngày tận thế, sắp sửa đến cuộc phán đoán cuối cùng. Đó, rồi phái Bửu sơn kỳ hương ta áp dụng cái tiên tri ấy, dung hòa với lý thuyết của Bửu sơn kỳ hương mà tạo ra một cái lý tưởng làm hồn cho một đoàn thể. Ở Tàu, đoàn thể ấy đã gây được cái loạn Thái bình Thiên quốc, còn ở Việt Nam ngày nay cũng có một đoàn thể tương tự đặt tên là Đảng Duy Tân, hoạt động vùng Nam-định, Thái-bình, Ninh-bình để lôi kéo con chiên địa phận « Phát-diệm đó... »

Có thể nói là một tập yêu ngôn loạn thuyết, mà trong đó cái vai trò Hồ phi Lạc một thằng mô thông kim bác cò, tài ba xuất chúng, ngang với Trương Lương, Không-Minh, chẳng những đã hơn cụ Ưng Hoà Nguyễn-văn-Tổ mà còn áp đảo cả các nhà trí thức và quân sự nổi tiếng của Tàu ấy chính là hiện thân của ông Hồ hữu-Tường, với chủ ý sáng tác để làm một tuyên ngôn hành động

Quyển tiểu thuyết này thành

công chẳng chỉ ở chỗ tác giả đã phơi bày cho người đọc thấy được cái kiến thức khá phong phú của mình, dù chỉ những kiến thức huênh hoang lượm lặt trên sách này một mớ, trên sách kia một ít... Và ở chỗ đã đem lại cho tác giả một số tiền lời phát hành ở giữa lúc tranh sáng tranh tối của thời cuộc, bằng những cái rítom và hư hư thực thực.

Sau quyển Phi-lạc sang-Tàu, ông Hồ-hữu-Tường còn hai quyển cũng lấy tên « Phi-Lạc » làm nhân vật chính là Phi-Lạc náo Hoa-Kỳ, Phi-Lạc bốn Nga. Nhưng không được mấy ai để ý...

Ngoài ra ông có một bộ khá dày là quyển « thuốc tràng sinh » theo lời ông viết cho nữ sĩ Tuệ Mai thì thuốc trường sinh không phải là một tiểu thuyết mà là một quyển khảo cứu về triết học được mượn hình thức tiểu thuyết để trình bày. Cũng theo ông, tác phẩm này là cả một cố gắng để « cho có thể dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Y pha Nho, tiếng Ý, tiếng Đức hầu cung cấp cho những bậc trí thức đã huệ cổ mà ký tên xin ân xá cho ông như A. Camus ở Pháp, Honey ở

Anh, Milton Saks ở Mỹ, T Basu ở Ấn... Mà hạng độc giả này không phải là hạng thượng thì tiểu thuyết này không thể là một câu chuyện vừa xem phớt qua là đã lãnh hội hết, mà phải là rất hàm súc, mỗi lượt đọc lại là thấy một khía cạnh thêm... » Thế là một tác phẩm đã ra ngoài « dân tộc » mà việc phê phán nên để nhường phần cho các nhà trí thức trên kia thì hơn.

Còn ở đây với ông Hồ Hữu Tường, chúng ta chỉ cần tìm hiểu xem hiện tại ông định chủ trương thế nào cho Văn hóa Việt Nam?

Về phương diện này, cứ như diễn từ ông đọc tại nhà hát lớn ở Huế ngày 23 tháng 5 năm 1965 thì chủ trương văn hóa của ông là văn hóa dân tộc. Ông kêu gọi các sinh viên làm cách mạng văn hóa dân tộc, nhưng không đề ra một đường lối nào hay một quan niệm nào cũng như ông bảo đường lối văn hóa của Việt-Cộng là đường lối văn hóa đi ngược lại dân tộc, nhưng không cho biết ngược ở chỗ nào. Đề tài của ông là văn hóa, nhưng ông đã đề đến 99 phần trăm cho những cái tôi và những ước đoán về tình hình chánh trị.

Ông đã kích Việt-Cộng đã dốt dãi ông như Tào-Tháo dốt dãi Quan-Công. Ông gắng sức cổ võ cho một trận chiến tranh nguyên tử. Ông biện luận Hoa-Kỳ hiện nay chưa tạo được một chánh sách văn hóa riêng để áp dụng ở Việt-Nam là do Hoa-Kỳ mới nghiên cứu xư này nên « chỉ đưa những nét đại cương về tinh thần tự do của thế giới tự do mà chưa tìm được cách nào để cụ thể hóa tinh thần trong dân chúng Việt. »

Theo ông, viễn đồ gần nhất ở Việt-nam có lẽ là một cuộc thương thuyết để tạm ngừng bắn. Nếu thương thuyết thất bại có thể là một cuộc đổ bộ ra ngoài vĩ tuyến 17 hoặc giả toàn cõi, hoặc giả theo một kế hoạch giai đoạn, cắt dần bánh tét từng khoanh một. Chừng ấy quân đội Mao trạch Đông tràn xuống, « lý thuyết chiến tranh của Mac Arthur, sẽ áp dụng. Các lò nguyên tử sẽ bị hủy diệt, các trung tâm kỹ nghệ Tàu sẽ bị cắt đứt, cái biên người của Trung cộng sẽ dựng cái trận mưa bom của Hoa kỳ trong lúc mà các cơ sở kỹ nghệ Tàu sẽ bị tàn phá ».

Sự ước đoán trên của ông có giá trị không? Thiết tưởng cái khoảng thời gian gần một nam nay đã trải đời đích dang.

Phải chăng ông Tường nói chuyện văn hóa mà thành phi văn hóa, tuyên bố chủ trương dân tộc mà thành phi dân tộc?...

Có người bảo ông không hiểu gì về văn hóa, nhưng cũng cố nói về văn hóa và đó là một đòn phép thần diệu để đánh trống lấp những gì là nhược điểm, là bề tặc của mình nếu không bảo là lạc đề hay là một chiến thuật khéo trò.

Song ông Tường có thể không hiểu, ở chỗ thế nào là quan niệm văn-hóa, là đường lối văn-hóa, chỉ những hiện tượng đang đầu độc, đang phá hoại văn-hóa, trong cơn lửa bỏng dầu sôi của đất nước, nhất là về văn-hóa dân tộc như các nhà tôn giáo, các đoàn thể chân chính, các trí thức hiểu thời đã mạnh bạo lên án từ lâu, có lẽ nào ông Tường, một người đọc nhiều, viết nhiều, nói nhiều lại không biết đến và đề cập đến sao? Phải nói đây là cả một dụng ý, dụng ý mượn văn-hóa để nói chuyện chánh trị, để trưng bày

kiến thức... Và để gián tiếp gây lại uy tín cho nhóm Tối kỳ xưa, nên ông đã phát biểu một cách khá gọi là tế nhị; mặc dù đã tuyên bố ly khai từ lâu:

... « Tính số lại, bên phái quốc gia, sự tiến bộ dường như không có. Về số lượng, số đảng viên hầu hết các đảng thảy không lên. Có vài đoàn thể như Đệ Tứ quốc tế, trước năm 1939 lực lượng rất hùng hậu, bây giờ hầu như không còn gì cả. Đảng Cần lao tổ chức bằng những phương tiện của chánh quyền, đã bị lột ra ngoài rìa lịch sử. Nhưng trong chánh trị, số lượng không phải là phần chủ yếu. Một nhóm người nhỏ gặp thời cơ thuận có đường lối mới và thích ứng để khai thác thời cơ, chỉ trong vòng năm ba năm thôi, có thể biến thành lực lượng chủ động trên sân khấu. Năm 1934 nhóm La Lutie lo thơ năm sáu người mà năm 1936 lối cuốn gần cả dân tộc. Đó là một bằng chứng cho vai trò quan trọng của ý thức hệ. »

Bởi thế đường lối văn hóa hay văn nghệ của ông có chăng cũng chỉ là đường lối Tối kỳ mà cái danh từ « dân tộc » chỉ là một bộ áo trang sức để diện cho hợp thời đấy thôi. Chúng tôi

thiết nghĩ, ông Tường nên nói trắng ra chứ không nên úp mở mập mờ vì theo ông, nhóm La Lutte tức nhóm chánh khách Tốt ky là nhóm đã lôi kéo được gần cả « dân tộc », vậy hẳn đã đi đúng đường lối dân tộc.

Can chi ông phải chối bỏ, hết chối bỏ với thực dân Pháp, với Hồ-chí-Minh, lại chối bỏ với chánh quyền, với nữ-sĩ Tuệ-Mai cùng nhiều nhân vật khác ? Mà chối bỏ những gì đã đúng với dân tộc, tức là tự mình đã lên án sự chối bỏ dân-tộc của mình. Như thế thử hỏi làm sao cảm thông được các mặt sống động của dân tộc, và đủ tư thế để giảng luận dân tộc ?

Có người bảo « Chúng ta đi nghe ông Tường nói chuyện là để giải trí chứ không thể chấp nhận được ở ông cái gọi là văn-hóa

dân tộc hay văn-nghệ dân tộc. Nhưng thực ra có muốn chấp nhận cũng không thể vì ngoài những danh từ « ngàn xưa » như văn-hóa, văn-nghệ, hoặc « cách mạng văn-hóa » hay, « văn-hóa dân-tộc » chúng ta tuyệt nhiên chẳng thấy gì khả dĩ coi là chứa đựng cho văn hóa hay văn-nghệ dân tộc được cả !

Nói chung, ông Tường không phải là người làm văn hóa hay văn nghệ. Văn hóa, văn nghệ đối với ông chỉ là những phương tiện để giảng thuyết giảng sấm cùng để trình bày những tư tưởng chánh trị đúng như lời ông đã tuyên bố với một văn hữu họ : « Tôi viết văn không vì mục đích làm văn chương ».

(Còn nữa)

★ Ma rì tâm tình

Vào một buổi sáng, hai nàng ma-ri-sen vừa ngủ dậy đã chạy vội đến hỏi thăm nhau.

Nàng thứ nhất hỏi :

— Đêm qua mây thế nào mà bơ phờ thế ! thằng Rô nó quá lăm sao ?

Nàng thứ hai đáp lời bạn :

— Nhưng đâu có thăm gì mây. Chắc là thằng Xếp cửa mây cũng quá lăm phải hôn ? Nếu không, sao mây biết tao, mà tao không biết rõ mây ?

Những
mũi
gai
sầu



Truyện ngắn ● LÊ-TÁT-ĐIỂU

CÁI chăn mỏng rơi xuống đất từ lúc nào không biết. Đêm ở chùa khá lạnh vì gió sông thổi lên. Tôi nằm thật sát anh Bằng để tìm hơi ấm. Nhưng lúc gần sáng, tôi vẫn thao thức không ngủ được. Mặt phản gồ lạnh và cứng. Một vài hạt lạc rang còn thừa trong túi anh Bằng rơi rải rác đây đó. Tỉnh thoảng cựa mình tôi lại dè phải một hạt. Giấc ngủ hay bị ngắt quãng chòn.

Đôi lúc gió thổi ủa đến như muốn cuốn cả cái mùng đi khiến tôi có cảm tưởng rờn rợn là ngôi chùa đã biến thành gió. Tôi và anh Bằng đang nằm chơ vơ trên một cánh đồng ruộng giữa tiếng côn trùng. Tôi muốn được nghe một tiếng ngáy, một tiếng cựa mình để cảm thấy yên tâm hơn.

Sự cô đơn làm hồi sinh những ý nghĩ buồn rầu. Đôi lúc, tôi sợ rằng tất cả những cố gắng của mình không đưa đến một kết quả nào. Sự bất hoài rã rời làm mỗi mọt chân tay, thấm vào trí óc. Chuyện xảy ra trên chuyến xe buýt chiều hôm trước lại ám ảnh tôi.

Chuyến xe khá rộng. Tôi và anh Bằng đều có chỗ ngồi. Xe chạy gần tới vùng Tân-dinh thì có một người hành khách bước lên. Có lẽ ông ta đã già, giọng nói yếu ớt và khản đặc. Người hành khách lên tiếng xin tiền. Tôi không nhớ ông ta đã nói những gì để gọi lòng thương của người khác. Nhưng ông ta luôn luôn nhấn mạnh ở cái tật mù lòa của mình. Sự không may của một người mù bị ông ta nhắc đi, nhắc lại mãi. Giọng nói lên bổng, xuống trầm cổ tạo sự thê thảm một cách máy móc. Tôi ngồi lặng người, tâm trí bối rối, ngượng nghịu như phải nghe những lời kể tội mình. Mỗi lần xe đậu, tiếng ông ta lại vang lên to hơn. Rồi người hành khách lần đến chỗ tôi và anh Bằng. Có lẽ cảm thấy ông ta đang hướng về phía mình đề xin, anh Bằng nói nhỏ :

— Tôi không có gì đâu ông.

Người hành khách vẫn lẳng nhảnh nói thêm mấy câu. Người soát vé lên tiếng với vẻ cầu kính.

— Người ta cũng mù như ông đó, xin gì. Thôi, con nhỏ, mày giắt ông già xuống giùm tao.

Lúc ấy tôi mới biết người hành khách được một đứa nhỏ dẫn đi. Đứa bé ngờ nghệch không biết rằng sau đôi kính đen, mắt tôi, mắt anh Bằng cũng hoàn toàn vô dụng. Câu nói của người soát vé giống như lời tố cáo tàn nhẫn một cách vô tình. Tôi có cảm-tưởng tất cả hành khách

trong xe đang chú ý đến hai chúng tôi. Người hành khách và đứa nhỏ đã đi về phía sau xe và tôi còn nghe tiếng ông ta kêu xin nữa. Nhưng những ý nghĩ chua chát, đắng cay ông gieo vào lòng tôi thì còn lại mãi. Thực tế quá gần gũi, giấc mộng thì xa vời. Tôi lại khiếp sợ, hoảng hốt. Những ý nghĩ tuyệt vọng tích lũy từ bao năm trời thường đợi những dịp như thế để sống dậy. Đôi khi nỗi buồn trở thành tiếng gọi dịu dàng của cõi chết.

Bây giờ, trong sự lạnh lùng của một đêm đang tàn, tôi thao thức với nỗi cô đơn, ước ao được trời hồng bành vào bóng tối rồi tan loãng trong hư vô. Mấy tháng nay, tôi đã tập hát một cách hăng hái, say sưa. Thứ bảy, chủ nhật nào tôi cũng vào chùa. Tôi tập hát đến khản cổ. Tôi đã điều khiển được giọng ngâm, tránh cái tật thở vào máy vi âm. Tôi tập hát đúng nhịp và tập xướng thanh. Tôi hát thầm trong giờ học và tôi hát cả trong giấc mơ. Anh Phong tìm kiếm cho tôi những bài ca thật hay. Hoan cũng viết thư khuyến khích tôi. Nhưng lúc nào tôi cũng cảm thấy mình kém cỏi, tiến bộ quá chậm.

Anh Giản, một huynh trưởng trong gia đình Phật-tử, có căn nhà nhỏ ở ngay cổng chùa. Nhà gỗ, mái tôn. Anh ở trên gác, nhà dưới cho thuê. Ngày chủ nhật, chúng tôi lên căn gác đó tập đàn, hát. Gác hẹp, nóng. Tôi quen thuộc với căn gác đến nỗi có thể biết rõ vị trí từng đồ vật nhỏ để trong đó. Cái cầu thang thì quá dốc. Nếu phải ôm đàn, tôi thường lên gác một cách khó khăn. Những ngày không ở nhà, anh Giản giao chìa khoá cho chúng tôi. Tập mệt rồi, chúng tôi có thể nằm lăn ra sàn gác ngủ. Anh Giản ít nói, rất qui mến anh Phong. Đối với việc làm của chúng

tôi, anh không khuyến khích bằng lời. Nhưng chúng tôi nhờ cái gì anh cũng làm ngay.

Anh Phong thường ở trên căn gác đó với chúng tôi suốt ngày chủ nhật. Nhiều lần tôi cố gắng vì sự hăng hái của anh. Chỉ khi nào quá mệt chúng tôi mới ngủ trưa. Trời nóng bắt chúng tôi cởi áo và khỏ sở vì mồ hôi, nhưng chúng tôi vẫn dần, hát được. Buổi tối, về trường, tôi mới cảm thấy mỗi lưng, khan cổ. Anh Phong có ba cái khăn mặt. Những lúc quá nóng, anh xuống nhà dưới nhúng ướt khăn rồi phát cho chúng tôi. Đắp khăn lên mặt, lên cổ, chúng tôi cảm thấy dễ chịu được một lúc. Anh Phong thường nói đùa :

— Thương hát lớn bài « Đêm Đông » lên cho trời bớt nóng.

Thỉnh thoảng chị Kim đến thăm căn gác của chúng tôi. Chị tặng chúng tôi vài trái cây hoặc một gói kẹo. Món quà nhỏ, giọng nói vui vẻ của chị khiến chúng tôi quên hết mệt nhọc.

Cuộc hành trình bớt gian khổ, nhưng biết bao giờ tôi mới đi tới đích ?

Gần sáng, trời vẫn lạnh. Ở chính điện vang lên tiếng kinh, tiếng mõ. Một mùi hương diu diu bay lan trong không khí. Tôi ngồi dậy, lay vai anh Bằng. Anh cầu nhau :

— Còn sớm mà.

— Minh tập sớm cho mát. Anh Phong bảo sẽ đem máy ghi âm đến vào khoảng tám giờ.

Anh Bằng im lặng, có ý tiếp tục ngủ. Tôi lần ra chỗ có chum nước đặt bên gốc dừa rửa mặt. Hoa trong chùa có một mùi thơm hắc và ấm. Có tiếng chó sủa rất xa, chắc là vọng lại từ bên kia sông. Ngày đang thức dậy một cách chậm chạp.

Khoảng bảy giờ, tôi và anh Bằng ôm đàn sang nhà anh Giản. Đứng lên gác, chúng tôi phải đi theo một con đường hẹp cạnh nhà. Đường chỉ vừa một người đi và dẫn thẳng xuống bếp, nơi có đặt cầu thang. Người đàn bà thuê căn nhà dưới của anh Giản nói :

— Các cậu chờ một chút. Tôi sẽ mở cửa gác cho. Cậu Giản đi từ tối hôm qua.

Bà giúp chúng tôi mở các cửa sổ, quét sàn gác. Anh Bằng nói :

— Bà đẹp giúp quần áo của anh Giản lại cho cháu.

Quần áo của anh treo bữa bãi làm cho căn gác như nhỏ hẳn lại. Tôi ngồi trên ghế vải, tựa đầu vào vách, nhắm lại mấy bài hát mà lát nữa tôi phải hát vào máy ghi âm. Anh Bằng lên giây đàn. Cái ngõ hẻm trước nhà bắt đầu ồn lên tiếng xe, tiếng thùng nước va chạm, tiếng máy thu thanh. Những tiếng động đó nói lên niềm hân hoan của mọi người vào buổi sáng chủ nhật. Được nghỉ ngơi, đi lại đây đó, nhìn ngắm thả cửa là nguồn hạnh phúc mà tôi chỉ có thể tưởng tượng ra. Phong cảnh duy-nhất của tôi là bóng tối. Trí nhớ mờ dần. Tôi không còn hình dung được là bên ngoài cửa sổ căn phòng có những gì. Nếu cứ nghĩ mãi về sự sống đang nhộn nhịp quanh mình chắc tôi không chịu nổi. Tôi để hết tâm trí vào bài hát.

Anh Phong đến, lên hết cầu thang tôi mới biết. Tôi vội hỏi :

— Anh có mượn được máy ghi âm không ?

— Được chứ.

— Hay quá.

Tôi và anh Bằng cùng reo lên. Anh Phong vừa kéo ghế, đặt máy vừa hỏi :

— Thuộc mấy bài ruột rồi chứ ?

— Dạ, thuộc rồi.

— Thâu thử. Nếu có giọng tốt là thành công.

Tự nhiên, tim tôi đập mạnh. Cuộc thử thách chưa có gì đáng kể là quan trọng. Nhưng tôi vẫn không giữ nổi bình tĩnh. Anh Phong chạy ra đầu cầu thang nói vọng xuống :

— Bà có nước lọc không ạ ?

Người đàn bà ở căn nhà dưới đáp :

— Thiếu gì, cậu.

— Xin bà một chai. Hôm nay chắc chúng tôi sẽ uống nước dữ lắm.

Anh Phong trở vào xếp chỗ cho tôi và anh Bằng :

— Thương ngồi đây... anh Bằng chỗ này. Thế... thế tiếng đàn và tiếng hát mới không lẫn át nhau. Xong rồi, đây. Thương bắt đầu cất giọng được rồi :

Tôi nghe tiếng bấm nút lách tách. Tim tôi vẫn đập nhanh, hồi hộp. Giọng tôi trầm xuống như một người hát không ra hơi. Anh Phong phì cười :

— Làm gì mà run thế. Phải bình tĩnh chứ.

— Em hát đỡ anh phải xóa ngay đi nhé.

— Dĩ nhiên rồi. Tôi giữ giọng cậu để triển lãm hay sao.

Phải đến lần thử năm, thứ sáu tiếng hát của tôi mới bớt khó nghe. Nhiều lúc, âm thanh phát ra có lần tiếng thờ thờ kạch, vung vè. Giọng ngân thì quá run rẩy. Tôi ngưng nghe, toát mồ hôi vì khổ sở. Nhưng, anh Phong lại bảo :

— Khá lắm ! Khá lắm rồi.

Anh Bằng cũng khen tôi. Dù chỉ có mục đích giúp tôi khỏi nản chí, những câu nói của hai người cũng có một

giá trị khuyến khích đáng kể. Anh Phong đặt ly nước lọc vào tay tôi :

— Uống đi, nghỉ một chút, rồi ta bắt đầu lại.

Nước làm mát cổ. Tôi đã quen với máy. Tôi hát một cách tự nhiên hơn. Tôi quên máy, quên lúng túng, bắt đầu chú ý diễn tả tình cảm trong mỗi câu ca. Dần dần tôi tìm được sự rung động, xúc cảm ở chính giọng mình. Tôi phải nói về một thế giới nào đó, một thế giới mềm, nhỏ chan hòa tình thương yêu. Tôi muốn hát thế nào để mọi người cùng hiểu về thế giới đó. Mọi người phải cùng sống cùng bàng hoàng vì bài hát như tôi. Bằng trí tưởng tượng và những rung động nhẹ nhàng tôi tạo một thế giới riêng cho mỗi bài hát. Sự xây dựng của tôi có thể sai, nhưng tôi tha thiết hướng về thế giới đó như hướng về một miền hoan lạc. Tôi hát và tưởng như đang kể lại những xao xuyến của chính tâm hồn mình. Tôi đã lười cuốn, hướng dẫn mọi người bằng những tiếng gọi dịu dàng. Âm thanh bao vây khuyến khích, nâng đỡ tôi. Có những câu ca thường không được tôi chú ý lắm, bỗng, trong giây phút đó, cũng khơi động một nỗi buồn thấm thía. Có lúc tôi đem cả nỗi khổ của đời mình vào nỗi khổ được diễn tả trong bài ca. Tôi hát liền năm bài mà không cảm thấy mệt.

Khi tôi ngừng lại, nhiều tiếng vỗ tay nổi lên trong căn gác.

— Hay tuyệt !

Giọng nói của chị Kim, tiếng cười vui của Hương. Tôi kinh ngạc hỏi :

— Ủa, chị Kim với Hương đến từ hồi nào vậy ?

Chị Kim :

— Chúng tôi đến lâu rồi.

Trời ! Sao anh Phong không nói ?

Anh Phong đáp :

— Các cô ấy ra hiệu bắt tôi im lặng để cho ca sĩ tiếp tục hát.

Chị Kim nói :

— Giờ thì mời nhạc sĩ, ca sĩ nghỉ ngơi dùng điểm tâm đã. Chắc từ sáng tới giờ anh Bằng và Thương chưa ăn gì phải không ?

Hương nói :

— Chị Kim bắt em dậy thật sớm bẽ đi mua bánh mì và kẹo cho các anh đấy.

Chiếc máy ghi âm đã bắt đầu phát ra giọng ca của tôi. Giọng thực trầm ấm hơn tôi tưởng. Chị Kim đặt vào tay tôi một ổ bánh mì. Sự xuất hiện của chị làm cho căn gác vui tươi hẳn. Tiếng nhai bánh mì cũng là một thứ âm thanh dễ chịu. Anh Phong lắng nghe, thỉnh thoảng mới chỉ cho tôi một vài chỗ tôi còn sơ sót. Anh có vẻ hài lòng thực sự. Anh nói :

— Thương hát vào máy vì âm nghe hay hơn nhiều.

Tôi cười hân hoan. Tôi muốn lên tiếng cảm ơn tất cả mọi người những ý nghĩ buồn rầu, tuyệt vọng buổi sáng đã tan biến hết. Hương hỏi :

— À, anh Phong đã liên lạc được với cô Quỳnh chưa ?

— Chưa.

— Tôi nghiệp anh San, bé Hùng. Thứ bảy nào em vào trường mù cũng thấy hai người ngồi chờ. Họ ngồi ở chỗ ghế đá ngoài cửa phòng khách đó anh. Người nào cũng buồn thiu.

Chị Kim hỏi :

— Anh Phong quen cô Quỳnh sao ?

— Không. Anh có biết vài cô học cùng trường cô ấy.

— Anh nhiều bạn gái quá nhỉ. Cứ cái đà này thì rồi có khi trong một ngày anh phải tỏ tình với hai cô.

— Còn em ít bạn trai sao. Anh tưởng tượng ra một lần nào đó em sẽ đứng trước đám bạn trai của Kim và nói : « Tôi cần một thằng chồng. Tên nào xưng phong ? » Thế là các cậu sẽ nện nhau cần thận.

Chúng tôi cùng cười. Hương thu hết các mẫu giấy gói bánh mì và quét lại sàn gác. Anh Bằng đọc tấu một bản nhạc ngoại quốc vui vẻ ghi âm.

Khi chị Kim và Hương ra về, căn gác đã bắt đầu nóng hầm hập vì nắng trưa. Ngõ bết ồ ồ. Bầu không khí thơm nức mùi sào nấu. Nhờ mấy khúc bánh mì, tôi và anh Bằng không phải trở vào chùa ăn cơm chay. Năm trên ghế bõ nóng chịu không nổi, chúng tôi lại cời trần lăn ra sàn gác. Tôi nằm giữa anh Bằng và anh Phong. Tôi định ngủ thì anh Bằng chợt nói :

— Anh có yêu chị Kim không ?

Anh Phong :

— Lại muốn nói chuyện tình cảm hả ?

Anh Bằng nghiêm trang :

— Em hỏi thật đó. Em thấy chị Kim cũng có nhiều cảm tình với anh.

Anh Phong yên lặng. Tôi xen vào :

— Anh quen chị Kim từ hồi nào ? Anh kể đi. Em quý mến anh, chị Kim và Hương nên em muốn biết rõ thêm về các anh các chị.

Có lẽ nhận ra vẻ tò mò của tôi và anh Bằng, anh Phong lưỡng lự một chút rồi chiều ý chúng tôi, bắt đầu kể :

— Giữa trưa nóng thế này mà nói chuyện tình cảm thì thật không hợp tí nào. Câu chuyện của tôi giản dị lắm

Tôi quen với gia đình Kim từ lúc Kim mới hơn mười tuổi. Thứ bảy tôi thường đến nói chuyện với người anh trai của Kim. Hai chúng tôi ngồi giữa phòng học ba hoa đủ thứ chuyện. Kim ngồi học ở một cái bàn bên cửa sổ. Dù muốn, dù không, thỉnh thoảng Kim cũng phải nghe chuyện của chúng tôi. Quả thực, lúc đó tôi chỉ coi Kim như một cô bé con. Kim nghiêm trang chăm chỉ, thường ngồi như bất động bên bàn học. Ngay cả những lần tôi và Long — anh Kim — gân cổ, to tiếng tranh luận cô ta cũng không quay lại.

Một lần, trong lúc chờ Long về, tôi đến đứng cạnh bàn học của Kim, nhìn qua cửa sổ. Cửa sổ phòng học trông sang một căn nhà rộng vườn cây cỏ mọc cao như bị bỏ hoang. Căn nhà có một lối kiến trúc thật lạ tường gỗ, mái ngói, góc mái cong như ở một ngôi chùa cổ. Xung quanh nhà có hành lang gỗ. Muốn vào nhà người ta phải bước lên mấy cái bậc xếp bằng đá trắng. Một bức màn tre mắc từ mái phủ xuống tới mặt sàn gỗ. Sát chân tường, một thân cây mục nằm trên một đồng lá khô. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ là nhà có người ở. Tôi ngạc nhiên và tò mò quay lại hỏi Kim về người chủ của căn nhà ấy. Rồi từ chuyện căn nhà, chúng tôi chuyển sang các vấn đề khác. Câu chuyện giữa chúng tôi thật vui. Và, lúc đó tôi khám phá được một điều thật thú vị: Kim có nhiều ý tưởng thật giống tôi. Có lúc, tôi tưởng cô ta vừa nhắc lại một câu nói nào đó của tôi. Tôi tìm về chế giễu trên khuôn mặt Kim. Nhưng Kim tỏ ra rất vui tươi và thành thực. Chúng tôi có một thứ « ngôn ngữ » giống hệt nhau. Từ cách diễn tả ý nghĩ, cách xử dụng những danh từ thời đại đến lối nói đùa cho vui, chúng tôi đều hợp nhau. Tôi

thấy Kim lớn hơn tôi nghĩ. Mặc dầu vậy, sau đó, tôi vẫn coi Kim như một cô bé ngây thơ.

Sự giống nhau đó chắc không phải tình cờ. Trong nhiều năm, mỗi tuần đều phải nghe chuyện tôi và Long, chắc Kim bị ảnh hưởng. Cô gái kín đáo, hiền lành đó hẳn đã có nhiều lần nhìn đời theo lối nhìn của tôi.

Anh Bằng hỏi :

— Hồi ấy, anh đã yêu chị Kim chưa ?

— Chưa. Thỉnh thoảng nghĩ về Kim tôi có hơi cảm động. Tôi tưởng như một phần ý nghĩ, quan niệm của tôi đã dừng lại nơi người con gái ngồi chăm chỉ làm việc bên cửa sổ. Có lần, tôi hỏi Kim « Không hiểu hồi trước anh đã nghĩ thế nào về những người tự tử ? » và tôi được Kim nhắc lại khá đầy đủ những điều tôi đã quên. Tôi sung sướng và hơi kiêu hãnh. Đó là sự hải lòng của một kẻ tha hồ vút bừa bãi ý tưởng sau lưng và được một cô gái nhặt nhanh, giữ gìn cho. Có khi Kim nhắc lại một câu mà thực tình tôi không nhớ đã nói ở đâu, trong trường hợp nào. Kim còn bảo động ngay khi tôi có một ý tưởng mâu thuẫn với chính mình. Khi nói chuyện với Kim tôi có cảm tưởng là đang đối thoại với một sự sống gồm đủ quá khứ, hiện tại.

Khi Long nhập ngũ, tôi bắt đầu ít đến nhà Kim. Có khi cả năm trời mới gặp lại cô ta. Lần gặp lại mới đây, tôi bỗng thấy Kim lớn, đẹp và thay đổi hẳn. Kim tinh quái nghịch ngợm, láu lỉnh hơn. Như một cô em gái cần phải bàn luận với ông anh, Kim kể cho tôi nghe về một mối tình có kết luận bi đát: chàng nàng xa nhau. Kim thú thực là đã đau khổ và kiêu hãnh vì được đau khổ. Với tư cách một người anh lớn, tôi bảo :

— Em lao vào tình yêu quá sớm thế là dại dột.

Kim cãi :

— Em mười tám tuổi rồi. Chính anh vẫn nói với anh Long là khi lên 6 tuổi người ta phải đi học, khi mười bảy mười tám phải yêu, trong khoảng 20, đến 30 tuổi phải lập gia đình. Đó là chuyện bình thường và dĩ nhiên. Đi học lúc 6 tuổi hay yêu lúc mười tám chả có điều gì đáng khen hay đáng chê hơn điều nào. Nếu không chịu khuôn khổ bình thường, muốn vượt ra thì cũng nên sống hơn mọi người, đừng chịu thiệt.

Tôi bảo Kim :

— Em hiểu lầm ý anh rồi. Ở xã hội ta, những mối tình trong quá khứ là thành tích của người đàn ông nhưng lại là những lầm lỡ của người đàn bà.

Tôi nói thế cũng chỉ cốt để thắng cuộc tranh luận hơn là dạy khôn cho Kim. Không ngờ Kim lại bắt đầu mang mặc cảm phạm tội và khổ sở về quá khứ của mình. Có một điều Kim không hề biết là sự đau khổ lại rọi sáng tâm hồn nàng hơn. Những khuôn mặt sung sướng, thỏa mãn thường giống những bức tranh nhiều màu vô duyên. Hào quang rực rỡ trên đầu các vị thánh thường là kết tinh của một cuộc đời cực kỳ gian khổ. Kim đã tìm đến, đã thưởng thức sự đau khổ, tôi thấy Kim đẹp hơn nhiều.

Anh Bằng nói :

— Em nghĩ là hai người yêu nhau rồi.

Anh Phong im lặng một lát mới kể tiếp :

— Đến đây, có một điều rắc rối không liên can gì đến những sự việc tôi đã kể. Sự chênh lệch giữa hai gia đình vẫn thường đóng vai trò quan trọng trong thảm kịch



ai tình yêu. Tôi cũng có mặc cảm. Sống giữa xã hội này, những người nghèo cũng thường thiệt thòi như những người khiếm thị. Nếu không cẩn thận, một ngày nào đó họ có thể giạt mình khám phá kẻ đang dấn dặt mình là tiền bạc, là sự ham muốn thấp hèn. Sự thừa thãi hay thiếu thốn vật chất đều có thể đưa con người đến chỗ bần tiện, đáng ghét. Phải can đảm lắm người ta mới thực sự không sợ những biến chứng kỳ quặc, nguy hiểm của bệnh nghèo. Tôi không muốn Kim biết và hiểu điều đó.

(Còn nữa)



★ Danh ngôn

— Im lặng là vàng (Tục ngữ).

— Đường đi khó không vì ngăn sông cách núi mà vì lòng người ngại núi e sông.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

chuyện mình

✦ Tống Minh Phụng

Những ngày vui đánh mất
Nghe gió chuyện vì o đời
Mang từng hơi thở nóng
Chê từng hạt mưa rơi

Gió phương đông còn đó
Ta ngủ thiếp từ lâu
Bên ngọn đèn sắp lụn
Tiếng quạ gọi giang đầu

Hôm qua còn tiếng hát
Hôm nay kẻ gọi dò
Bên bờ người gục xuống
Hàng vạn người âu lo

Hồi mùa Thu lá rụng
Và mùa Đông sương mù
Cho ta mặt trời mọc
Đốt cháy cả âm u

Tương lai này vụt mất
Cuộn kềm gai xiết dần
Quê hương ta là đó
Bom đạn từng bữa ăn.

● Xin mùa Xuân tươi mát
Cánh nhạn trở lại bờ
Ta đi vào tiếng nhạc
Với giọng cười trẻ thơ.



Những người
đàn bà
lừng danh
trong lịch-sử

★ 23

Hoàng
hậu

SABA

★ TÂN-PHONG

★ Một tên thợ bạc
lên làm vua.



H O ÀNG hậu Saba (Hoàng hậu của xứ Saba), là cái tên lịch-sử của người đàn - bà trẻ đẹp, duyên-dáng, và đa-tình ấy của thời Tối - Cổ (de la plus Haute Antiquité) mà trong Thánh Kinh của Thiên chúa giáo có nói đến và khen-ngợi (chương I, *Rois* đoạn 10. *Cựu Ước*).

Đời nàng thật là thơ mộng nhất là cuộc tình duyên say-mê và cảm-dộng của nàng bị luật-pháp Triều-định cấm ngặt đã làm nổi bật lên bản chất thiên-nhiên của người phụ-nữ bất cứ ở xứ nào, ở thời-dại nào, và giai cấp nào bản-chất của **Tình Yêu**.

Nhưng, trước hết, tôi muốn đưa bạn đọc trở về một chút Lịch-sử của xứ **Saba** để rồi các bạn sẽ hiểu rõ hơn về tiểu sử của **Hoàng hậu Saba**.

Saba là một quốc-gia A rập

tối cổ ở dọc bờ biển **Hồng Hải**, thế kỷ thứ VIII trước J C. Nay là một phần đất của xứ Yémen. Lịch sử A rập chép lại rằng xứ này là quê hương của hoàng-hậu Saba, và gọi tên thật của nàng là **Balkis**, hay là **Balquis**. Trái lại lịch sử xứ **Ethiopie** lại xác nhận rằng chính xứ **Ethiopie** (Abyssinie, ở Trung Phi-châu) mới đúng là quê hương của nàng, và tên thật của nàng, -- nữ-danh, -- là **Makéda**. Hiện nay, hai nước này vẫn tranh giành-vinh-dự là quê-hương của Hoàng hậu Saba.

Nhưng xét kỹ về các biến chuyển lịch-sử thời bấy giờ thì cái thuyết của xứ **Ethiopie** có phần đích xác hơn.

Hay là nói Nàng sinh ở **Ethiopie** và làm Hoàng hậu ở **Saba**, thì đúng hơn cả.

Nhưng nàng là ai ?

Trở về Kinh Cựu-Ước, sau thời kỳ Đạo sĩ Moïse từ biệt Ai cập trở về Chanaan, không phải toàn-thể dân Hébreux

đã theo ông. Một số đông không tin tưởng nơi Đạo-sĩ, đã ở lại. Đó là những người giàu có, đã gầy - dựng sự-nghiệp khá vẻ vang ở Kinh-đô các Pharaons, và không thích di cư về xứ Chúa.

Trong đám đông người ở lại có khá nhiều các cô gái diêm, đủ hạng gái «làng chơi» mà hơn thanh-niên công-tử công-tôn của Ai - cập rất ham chuộng. Tuy nhiên, lúc bấy giờ ở ngay trên đất Ai-cập, người Do-Thái và dân bản-xứ đã có nhiều mối thù cố-cự, hai bên vẫn tìm cách tàn-sát nhau. Bỗng dưng có tin đồn khắp thủ-đô Ai-cập, rằng một đạo binh của Thái tử con vua Ramsès vượt qua **Hồng Hải** bị Chúa của Do Thái làm nổi sóng gió nhận chìm hết xuống đáy biển. Người Ai-cập được tin đó liền nổi giận, hăm-hảm kéo đến các xóm của người Do Thái ở, và tàn sát để trả thù cho quân-đội của họ.

Người Do Thái bị giết chết rất nhiều. Còn sống sót độ một trăm người chạy tán-loạn trong đêm tối để tìm nơi trốn thoát. Nhưng sáng hôm sau họ bị khám phá và bị bắt hết, bị «tòa án dân chúng» của Ai-cập kết tội xô-xướng **Hồng Hải**, lúc bấy giờ gọi là «**Biển Máu**» — **Huyết Hải**. Chúa của Do Thái, (tức là Chúa Trời, trong Thánh kinh gọi là l'Eternel) liền nổi trận cuồng phong thổi tắt cả vào sa-mạc, để cứu bọn Do Thái. Nhờ vậy, đám tàn-dân Do Thái này kéo nhau đến định-cư một nơi có núi gò cao và phi nhiêu, cây cỏ tươi tốt, ở tận trung - tâm Phi châu còn hoang vu chưa có người khai khẩn. Ba ngàn năm trăm năm sau, đám dân Do Thái phiêu lưu này trở thành một dân-tộc giàu mạnh nhờ các nghề trồng tía, chăn nuôi, và nghề làm vàng bạc. Họ thành lập một xứ, đặt thủ-đô là **Axoum**, tức là xứ

Ethiopië ngày nay.

Một chú thợ bạc giàu nhất tên là **Anguebo** được dân chúng tôn lên làm Vua.

✧ Công chúa **Makéda** không được lấy chồng

Vua **Anguebo** và vợ là **Rachel** đến tuổi già mà không có con trai để nối nghiệp quốc vương. Ông chỉ có một mụn con gái tên là **Mammété** có con gái độc như để truyền ngôi báu, có vương miện 7 viên ngọc thạch, của Vương quốc Axoum.

Các ông Cố-Đạo Do Thái có uy-tín lớn đối với dân chúng, được quyền định đoạt luật pháp trong nước, chấp nhận công - chúa **Mammété** được lên ngôi Hoàng hậu sau khi vua chết, nhưng phải tuân theo một điều kiện, là suốt đời phải giữ trinh tiết, không được lấy chồng, và

cũng không được yêu một người đàn ông nào.

Hội đồng cố đạo phán rằng : ngôi trên Ngai báu của xứ Axoum phải là một công-chúa hoàn toàn trong sạch.

Mặc dầu vua **Anguebo** phản đối và tìm cách vận động cho con gái độc - nhưt của ông khỏi bị luật pháp dã-man kia ràng buộc, Hội đồng Cố-Đạo vẫn cương quyết giữ lập trường và công chúa **Mammété** bị bắt buộc chấp thuận điều kiện vô-nhân-đạo. Từ đó, Công chúa **Mammété** được đổi tên là Công chúa **Makéda**, theo tiếng Ethiopien có nghĩa là Công - Chúa **Trinh Tráng**.

Hôm vua cha băng-hà, công chúa **Makéda** vừa đúng 20 tuổi. Bốn chục ngày sau, nàng được tôn lên ngôi Hoàng - hậu Vương quốc Axoum, và trước Hội - đồng Cố-Đạo và toàn - thể dân

chúng thủ-đo, nàng khảng khái làm lễ tuyên thệ « Giữ trọn đời trinh tiết, không yêu người đàn ông nào »

● « Suốt đêm em khóc vì nhớ thương anh... »

Nhưng Hoàng-tử đẹp trai hiện ra trước mắt Công-chúa ngay lúc nàng thốt ra lời tuyên thệ...

Trong đám các vua chúa và quan khách ngoại-giao của các xứ A rap, Do Thái, Hy Lạp, Ai Cập, Ba-Tư đến dự lễ đăng quang của Hoàng hậu, có Hoàng tử **Assadaron**, cháu đích tôn của Hoàng-đế xứ Babyloie.

Trong nghi lễ oai-nghiêm trang lệ, ngay giây phút đầu tiên hai tia mắt của nàng và của chàng vô tình chạm vào nhau, tiếng sét đã nổ trong tim chàng và tim nàng.

Và đêm ấy, khi những ngọn đuốc mở cá sấu đã tàn, khi

tiếng nhạc ru-dương của đoàn cung-nữ đã im lặng. Trong khung cảnh lờ mờ thơ mộng của Vườn Ngự uyển ngào ngạt hoa thơm, Hoàng Hậu **Makéda** trẻ - đẹp đã ngã gục vào đôi cánh tay say sưa âu-yếm của Hoàng tử xứ Babyloie.

Nhưng trong giây phút của tình yêu ban đầu và tình yêu tuyệt vọng, nàng vẫn giữ « trong - trắng - như - viên - ngọc - trong - lòng - biển - đại - dương ».

Hoàng tử **Assadaron** xin ở lại Axoum, không về xứ, Cuộc giao-thiếp lên lút giữa chàng và Hoàng-Hậu **Trinh-tiết** mỗi ngày mỗi thân mật thêm, mặc dầu nàng biết rằng những đôi mắt cú vọ của Hội-đồng Cố-đạo vẫn không ngớt dòm ngó nàng, theo dõi nàng, trong ánh sáng và trong bóng tối ... Nhất là ông Hoàng **Amrain**, người của Hoàng tộc được đề-cử

làm cố-vấn cho Hoàng hậu còn trẻ tuổi. lúc nào cũng nhìn nàng với đôi mắt xoi mói, lạnh-lùng, nghiêm khắc.

Nàng có nuôi hai con két đỏ, một trống, một mái, mà nàng tập-luyện làm trung gian cho những cuộc gặp-gỡ bí-mật giữa nàng và chàng. Lúc bấy giờ người Ethiopiens cũng như Ai cập chưa có văn tự, cho nên chưa biết viết thư, mặc dầu họ đã văn minh không kém Hy Lạp và Ba-tư.

Hoàng hậu giạy hai con két nói «**Na na fikrit Aron**» : nghĩa là: «**Đến đây, đến đây, Tinh-nhân Aron**». Aron tức là chữ dầu và chữ cuối của Hoàng - tử Assadaron.

Mỗi lần trông thấy người yêu đi lang thang ngoài thành nàng thả hai con két đỏ ra, chúng bay đậu trên các cành cây và đua nhau kêu «**Na, na, fikrit Aron... Na, na, fikrit Aron**». Thế là hoàng

tử Assadaron hiểu ý đèn lên bóng vào vườn thượng-uyển để gặp người yêu.

Hoàng hậu Makéda và «**Aron**» mỗi ngày mỗi thăm thiết say mê. Đã bao nhiêu lần nàng âu-yếm và đau khổ gục đầu vào ngực thút thít trong lòng tinh nhân. Chàng ôm xiết nàng trong đôi cánh tay yêu-đương khỏe mạnh, hôn tròn nàng, hôn nàng trên mái tóc, trên đôi mắt, làn môi, với hai ngón lệ âm-thầm của tuyệt vọng.

Nhưng, mặc dầu có những lúc men yêu làm cháy thịt cháy da, người yêu mê say đòi hỏi, Hoàng-hậu Makéda trẻ đẹp, sâu mộng, đa tình, vẫn cố nén giữ được trong-trắng, không dám để phạm đến trình tiết mà nàng đã tuyên thệ bảo toàn trước Chúa và thần-dân.

Một buổi sáng, hai Cung nữ da đen thân-tín nhất của Hoàng hậu rón rén bước vào

phòng nàng, trong bàn tay mỗi người có một vật gì đồ tươi giống như con két, nhưng không cử động. Hai nàng hầu cận vừa đến vừa khóc.

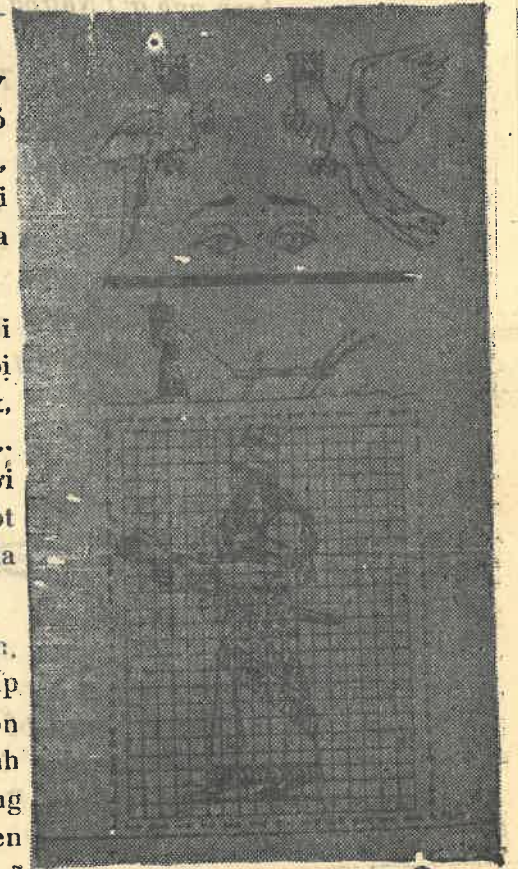
Makéda ngó kỹ thì ra hai con két của nàng đã bị bàn tay bí-mật cắt cổ chết, hai vết thương còn rỉ máu...

Nàng biết đó là một lời cảnh cáo nghiêm trọng, một điềm dữ cho tính mệnh của nàng và của người yêu.

Nàng suy-nghĩ suốt đêm, thấy cần phải báo tin gấp cho Hoàng tử Assadaron biết để chàng liệu xa lánh nơi nguy hiểm này. Nàng trao cho cung nữ da đen mang đến chàng một bức vẽ do tay nàng vẽ ra :

Nàng tin rằng Hoàng tử Assadaron sẽ đoán hiểu ý-nghĩa của bức tranh bí hiểm.

Hiện nay ở Ethiopie bức vẽ này hãy còn lưu truyền



Bức vẽ do tay Nữ-hoàng Makéda vẽ trao cho Hoàng-tử Assadaron

●

trong dân chúng với bản dịch nghĩa sau đây :

« Aron anh ơi ! Những bàn tay bí mật và tàn ác đã bóp chết hai con Két, sứ-giả Tình yêu của chúng ta.

Cho nên em buồn, em khóc... Suốt đêm vì nhớ thương anh, mắt em để tuôn rơi hai giòng thảm lệ.

Thời, chúng ta hãy gách một đường đen để tang cho tình-yêu từ nay.

Từ nay, Makéda, đau khổ và cô đơn, luôn luôn mắt tràn ngập lệ, tiếp tục nhiệm-vụ lịch-sử như kẻ nô lệ phải kéo cày trên mảnh đất gồ ghề đầy sỏi đá.

Vĩnh biệt anh, Aron ơi ! Anh nên xa lánh chốn này... Giữa anh và em từ nay sẽ có bức màn ngăn cách... Hãy quên em đi ! »

(Kỳ sau tiếp)



□ Thần tượng

Những lời tuyên bố mới đây của John Lennon, «xếp» đoàn Bit-ton (Beatles) đã làm xôn xao dư luận ở Mỹ. Để cứu văn minh thế, bọn Beatles kéo nhau đi Nữ-Ước trình diễn và nhân tiện thanh minh...

Ngày lên đường, cuộc tiễn đưa tại phi trường vô cùng trọng thể, hàng mấy vạn thanh niên nam nữ chen chúc nhau. Rất nhiều biểu ngữ, trong đó có câu :

« Nếu Hoa Kỳ đụng đến chân lông tí quai Beatles, chắc chắn đại chiến thứ ba sẽ bùng nổ ! »

người anh xa xôi

□ H.T. NGOC-HA

Tôi sợ ngày mai đến hững hờ
thì ngàn lưu luyến cũng bơ vơ
người xa xôi lắm... bao ngăn cách,
em biết... yêu rồi chỉ mộng mơ !

tôi sợ tình duyên sớm bẽ bàng
sao lòng tha thiết vẫn chờ mong
vẫn thăm... thương nhớ trao người ấy
biền biệt dù xa mấy núi sông !

thu đến đây rồi gieo vẩn vương
thu rơi từng lá rụng bên đường
gió thu hiu hắt càng tê lạnh,
càng nặng bên lòng nhớ nhung.

dẫu biết yêu anh quá muộn màng
nhưng còn yêu mãi đến ngàn năm.
thôi em xin gói tròn cay đắng
giác mộng ban đầu... hạ dở dang

mại dâm

Vấn-đề

XÃ-HỘI

hay vấn-đề

LUÂN-LÝ?

* 7 thực tế
* của vấn-đề.

* DIỆU-HUYỀN

Δ Thực-tế số :

Vương-thị-Xuân : cô gái 17 tuổi, có nhan-sắc mặn-mà.
Học-lực : lớp Ba tiểu-học. Nghỉ học từ năm 10 tuổi, vì nhà nghèo.

Cha : 45 tuổi, làm công, lương tháng 3.600đ.

Mẹ : 41 tuổi, làm đầy-tớ cho một bà Bô-trưởng, lương tháng 2.000đ. Làm cả ngày, 10 giờ đêm mới được về nhà.

1 Anh : 20 tuổi, Học-lực đệ-tứ, cũng đã nghỉ học vì nhà nghèo. Hiện giờ thất-nghiệp, đi theo du-dăng.

1 Chị : 19 tuổi, đẹp và thùy-mị. Đi ở mướn cho một bà Luật-sư, lương 2.000đ.

6 em : 4 trai, 2 gái, từ 6 tới 16 tuổi. 3 đứa đi học trường tư.

1 em bé : mới sanh, 3 tháng.

Nhà : nhà lá, ở xóm lao-dộng Thị-Nghè. Dài 6 th, rộng 3 th, kê cả bếp và cầu tiêu.

Ngân-sách gia-đình, mỗi tháng :

Thâu :		Chi :	
Lương cha	3.600đ.	Tiền nhà	500đ.
Lương mẹ	2.000đ.	Đèn điện, kê cả đèn cây những đêm bị cúp hơi	100đ.
Lương con gái lớn	2.000đ.	Gạo	2.000đ.
	7.600đ.	Chợ	2.500đ.
		Mắm, muối, củ, và phòng, và các lật vặt cần thiết	1.000đ.
		ăn sáng	2.000đ.
		sữa hộp cho em bé	600đ.
		Tiền học của 3 đứa con	700đ.
			9.400đ.
Chi	9.400đ.		
Thâu	7.600đ.		
Mỗi tháng thiếu hụt	1.800đ.		

Chưa kể : May quần áo ? }
 « đau ốm thuốc thang . . . ? }
 » các ngày giỗ Ông Bà . . . ? }
 « Cuối năm sắm Tết . . . ? }
 Đè lấp vào những thiếu hụt lớn này, phải vay (lời 3 phân) đồ nợ. Cầm đồ... và đồ nợ mãi, vẫn không sao giải-quyết đời sống cho được tạm đầy đủ ấm no.

Quyết-dịnh của người cha = không cho 3 đứa con đi học nữa.

(Bảng thống-kê tổng-quát trên đây làm theo cuộc điều-tra của Diệ-Huyền trong các nhà lao-dộng quen ở Gò-Vấp, Hóc-Môn, Hòa-Hưng, Thị-Nghè, Bàn-Cờ).

△ Thực-tế số 2

a) Bé 3 tháng bị cảm thưng-hàn. Má nó xin bà chủ, vợ ông Bộ-trưởng, cho mượn 300đ. để đưa con đi nhà thương và mua thuốc. Bà Bộ-trưởng cho mượn 100, cuối tháng trừ lương.

b) Nhà hết gạo, 2 thằng em đau, người chị xin bà chủ, vợ ông Luật-sư, cho mượn 500đ. Bà Luật-sư không cho, vì người ở đã mượn nhiều rồi.

c) Vương-thị-Xuân, 17 tuổi, làm việc quá sức, gánh nước, nấu cơm, đi chợ, thức khuya dậy sớm lo mọi việc cho đời sống hằng ngày ở gia-dình, một hôm bị đau-nặng, nằm liệt giường. Má cô và chị cô không chạy đâu ra tiền. Xuân phải lấy áo dài hàng màu đẹp nhứt của cô đưa má đem đi bán, được 200đ. Má cô thuê xe taxi đưa cô đi nằm « Bệnh-Viện Bình-Dân. »

d) Gia-dình không ai săn-sóc, chợ búa, cơm nước. Má đứa nhỏ khóc la, má cô Xuân phải xin nghỉ việc để lo việc nhà thay thế con gái.

△ Thực-tế số 3

Một cụ tứ-bà, do một tên ma-cô liên-lạc cho tin-tức, biết hoàn-cảnh cô Xuân đang nằm bệnh-viện, đến dụ-dỗ cô :

— ... Đời sống của em sẽ được bảo-đảm. Em sẽ kiếm được nhiều tiền, áo quần đẹp, may thứ hàng gì cũng có. Tha-hồ phần sấp.

qua bánh mỗi ngày. Dư tiền đem về cho má mỗi tháng vài ba ghim là ít. Muốn lấy Mỹ, cất nhà lầu, tậu xe-hơi, không mấy lúc. Chị cũng có quen nhiều ông Lớn, toàn là những ông gộc, mấy ông bao-bạc em, đời em sung-sướng, sang trọng thua gì các bà lớn. Em nghe lời chị, tội gì chịu cảnh nghèo nàn, làm lụng khổ sở mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc ? ... v.v... v.v...

△ Thực-tế số 4

Sau một tuần lễ nằm nhà thương, nghe bác-sĩ nói bị bệnh đau tim phải chữa lâu, Vương thị Xuân trốn nhà thương ra đi, tào mụ tứ-bà, làm nghề mại-dâm. Khởi làm lụng khổ cực như trong gia đình. Áo quần sang, đẹp, không thua gì áo của bà Luật sư, của bà Bộ-trưởng. Mỗi tháng đem về giúp má 4000 đồng. Gia đình sung túc hơn xưa. Xuân giấu, không cho cha mẹ biết cô làm nghề gì mà có nhiều tiền như thế, nhưng ba má cô cũng làm ngờ, không hỏi làm chi. Chị cô bảo : « nó đi làm cho Mỹ ».

□ Thực-tế số 5

a) Bà luật sư, Bà Bộ-trưởng, ông Bác-sĩ, Bà Giáo sư, ông Kỹ-sư, Bà Chủ hãng buôn, Bà Chủ Báo, Bà X, bà Y, bà Z, v.v... toàn là những nhà học-già, trí thức thượng-lưu, trường-già, quý-phái, triệu-phú, tỷ-phú, mô-phạm, v.v... cô động lập « Hội Bảo vệ phẩm-giá và Luân-Lý Đạo-Đức Đàn Bà Con Gái Nước Nam ». Các quý ông quý bà mỗi sáng chúa nhứt đến trụ-sở diễn-thuyết công-kích nghề mại dâm, hô-hào phải tôn trọng phẩm giá và luân-lý đạo-đức của con gái đàn bà Việt Nam, kêu gọi gái diêm nên bỏ nghề đó, trở lại cuộc đời hoàn lương, kiếm việc làm lương-thiện, để bảo vệ phẩm-giá, luân lý, đạo đức phụ nữ Việt nam « 4000 năm văn-hiến », vân vân và vân vân... Quý ông quý bà viết những bài báo tràng giang đại hải, ký những tên Bác-sĩ X, Luật sư Y, giáo sư Z, đem hết những lý thuyết cao siêu, những triết học thâm-thúy, những danh từ vàng ngọc : mô-phạm đạo đức, Luân lý, phẩm giá, Bà Trưng, Bà Triệu, Ái quốc,

Ái quần, (4000 năm văn hiến) v.v.v. và v.v... đề hồ hào cảm mại dâm, hoặc là hạn chế mại dâm, cảm mại dâm công khai, đã đào tập trung gái điếm một chỗ, v.v...

Thật là cao thượng, mô phạm, lãnh mạnh, đạo đức, yêu nước, thương nòi, và v.v...vv...

△ Thực tế số 6 (có thể)

Một buổi sáng chúa nhật, một ông Luật sư, một bà giáo sư, một ông Bác sĩ thuyết trình như mọi khi tại Trụ sở « Hội Bảo vệ Phẩm giá, Luân lý, Đạo đức đàn-bà con gái Nước Nam », trước hàng ngàn thánh giá trí-thức Quý ông, quý Bà nói rất hay, thao thao bất tuyệt, tỏ ra những bậc Đại-Đạo-Đức học cao, biết rộng, ngôn-ngữ rất hùng-hồn, lý-tưởng rất thâm-thúy, triết lý rất cao siêu, và quyết-liệt bài trừ nạn ma-dâm làm mất phẩm-giá và luân-lý đạo-đức phụ nữ v.v...

Cử tọa vỗ tay hoan-hô như pháo Tết.

Tiếng sấm vỗ-tay vừa dứt, một thiếu nữ 17 tuổi, sắc đẹp mảo mà, duyên-dáng y phục rất sang, trông « le lối » không kém gì là Bộ-trưởng hay bà Bác sĩ, đứng dậy ôn-tồn lễ phép nói :

— Dạ, kính thưa Bà Chủ-tịch « Hội Bảo-vệ Phẩm-giá và Luân-lý Đạo Đức của Đàn-bà con gái nước Việt » và kính thưa quý vị Thượng-Lưu, em có một vài câu hỏi thắc-mắc nho-nhỏ, quý Bà và quý Cụ có vui lòng cho phép em trình-bày không ạ ?

Bà Chủ-tịch đáp :

— Mời Bà cứ nói.

— Dạ thưa, em xin lỗi quý Cụ, quý Bà, quý Ông, em đây là một con gái điếm ạ. Em được hân-hạnh nghe quý Bà quý Ông ban huấn-
từ, giảng bảo nhiều điều rất hay-ho, cao-thượng, quý-hóa, em rất cảm ơn Quý Vị. Vậy bắt đầu từ ngày này, giờ này, em xin sẵn-sàng bỏ nghề mại-dâm khốn-nạn hèn-hạ ty-tiện làm mất phẩm-giá của quý Bà quý Cô. Và, nhân-danh là Chủ-tịch « Hội gái Bán Dâm » có tất cả hiện nay, vừa lậu, vừa công-khai, vừa bán-công-khai, là 200.000 hội-viên ở Đô thành Sài-gòn-Chợ-lớn, em xin tuyên-bố rằng toàn-thê gái điếm chúng em rất sẵn-sàng giải-nghệ, đề bảo vệ phẩm-giá phụ-nữ Việt nam.

Nhưng chúng em xin phép đặt ra 8 câu hỏi thực-tế sau đây :

1.— Quý-Hội Bảo Vệ Phẩm-Giá đàn bà nước Nam có vui lòng đò giữm cho số-phận của 200.000 gái điếm chúng em được đời sống bảo-dảm, cơm đủ no, áo đủ mặc, hay không ạ ?

2.— Hiện nay một số chúng em đang được sống phây-phây là nhờ tiền cấp-dưỡng rộng-rãi của quý khách sang-trọng, trong số đó chúng em được hân-hạnh hầu hạ chân gối nhiều vị hiện vừa mới diễn thuyết hùng-hồn xong, và nhiều vị đang ngồi bàn Chủ-tịch đoàn danh dự ở đây. Vậy, khi chúng em giải-nghệ, quý vị có thể chính thức bao chúng em được như bây giờ đề bảo-vệ phẩm-giá của chúng em không ạ ?

3.— Quý hội có thể giúp gia đình chúng em hết nghèo, hết đói, hết khổ-cực vất vả, và nếu chúng em đi ở mướn thì hết bị các Phu-nhân chủ nhà bóc-lột mồ hôi nước mắt của chúng em với danh nghĩa bảo vệ phẩm giá của phụ nữ không ạ ?

4.— Quý hội đã-đào nghề gái điếm của chúng em, vậy nếu giải-nghệ rồi không có nghề gì làm (điều đó chắc chắn rồi! đấy!) thì chúng em chết đói nơi đầu đường xó chợ. Quý Hội có vì phẩm giá Phụ-nữ mà đem chôn giữm cái xác hôi thúi của chúng em không ạ ?

5.— Chúng em nghèo đói, thất nghiệp, đến biệt thự giàu sang của quý vị để ăn mày chút ít tiền về nuôi miệng và giúp mẹ giúp cha quý vị có mở rộng lòng đạo đức bố thí cho chúng em đồng cơm bát cháo không ạ ? Hay lại xua chó bọc-giê đuổi chúng em ra đường đề bảo-vệ phẩm-giá của phụ nữ ấ ?

6.— Quý vị cấm chúng em làm nghề mại dâm công-khai, nhưng đồng thời đề bảo vệ phẩm giá và Luân-lý đạo đức phụ nữ, quý vị cho phép chúng em làm gái điếm lậu, và tự-do truyền bá vi-trùng lậu cho các giới đồng bào, và trước nhất cho các quan khách ở đây nữa, có phải không ạ ?

7.— Dưới thời Mụ Nhu, mụ cấm tụi em làm mại dâm, đề bảo-vệ phẩm-giá của một số đồng-lúa với mụ làm mại-dâm hạng sang, lên-tút trong các Dinh và các Tòa Đại-Sứ. Vậy, ngày nay quý vị bảo vệ

phầm-giá phụ-nữ, là loại phầm-giá phụ-nữ nào a? Quý Hội có bảo vệ phầm-giá phụ-nữ của những bà Phu-nhơn ôm ngoại-kiểu nhảy twist trong các Sờ-nách Ba sang trọng không a?

8.— Quý vị nêu ra tinh-thần Đạo-đức, Luân-lý, phầm-giá, thật đã hay-ho cao thượng lắm rồi. Nay chúng em chỉ xin quý vị giải-quyết gấp rút hộ cho vấn-đề chết đói, vấn đề hột cơm manh áo, vấn-đề thực-tế xã-hội, của 200.000 gái nghèo chúng em bị xã-hội hất-hủi, bỏ rơi, khinh-khi, bóc lột, đã phải buộc lòng làm nghề mại-dâm. Ai bảo-vệ đời sống của chúng em mà chúng em phải bảo-vệ phầm-giá của phụ nữ?

Chúng em xin ngoan-ngoãn chờ tôn-ý của Quý vị. Nếu được thỏa-mãn 8 câu hỏi trên, toàn thể gái điếm chúng em sẽ xin giải nghệ liền.

△ Thực-tế số 7 (có thể)

Cô gái điếm ngồi xuống. Cả phòng cử tọa im lặng. Quý vị lãnh đạo cao-cấp của Hội Bảo-vệ Phầm-giá... nhìn nhau bỡ ngỡ, ngại ngùng. Tất cả đều nghệt thờ làm thính.

Dư-luận dân chúng, đồng bào các giới bàng-quan, đang chờ câu trả lời của mấy vị đạo-đức Thượng lưu.

Có mấy nhà báo phỏng vấn cô « Chủ-tịch Hội gái bán dâm », cô vui vẻ trả lời:

— Tên em là Vương thị Xuân. Tò sư của em là Vương-thứy-Kiều, ở đời Gia-tĩnh nhà Minh. Cha em làm cu-li hốt rác. Mẹ em đi ở dầy tớ cho bà Bộ trưởng. Hôm em chưa làm nghề này và còn là gái lành, em đau nặng, má em thóc lóc mượn trước tiền lương vài trăm đồng để đưa em đi bác sĩ, bà khăng khăng không cho mượn. Vậy mà Bà là hội viên danh-dự hội Bảo-vệ Phầm giá đàn bà con gái nước Nam đấy! Em có 7 đứa em lặn. Một người chị 19 tuổi rất đẹp,

Đúng **midol** *tri các chứng đau nhức*
và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1560/BY1/DRDC

cũng đi ở mượn khổ sở. Một người anh 20 tuổi đã học đến đệ-tứ, không có tiền học nữa, thất-nghiệp gần một năm, hiện làm nghề dư-đăng để sống. Nhà em nghèo lắm, ông thầy không? Em làm nghề buôn hương bán phấn để cấp-dưỡng cả gia đình 6 đứa em của em đã được đi học là nhờ tiền của em đó. Nếu bảo rằng em làm nghề này là một tội lỗi thì đó là tội của xã hội, chứ tại em tội gì, há ông?

* Kết luận

Sẽ kết luận về vấn đề Mại dâm sau khi được nghe quý vị lãnh đạo hội Bảo vệ Phầm-giá v.v... trả lời cho cô Vương thị Xuân « chủ tịch Hội gái bán dâm »!

* ĐIỀU-HUYỀN



Chia buồn

● Cảm xúc được tin anh TRẦN-VĂN-VĂN, Dân điều Quốc Hội, đã từ trần, tôi kính gửi lời đau đớn phân ưu cùng chị Văn, và thành tâm cầu nguyện hương hồn anh được về cõi An-Lạc.

NGUYỄN-VỸ

● Đau đớn nhận tin bạn NGUYỄN-NGỌC-BÍCH, Kỹ sư, vừa tạ thế sau khi ở Pháp về, xin thành kính chia buồn cùng tang quyến, và cầu nguyện vong linh bạn được tiêu diêu miền cực lạc.

NGUYỄN-VỸ



Đề chết một minh



△ ERIC RAE

★ VÚ-MINH-THIỆU dịch

Chàng quyết vượt 250 cây số, hướng ra biển cả, tranh đấu trong bãi sa mạc bao la vô tận, vất vả, khát, nắng thiêu đốt, không hề đau đớn và mệt nhọc. Suốt liền mấy ngày, ánh sáng chói chang thiêu mù mắt chàng, nhưng chàng vẫn ngả nghiêng đi, cho đến lúc ngã sấp xuống và được cứu vớt.

Ba người bạn khác, cũng bị nạn phi cơ như chàng, cũng vượt 300 cây số đi tìm một ốc đảo, không rõ có kiếm ra không?

Nhưng ở bên ngoài đời tranh đấu và đó là ý nghĩa cuộc đời: sinh ra để tranh đấu, chứ không phải an phận ngồi chờ chết như chàng phi cơ.

Bỏn chầy siết, đáng được cứu, còn người lẻ loi kia thì không đáng, đó là ý nghĩa của người hấp hối và cũng là ý nghĩa chúng.

Truyện ngắn này của Eric Rae được xếp vào trong những truyện ngắn hay nhất trong số 56 truyện do một ban giám khảo quốc tế lựa chọn.

Lúc trở dậy, chàng đã bắt đầu thấy lâm râm nhức vì những vết bỏng nắng. Về hướng đông, trời một màu xanh tro. Chàng lắc đầu và rũ tóc cho cát xuống. Không lạ lùng, cũng không có gì cảm động đặc biệt, chàng đã nhất định nơi này và những việc gì chàng làm tối qua, trước khi đi ngủ. Chàng thắt lại giấy lưng, đi tất và xô giày. Rồi chàng đứng dậy và bắt đầu đi.

Chàng thấy rõ rằng chàng có chín trăm chín mươi chín cái rủi chết và có lẽ chỉ có một cái may sống sót trong bốn mươi tám giờ nữa, có lẽ lại còn ít hơn thế nữa. Nhưng không có gì ngăn trở chàng không thử thời vận. Việc cũng đáng kể. Và nữa, chàng cũng chẳng biết làm gì hơn.

Mỗi lúc trời lại nhuộm màu tươi đẹp hơn, trong khi ấy, ánh mờ nhạt của bình minh lần lần tan biến.

Vàng đồng chưa ló ra chân trời, ở các phía bắc, tây, nam, sa mạc bừng dậy, với những màu, nhẹ nhẹ xanh mịn, xanh lam và đỏ thẫm. Rồi những cơn cát với những đường nét dập dờn dần dần biến ra màu vàng tươi. Theo một con đường cố gắng vạch

thẳng, chàng tiến về hướng nghê rằng sẽ tới biển được. Chàng quyết định nơi theo con đường này từ hai hôm nay, khi chàng chia tay với các bạn.

Cách đây hai ngày, bọn chàng có năm người; năm người và một chiếc phi cơ bị nạn, chuyên chở khí giới lậu ở Bắc-Phi, khi phi cơ rớt xuống bãi sa mạc.

Theo dự đoán của viên phi công, họ ở cách bốn trăm cây số những nơi có người sinh sống. Không ai có thể đi bộ vượt một quãng đường dài như thế được. Họ bàn tán với nhau.

Viên phi công nói, chàng là người duy nhất gần biết rõ hiện họ đang ở nơi nào:

— Phải có một ốc đảo cách đây 300 cây số về hướng tây bắc. Cách đây vài năm có như vậy. Nhưng các bạn cũng biết rằng các ốc đảo thường đôi khi cũng khô cạn.

Một người trong bọn nói:

— Cứ thử đi tìm còn hơn không làm gì.

Viên phi công tuyên bố:

— Rải ít hy vọng đối với tôi. Cái may tới nơi đó thật mong manh. Và nếu có sự tình lầm, dù nhỏ về phần tôi, chúng

ta rất có thể đi sang phía bên cạnh và tiếp tục đi vào cõi hư vô.

Chàng nói không chút cảm động. Chàng không phải là người ưa thêu dệt choto chuyện. Ngay lúc thoát đầu, chúng ta đã tỏ ý hy vọng rằng sẽ được cứu vớt và chúng ta đã tới kết luận không ai đi tìm kiếm chúng ta — vì tất cả mọi người không biết chúng ta đi đâu. — viên phi công, một người Anh, khuôn mặt rắn rỏi, cựu học sinh các trường đại học có tiếng, dành nhún vai. Chàng đã chọn nghiệp này, chàng hiểu những hậu quả của sự thất bại.

Các bạn chàng hỏi :

— Vậy biết làm thế nào ?

Viên phi công đáp :

— Ở lại đây chờ chết. Chúng ta có thể ngồi dưới bóng xác phi cơ. Như vậy dễ chịu hơn.

△

Người đi lúc này là người dễ nghị theo hướng ra biển. Chàng đã dự đoán khoảng đường.

— Chừng 250 cây số, nếu tôi có thể tìm ở sự tính toán của tôi.

Viên phi công nhìn chàng với cặp mắt xanh nhỏ mọt mòi :

— Nhưng tới biển có ích gì ?

Nếu ta tới được đấy, điều đó cũng còn chưa chắc, chúng ta cũng như chẳng tiến được gì. Thật rất hiếm có tàu qua lại, và nữa, tàu bè cũng chẳng có đi sát ven biển.

Chàng không rõ tại sao mình muốn đi ra hướng biển. Có thể vì đó là một mục tiêu rộng lớn hơn và cứ tiếp tục đi ít nhất người ta cũng có thể tới một nơi nào đó. Và cũng có thể chàng không tin tưởng lắm về điểm nhỏ ước định không rõ rệt cách đây 300 cây số về hướng tây bắc. Nhưng điều chắc chắn hơn, chàng nghĩ như vậy, là chàng sẽ chết và muốn chết lẻ loi một mình.

Họ năm người. Một người trong bọn, lạnh lùng ngồi xuống bóng xác phi cơ. Ba người khác mang theo chiếc địa bàn duy nhất và ba phần trăm nước dự trữ và thức ăn. Và họ đi hai ngày trước, tiến về phía ốc đảo. Còn về phần chàng, chàng hướng theo phía đông, trong vùng bao la vắng vẻ.

△

Nếu chàng phải chết, chàng không muốn thấy kẻ khác chết. Riêng một mình, chàng không có một trách nhiệm nào, không có một nhiệm vụ nào mà có lẽ những người khác nhận thấy phải làm như thế này hay như thế khác sẽ khá hơn, hoặc vì lương tâm chàng bắt buộc phải hành động. Hơn nữa, chàng không cần phải nói. Chàng không muốn nói.

Chàng nhận định rõ ràng khoảng đường 250 cây số. Có lẽ, ở Anh-quốc, chàng đã đi bộ chơi 50 cây số với một hành lý nhẹ, ngừng ở đường để ăn uống và nghỉ ngơi. Hai chân bị thương tích làm chàng bị đau đớn liền trong một tuần lễ. Lần này, chàng không mang hành lý. Nhưng chàng lại chẳng có gì để ăn uống. Ở đây, khí hậu cực khổ hơn nhiều, mặt trời không bao giờ giải giáp và phải đi trên cát. Chàng đã cảm thấy mệt nhọc và theo như dự đoán lạc quan nhất, chàng còn 125 cây số phải đi nữa. Chàng có nhiều dịp tốt để lại đời sống của chàng ở đây.

Có mỗi một điểm duy nhất có lợi cho chàng : tính bước binh của chàng. Chàng lỵ đi ban ngày dưới sức nóng gay gắt và nghỉ trong sự mát mẻ ban đêm, — điều trái ngược mà viên phi công đã căn dặn chàng.

Chàng không có địa bàn và không biết tí gì về sự di chuyển của mặt trăng và các vì tinh tú. Chàng chỉ căn cứ vào mặt trời để ước đoán con đường phải nơi theo. Chàng nhủ thầm để an ủi mình, nếu có người đi gần chàng, chàng chỉ trông họ và họ chỉ trông chàng thôi.

Bao giờ chàng cũng làm trái ngược những gì người ta đợi ở chàng, chàng nghĩ như vậy và tiến về hướng mặt trời mọc. Khởi đầu là chàng quyết định sinh sống, cuộc đời riêng biệt của chàng, từ khước không muốn biến thành một thứ nào khác, trái với dự định của mình. Chàng muốn cắt giầy liên lạc với gia đình để chịu chàng, thì chàng đã cắt đứt. Chàng muốn

Dùng midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BY.T./DADÉ

ĐỀ CHẾT MỘT MÌNH

rời xa nhà, chàng đã bỏ đi. Chàng đã đi ngang hồ để không ai lưu ý đến chàng. Và trong khi người ta không biết đến cuộc sinh sống của chàng, thì chàng lại hướng tìm những nhu cầu ấy mà chàng đang bị ám ảnh và chàng phát giác ra những nhu cầu ấy tiêu biểu những gì, cả cái điều chàng thật tình mong ước. Chàng ước mong được tự do. Chàng đi để tìm kiếm tự do.

Nay chàng đã có, cái tự do của chàng. Cái tự do vượt cây số này đến cây số nọ, dưới một ánh nắng địa ngục và trên cát thiêu đốt. Muốn đi bao nhiêu cây số cũng được. Chàng có một mình, chẳng có ai phản đối chàng nữa.

Phương pháp của chàng đề định hướng theo mặt trời rất giản dị. Chàng quá hiểu biết quyền hạn của mình, tránh những vấn đề phức tạp. Chỉ cần giữ bóng chàng ở phía sau, rồi ở phía trước, từ rặng đồng cho đến buổi hoàng hôn. Khi ánh buổi

ban mai hiện ra ở phương đông, chàng có thể lên đường được. Khi ánh sáng tắt lụi ở phương tây và chàng không còn nhìn thấy bóng mình, thì chàng có thể ngừng lại. Công việc có thể thôi.

Chỉ có thể — không kể sự suy nhược, không kể cát mà chàng phải đảo sỏi con đường đi, tưởng như chân chàng có đeo đá, hóa nên nặng nề; không kể mặt trời khủng khiếp và vlnli cứu vãn bởi da thịt chàng, thiêu đốt mắt và làm khô cạn cổ chàng; không kể cái khổ hình chàng phải chịu vì chân đau; không kể không khí hanh khô và nóng bỏng làm ngột ngạt phổi chàng; không kể sự khó chịu do thiếu nước và muối, mất đi vì mồ hôi toát ra, không kể về phía chân trời, ở phương bắc, phương nam, nổi bực rọc của ánh nắng quất vào gáy chàng qua mảnh khăn tay che đây quá dờ; không kể tính cách thất vọng quá sức của công cuộc này.

△

ĐỀ CHẾT MỘT MÌNH

Biết bao ý nghĩ lướt qua đầu óc chàng, buổi sáng nay, trong khi chàng nhất quyết tiến về phương đông. Lúc thì chàng nghĩ về phong cảnh xung quanh, có lúc, mập mờ hơn, chàng lại nghĩ về dĩ vãng. Chàng không nghĩ đến tương lai. Chàng làm gì có tương lai.

«Giữa con người với nhau, chàng như thăm, chúng tôi hướng về tranh đấu với đời». Nhưng ở đây, trong cảnh hư vô này, người ta tranh đấu với thời gian và khoảng vô tận. Và hình như cái tính cách vô nghĩa của chúng ta, trái lại, lại tương xứng với sự quan trọng kinh khủng của thời gian và khoảng vô tận này.

Lúc này, mặt trời sáng lạn trên phía cao, chiếu những tia lửa xuống cát khô khan, lóng lánh và múa nhảy từng đợt trên những cồn cát. Trên phía mặt trời, và trong khắp các ngả, một bầu xanh ngắt và trong, giải rộng từ phía này đến phía kia chân trời. Trong thế gian này, bây giờ chỉ có ba vật: mặt trời, cát và bầu

trời. Đôi khi một chút gió thoảng, chàng hoan nghênh nhiệt liệt, nhưng lại ngăn ngòi. Lúc khác, một vài tảng đá như muốn chọc thủng cảnh phẳng lặng buồn tẻ của cát, và nổi chông lên nhau liền hai ba tảng, trông như lưng một con cò xám kỳ dị.

Chàng ít khi ngẩng đầu lên. Vì chàng không phải luôn luôn canh chừng bóng mình để giữ hướng đi, nên chàng chỉ nhìn xa phía trước từ mười đến hai mươi bước, như vậy chàng đỡ khó nhọc hơn. Thỉnh thoảng, chàng thoáng nhìn chân trời khi trèo tới chóp những cồn cát cao nhất; nhưng chẳng bao giờ có gì khác ngoài khoảng cát bao la vắng vẻ. Chàng muốn chú trọng cả vào chàng, giam nhốt mình trong một vòng chật hẹp và những cảm giác cho riêng chàng.

Thường thường chàng tập trung cả tư tưởng vào chàng — mỗi lúc mỗi nhiều hơn khi thời gian trôi qua, khi sự mệt nhọc và khó chịu gia tăng. Chàng ở trong một thế giới mà ranh giới

Đông midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

360/011/DROX

Đông midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ĐỀ CHẾT MỘT MINH

không bao giờ kéo dài ra quá thân thể chàng, như kết hợp lại chỉ có một thân thể thôi.

△

Ngày hôm ấy, ngày thứ ba cuộc hành trình về phương đông, chàng thấy như những ý nghĩ thừa thớt của chàng về dĩ vãng, những cảm tình của chàng, có từ trước đến nay, đối với cảnh xung quanh ít thân thuộc này, đối với những màu sắc buổi rạng đông — và hoàng hôn thẫm đỏ như máu, đối với tính cách trọng đại, hai hùng và chậm chạp của những khoảng rộng lớn quanh hiu này, bãi dẫu khô cạn dần dần trong đầu óc và thân thể đau đớn của chàng.

Nhưng những nỗi đau đớn về thể xác chưa phải là đáng sợ nhất. Những ý nghĩ của chàng có thể gây ra một sự dày vò khủng khiếp gấp bội, thí dụ như báo chàng rằng khoảng 250 cây số mà viên phi công nói thì chàng phải hiểu đó là khoảng đường chim bay, con đường bộ lên và xuống biết bao nhiêu cồn cát sẽ

éo dài hơn nhiều lắm; tốt hơn hết là quên đi những ý nghĩ này. Hoặc, ít nhất cũng đừng nghĩ lâu lắm làm gì.

Thỉnh thoảng, chìm đắm trong giấc mộng hoặc có cảm giác như mơ mộng, về ngày đại như những người đầu óc trống rỗng, chàng đạt tới mức kỳ dị là quên hẳn mình còn có thể xác. Chàng nhận thấy điều này, nhất là khi chàng leo lên những cồn cát cao nhất. Những đồi cát này dốc thẳng và chàng cảm thấy mệt mỏi kinh khủng. Giày của chàng lún sâu xuống cát, thân người ngã ra phía trước và chàng cảm thấy đau đớn khắp thân thể vì sự cố gắng. Nếu chàng hướng bước đi, chắc chàng đã phải bắt buộc ngừng lại và nghỉ nhiều lần ở mỗi dốc, tập trung những sức lực cần thiết để leo lên tới đỉnh. Nhưng, thường trên các dốc khó khăn nhất, chàng cũng chẳng tìm cách điều khiển cuộc leo lên. Chàng không còn biết có trí giác mình ở đâu. Đôi khi, chàng thấy nó ở xa xăm lắm, lúc khác, chàng như thấy nó ngụy trị ở

ĐỀ CHẾT MỘT MINH

chân chàng. Nhưng chân vẫn tiếp tục đi, bàn chân vẫn sỏi đất, thân người ngã ra phía trước và cuối cùng chàng vẫn tới đỉnh đồi.

Có hai ba lần, chàng đi rất lâu, không hiểu biết chút gì, ngoài cử động chân đi. Không phải hành động như một người mê ngủ tỉnh dậy mà trí óc lạc lõng đầu đầu, như là một người thiếu hẳn linh hồn. Hình như chàng chỉ có cái thân người hững hờ nhận sức nóng chói lòa và đau đớn, không khí khô ráo, nhận thấy sự cố gắng và những thời kỳ mà tư tưởng của chàng mờ ám: cảm thấy đau đớn ở cổ và lưng, cảm thấy sự khó chịu mỗi lúc mỗi tăng, cảm thấy mệt nhọc và tất cả. Nhưng ý thức tất cả như vậy, mà không có trí nhớ, không có một phương pháp nào, gần như không cảm động, như một thân người, hoàn toàn là một thân người không cảm xúc.

Chàng vẫn sống — và cái máy chàng đem ra cho hoạt động từ lúc tỉnh sương vẫn tiếp tục mù

quáng vạch con đường đi.

Mãi cho tới lúc chàng tới một đỉnh đồi cát đặc biệt cao và ngừng lại một lúc để thám hiểm những khoảng mênh mông vắng vẻ, vẫn vô tận, thì chính lúc này chàng thấy ngã lòng lần thứ nhất. Thật là một cảm giác lạ lùng. Chàng thấy chân ngưng nghịu và hình như cả thân người chàng bập bênh và trôi dạt về một bên. Rồi chàng ngã xuống cát và lăn một chút xuống dốc trước khi đứng vững được. Khi chàng ngồi xuống, chàng thấy hai bàn tay nắm chặt và đầy cát. Tinh thần lạc lõng trong cảnh mơ hồ, chàng nhìn chòng chọc vào hai bàn tay, rồi kéo rời ngón tay ra cho cát xám chảy xuống. Chàng không máy may nghĩ ngợi gì về việc xảy ra này. Chàng lại đứng lên và tiếp tục đi.

Chỉ cách khoảng năm mươi bước chàng nhận thấy chàng phải cố gắng mới đứng dậy được. Về chiều, đã mấy lần, chàng nghĩ lơ mơ về sự suy nhược này. Chàng nhủ thầm, thật lạ sa

 **Dung midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm.
CƠ BẢN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC.

 **Dung midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm.
CƠ BẢN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC.

ĐỀ CHIẾT MỘT MÌNH

chàng lại mất thăng bằng trong lúc chàng cảm thấy vững chắc trên cặp giò. Và nữa, trước chàng đã nhận thấy điều khác lạ này; càng đi nhiều và càng thấy mệt nhọc, cho đến một mức nào đó, ta càng thấy chân mạnh và dẻo dai hơn.

Mặt trời ngả bóng, và chàng chỉ còn một giờ ngắn ngủi nữa phải đi, thì chàng lại thấy sức yếu lần thứ hai. Chàng không cảm thấy suy nhược ở trên chóp còn cát, nhưng ở lưng chừng, lúc xuống. Sự việc cũng như lần trước, không triệu chứng gì báo trước. Nhưng lần này, chàng ý thức được việc xảy ra, ngay lúc chàng ngã và chàng chống giữ tại như máy móc, tránh cho khỏi lăn xuống. Chàng đứng dậy và lại đi, không lưu tâm đến việc xảy chân ngã chút nào.

Ánh non doài tắt lụi ở phương tây, như hỏa thiêu bầu trời, với những tia đỏ rực, lẫn cả cát và da thịt chàng rất bỏng. Về phía trước mặt, bóng chàng kéo dài ra, ngả mau hoa cà, rồi ra màu đỏ thẫm. Lần thứ nhất trong nhiều

giờ chàng cảm thấy khuây khoả (đi phân). Nhưng rồi chàng lại cảm thấy mình chẳng nên như vậy. Sự nghỉ ngơi là điều rồi kỳ đời với chàng. Công việc của chàng là đi, đi cho đến lúc nào đi không thể được nữa. Đó là mối hy vọng độc nhất của chàng.

Chàng bết chàng kiệt sức. Chàng không cần phải nghỉ ngơi tới hai sự suy nhược vừa qua để nhận thức điều này. Bàn chân và ống chân chàng bị dày vò đã nói rõ điều này cho chàng biết, chân đau nhức lên đến óc họa nó may có yên cũng chỉ được vài phút. Cặp mắt chàng gần như mù, cũng tỏ bày cho chàng hiểu nữa, và còn lưỡi và cổ, khô ráo và sưng phồng lên. Chàng hiểu rõ tất cả mỗi lần chàng nghĩ tới.

Nhưng chàng cũng lại hiểu rằng, tuy vậy chàng chưa đến nỗi nào; ngày mai, chàng lại đứng dậy và đi cho đến lúc đêm tối. Chàng thấy như mình đã vượt được 190 cây số. Trong hai mươi bốn giờ nữa, chàng có thể đi được nốt số 250 cây, nếu

ĐỀ CHIẾT MỘT MÌNH

chàng còn được trông thấy mặt trời lặn chiều mai.

Bóng chàng mờ dần; mặt trời đã biến mất. Chàng trông thấy một tảng đá cách đây một khoảng không xa, chàng đi chệch sang một bên để tới nơi này. Chàng không thể nói tại sao chàng thích ngủ gần một tảng đá. Đó không phải là một vật che chở cho chàng và chàng cũng không muốn thế; nhưng đó là một vật chàng có thể phối hợp được. Chàng nghĩ, cảm tình ở chàng chưa hẳn là khô cạn hết. Liên kết với bất cứ một vật gì, dù đó là tảng đá trong khoảng điều hiu cô quanh này, là một sự cần thiết cho con người còn biết xúc động.

Chàng ngồi ở cạnh tảng đá, cởi chiếc khăn buộc gáy, tháo thắt lưng, cởi giày và tất. Bàn chân chàng sưng phồng và sây sát chầy máu trộn lẫn với cát và những thứ dơ bẩn ở kẽ các ngón chân. Chàng nằm xuống, đặt chiếc khăn tay dưới đầu cho cát khỏi bám vào tóc.

Năm ngựa, chàng mở mắt một lúc, trông ngắm cát đồi màu, từ màu đỏ tím biến ra màu đỏ xanh. Chàng trông thấy các vì sao xuất hiện, một vầng trăng lớn lên rất mau, ngay lúc chàng nhắm mắt, chàng chìm đắm vào giấc ngủ, như rớt vào một trận cuồng phong đen tối.

Khi chàng tỉnh dậy, mặt trời đã soi sáng, một ngày mới và chiếu tia nắng xuống người chàng. Chàng nhận thấy chàng còn uể oải và hiểu ngay tại sao. Sức khỏe chàng thật đời bại, kém xa chiều qua. Chàng ngồi yên một lúc lâu, định không cựa quậy và chấm dứt cuộc tranh đấu vô ích này. Nhưng một ý nghĩ thấm kín buộc chàng ngồi. Với sự cố gắng để đứng dậy, chàng có cảm tưởng như tất cả các thớ thịt của chàng đều kêu rống lên như những bánh xe thiếu dầu mỡ. Và trong khi chàng mệt lả như vậy, đầu chúc xuống nặng nề, khe rên ngoài ý muốn, thì chàng tưởng rằng mình đã đến lúc kiệt sức. Dầu sao, chàng

 **midol** Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BV.T/DRDC.

 **midol** Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BV.T/DRDC.

cũng quấy quá sửa soạn cuộc hành trình : thắt lại giày lưng, buộc tấm khăn lên gáy, sỏ bó tất và đi giầy. Tăm tậm, chàng có đứng dậy.

Chàng cảm thấy ở trong tình trạng nửa ngủ nửa thức, và bước đi, nửa ý thức trong cõi hư ảo. Chàng khập khiễng, ngã nghiêng, lắc lư trong một khoảng cách bị sự đau đớn và cơn sốt đề nén. Riêng có ý nghĩ chân cứng nhắc sẽ mềm mại dần dần nếu tiếp tục đi, làm chàng vững được trên hai chân trong hai mươi bốn bước đầu.

Chàng không ngờ rằng những sự cưỡng bách thân thể lâu ngày lại gây nên những hậu quả trầm trọng như thế này. Chàng cũng không dự đoán rằng nỗi đau đớn và sự mệt nhọc nhường kia lại nhào xuống đầu chàng một cách bất ngờ và khủng khiếp như vậy. Chúng bao vây chàng tứ phía và đe dọa hạ chàng. Nhưng chàng dồn sức đề chống trở và hơn nữa đề khai triển một trận đấu mà suốt đời chàng

chưa bao giờ tranh đấu như thế. Vì con người ta, một khi đã có một ảo tưởng nào, và thấy mình bị đề nén thì lại càng nhất quyết tranh đấu. Tranh đấu cho đến khi nào cuộc tranh đấu trở nên không thể nào đương được nữa.

△

Chàng bị ảo tưởng nào ám ảnh, chàng không hiểu rõ lắm. Một ảo tưởng về biên cả, thì cũng chẳng đáng cho đi tới đích. Ảo tưởng vượt 260 cây số, thật vô ích. Có phải một trong hai ảo tưởng này, hay cả hai thứ. Chàng không còn biết có tư tưởng, giấc mơ mộng, nỗi băn khoăn nào. Chàng chỉ còn biết đi.

Và nữa, tình trạng của chàng, khả quan hơn lúc khởi hành. Chàng cảm thấy dễ chịu hơn, có một khí lực mới, và cuộc tranh đấu chống nỗi đau đớn và sự mệt mỏi đã giảm cường độ. Những ý nghĩ lạ lùng bắt đầu lờ mờ chớm trong đầu óc chàng. Đến giờ phút cấp bách này

chàng chỉ còn chú trọng đến bản năng sinh tồn. Chàng gợi nhớ một vài khái niệm về sự mặc, một vài màu rời rạc về sự hiểu biết nhạt nhẽo trong các sách hoặc trong các câu chuyện. Chàng nghĩ về những hậu quả một khi người ta phơi ra ánh mặt trời nhiều quá, khi người hay bị cảm nắng. Nhưng những sự hiểu biết này chẳng giúp được gì cho chàng. Chàng không thể tìm muối hay nước được, cũng không biết giải khát bằng cách nào nữa.

Mặc dầu chân tay chàng đỡ cứng rần, nhưng còn đau đớn ở nhiều nơi khác nữa. Đau nhất là ở phía trên đùi, da chắc bị phỏng nặng. Nhưng sự đau đớn này làm chàng băn khoăn ít hơn là về tình trạng mắt. Dần dần, chàng thấy như chàng mù. Chàng nhận thấy khi quay mặt về phía mặt trời, chàng không mở mắt được nữa. Rồi chàng nhận thấy rõ ràng hơn khi chàng nhìn những tảng đá

và cồn cát nhảy múa trước mắt chàng trong một làn sương chói sáng.

Chàng đi, cúi đầu xuống để quên rằng mình đã mù. Chàng đi chậm hơn hôm qua nhiều, mặc dầu chàng cố gắng giữ cho bước đi đều đặn và mặc dầu những đôi cát thường mấy ngày trước làm chậm trễ cuộc hành trình nhiều, nay hiện ra có ít và không còn cao nữa. Chàng cảm thấy nặng nề, suy nhược, rất mệt mỏi. Bây giờ, vào giữa trưa, với mặt trời trên đỉnh đầu, hình bóng chàng trơn trượt dưới chân chàng và chàng thấy khó khăn không sao theo được con đường thẳng. Chàng hiểu rằng nếu cứ đi như vậy, chàng không sao vượt được 60 cây số cuối cùng, nhưng chàng không biết làm gì hơn. Chàng không ép chân mình đi mau hơn được, khi hai chân không còn đủ sức.

Lúc chiều đến chàng nhận thấy mỗi lúc mỗi nghệt thở và đau đớn. Chàng biết chàng sắp đến lúc tàn. Cỏ khô cháy, mỗi lần

Dung midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dung midol

1380/BY.T/DRUC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ĐỀ CHẾT MỘT MÌNH

thở, chàng tưởng hít lửa bỏng. Chàng nhận thấy mình đi được có hai ba cây số một giờ. Đầu quay cuồng, trí óc chàng có những ý tưởng kỳ dị. Chàng tưởng như thấy biển, nghe thấy tiếng nói, nhấm nháp nước trong và mát. Và nay, luôn luôn, hình như chàng nhớ mình trượt chân và ngã : và lại trượt chân và ngã nữa, mặc dầu chàng không ghi nhận thấy mình ngã lúc nào.

Phần lớn, trí óc chàng như bị tê cứng, đến nỗi chàng không còn biết mình làm gì, ngay cả chàng có đi hay có theo bóng chàng nữa. Khi thì bóng chàng hình như ở đây, khi khác không biết ở đâu. Có phải là một ảo tưởng không. Có lần chàng ngừng lại, tin chắc là mình không tiến thêm được bước nào. Chàng phải đứng yên một lúc. Nhưng rồi chàng lại đi. Cần phải tiếp tục.

△

Cuối cùng, chàng nghe có nhiều tiếng nói gián đoạn, đứt quãng : đôi khi tiếng nói rõ ràng, có những lúc khác tiếng

từ xa dội lại, tưởng như những tiếng nói đó lướt qua một màn sương mù tưởng. Chàng nghe thấy tiếng mẹ chàng và tiếng nói các con chàng. Chàng trông gặp những người thân yêu này không phải trong lúc chàng đang ngã nghiêng trong chốn địa ngục của sa mạc này toàn mặt trời và cát, nhưng cùng đi xuống con đường chính của thành phố quê hương chàng, trong khi đó, ở bên trái, bên mặt, những người quen biết chàng chào hỏi chàng và mỉm cười vui vẻ. Hai lần chàng nghe thấy những tiếng hoan hô và vỗ tay. Nhưng thường thường, chàng nghe thấy những tiếng ấy từ xa vọng lại ; chàng không còn nghe bằng tai nữa. Chàng vẫn còn đi, mặc dầu chàng không biết gì, và tất cả cảm giác, chàng không còn thấy gì quan trọng nữa.

Còn cát sắp tới sẽ thắng hẳn những tàn lực của chàng. Đó chỉ là một cơn nhỏ nhưng gồ ghề. Đáng lẽ chàng phải đi vòng quanh, nhưng chàng không biết, Chàng chỉ biết rằng nó ở

ĐỀ CHẾT MỘT MÌNH

trên con đường chàng đi. Chàng leo đến nửa dốc và không thể đi xa hơn nữa. Tim chàng đập khó nhọc. Chàng nghẹn thở với chính hơi thở của mình. Chàng không thể đi hơn một bước. Khi chàng thử đi nữa, chàng ngã sấp xuống. Và chàng không dậy được nữa. Chàng dựa yếu ớt. Người chàng hơi trỗi dậy. Nhưng trí thức đã bỏ chàng đi. Chàng cố gắng một lần nữa, nhưng không được và chàng lần trượt xuống dốc. Chàng biết mình lặn mà không hãm được. Và một phần thân thể của chàng không muốn biết gì nữa và bảo chàng : « Thôi thế là xong ư. Và linh hồn chàng chìm sâu trong sự lãng quên.

Thời gian trôi chảy trong bao lâu, khi chàng dần dần hồi tỉnh, chàng không biết. Một vật gì, khô và nóng, như cát, lọt vào cổ chàng. Chàng phải chờ một lúc mới nhận ra rằng đó là nước. Chàng mở mắt trong bóng tranh tối tranh sáng, không biết chàng

ở đâu. Chàng không quan tâm. Chàng cũng không rõ mình còn sống không.

Một khuôn mặt hiện ra trước mặt mờ ảo của chàng : một khuôn mặt sẫm, tưởng như lơ lửng trên không, trên mặt chàng.

Một giọng âm hỏi bằng một thứ tiếng Pháp ngắt quãng, rồi bằng Anh văn :

— Có ai khác nữa không ! Hay chỉ có mình anh ?

Chàng mấp máy môi, nhưng không thấy tiếng nào thoát ra. Hai hình ảnh hiện ra trong đầu óc chàng. Một hình ảnh phờ phạc ba người, bây giờ hoặc chết cả, hoặc được cứu thoát. Một hình ảnh nữa, chỉ rõ một người lẻ loi ngồi dưới bóng một chiếc phi cơ, có lẽ nay còn sống. Nhưng hình ảnh này mờ dần đi. Người đó không đáng được cứu. Mờm và cổ họng chàng đau đớn, co rút từ từ lại, cố gắng để nói, lời thoát ra như hơi thở :

— Không có ai nữa. ● ✱

Đúng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC

Đúng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
360/BY.T/DRDC

trời mưa ở Bàn Cờ

■ CHU TRÂM NGUYỄN-MINH

Trời mưa ở Bàn Cờ
chàng ngồi và suy nghĩ
giọt nào trên tóc em
giọt nào trong mắt chàng

Trời mưa ở bàn cờ
chàng cúi đầu buồn bã
mây thì mù và đen
chàng thì nhớ và thương
còn em thì vẫn xa

Trời mưa ở bàn cờ
chàng trở về ướt sũng
đôi cánh xòe trên mây
con ngõ đầy tiếng động
tình yêu nở vội vàng
trong mắt nàng xanh thắm
trong tay em thì thắm

Trời mưa ở bàn cờ
chàng ôm mãi đời mình
thành chuỗi sầu trên đá
chàng nhìn chàng giá băng

chàng nhìn chàng vô vụn
gọi tên em một lần
trong căn phòng đã tưởng

Trời mưa ở bàn cờ
ôi trái sầu đã chín
mùa mưa nào giăng qua
trong mắt chàng nguội lạnh



▲ NGUYỄN-VY

(tiếp theo P.T. 183)

TUẦN ao ước được chứng kiến gán-gửi và tường tận một cuộc cầu cơ, hay là « giăng bút » « cơ bút » theo lời nói thông thường ở Thánh-thất Cao-đài. Nhưng đêm đầu tiên được tham dự, Tuần không được thỏa mãn vì tin đó ngồi chung quanh xem đông quá, kín mít cả mấy vòng, Tuần không muốn làm rộn nên đứng ngoài xa không nghe thấy được nhiều. Mấy người thuật lại

rằng chị quả phụ cầu cơ gọi hồn chồng về, vong linh người chồng « giăng cơ-bút » hỏi han chuyện gia đình và cho chị rõ anh được siêu thăng về Tây-phương Cực-lạc Thế giới của Phật A-Di-Đà.

Thề là bao nhiêu thắc mắc về bí-ẩn Cầu-cơ Tuần mang từ Hà-nội vào vẫn không được giải quyết thỏa-mãn. Trái lại, câu chuyện giăng cơ-bút trên đây chỉ chồng-chật thêm thắc-mắc của Tuần. Tuần nhất định

sẽ thừa một cơ hội thuận-tiện để yêu-cầu Đức Hộ - Pháp Phạm-công-Tác tổ chức một cuộc cầu cơ thân mật và hạn chế với sự tham dự của một số ít, độ 5. 7 người trí thức trong Tòa-Thánh mà thôi. Có như vậy, cuộc Giảng-cơ - bút mới có giá trị chân chính, và được sự bảo-dảm của Đức Hộ Pháp và các Chức sắc cao-cấp đáng tin cậy của Tòa Thánh.

Tim hiểu Đạo Cao - Đài, chính là tim hiểu bí ẩn của Cầu cơ, vì Đạo Cao Đài đã tự đặt ra cái chiêu bài bằng Pháp ngữ là :

« Bouddhisme rénové, spiri-
tisme
annamite Religion nouvelle en
Eurasie » (1)

nghĩa là :

« Phật-giáo canh-tân. thông
linh học An-nam. Tôn-Giáo mới
ở Âu-Á ».

Thì không ai chời-cãi rằng Chiêu-hồn, hay là Cầu - cơ Giảng-bút, hay là Thông-linh học, là yếu-tố chánh của Đạo Cao-Đài. Và lại, Đạo Cao-Đài phát-nguyên do từ Cơ-bút.

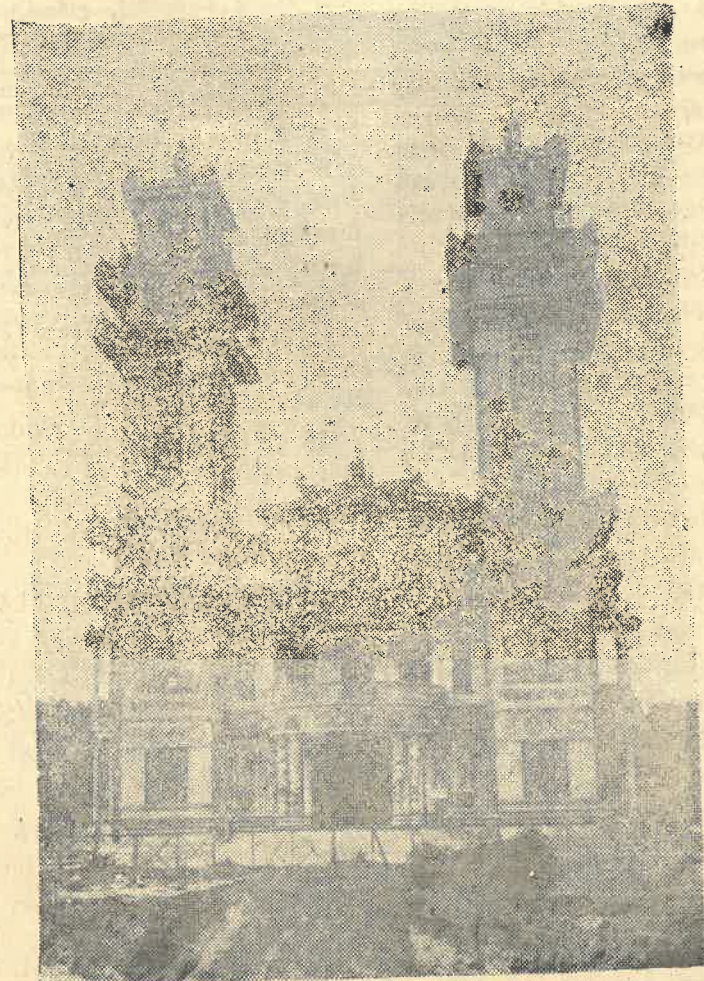
Đức Cao-Đài do cơ bút mà lập Đạo.

Vì Cơ-bút linh-nghiệm nên Đạo Cao-Đài mới phát triển mạnh-mẽ và nhanh chóng đến đổi trong vòng 10 năm, từ 1926 là lúc khai Đạo cho đến 1937, lúc Tuần viếng tòa Thánh Tây Ninh, toàn thể Nam - Kỳ đã có gần một triệu tín-đồ. ở Trung - Bắc - Kỳ có gần 7.000. Riêng ở Hà-nội có gần 4.000. Ở Nam-Vang (Cao-Miên) có 40.000 tín-đồ, Miên và Hoa-Kiểu.

Tuần có hỏi Đức Hộ-Pháp Phạm-công-Tác về ý nghĩa sáu chữ « Đại-Đạo Tam-Kỳ Phò-Độ » và « 3è Amnistie de Dieu en Orient » được ông giảng giải như sau đây :

— Thượng - Đê giảng trần đề phổ-độ như-loại lần thứ nhất do sự hóa thân của Đức Phật Cô-Đàm (Gautama), tức là Đức Thích-Ca Mâu Ni, lần thứ hai do sự giảng-thê của Đức Jésus Christ. Lần này là lần thứ

(1) Histoire du Caodaisme,
của Gabriel Gobron.
Ed. Dervy - Paris, 1948.



Mặt tiền của Thánh-Thất Cao-Đài, Tây-Ninh

ba (tam kỳ) do ngài Thấy Linh thiêng của chúng ta. (Notre Maître Divin), tức là Đức Cao-Đài. Cả ba lần đều xảy ra ở Đông - Phương. Nhưng Đức Cao-Đài không hóa thân như hai kỳ trước, mà ngài lập Đại-Đạo do sự truyền-cầm của Cơ-Bút.

Tuần hỏi Đức Hộ Pháp :

— Thưa, sao gọi là Đại Đạo?

— Kêu là Đại-Đạo, bởi vì Đạo Cao-Đài bao gồm cả tam giáo : Phật-Giáo, Khổng-Giáo và Lão-Giáo, chia làm Ngũ-Chỉ Đại-Đạo (5 ngành).

1) Nhơn-Đạo: Đạo Không-Tử.

2) Thần Đạo : Quan-Thánh Đền-Quần.

3) Thánh Đạo : Đạo Thiên-Chúa, (Cơ-Đốc)

4) Tiên Đạo : Đạo Lão-Tử.

5) Phật Đạo : Đạo Thích-Ca.

Theo lời Đức Hộ-Pháp Phạm-công-Tắc, thì hôm 13.1.1927, trước sự chứng kiến của một số nhà chức-trách Pháp, Tiên ông Lý-Thái-Bạch, nhà chí hào đời Đường, có tuần

lịch Đàng Cao-Đài, giáng-bút về truyền nguyên-tắc Ngũ-Chỉ Đại-Đạo như trên.

— Thưa, ý-nghĩa của Con Mắt vẽ trên Quả cầu là sao?

— Đó là Thiên Lương, L'Oeil Divin, Con Mắt Trọng-trung Lương - tâm con người và Lương-năng vũ-trụ. Quả cầu là tượng-trưng vũ-trụ.

Trong buổi lễ đầu tiên, Tuần chú-ý đến một vài chi-tiết sau đây của Nghi lễ Cao-Đài :

Tin đồ cũng đọc như bên Phật-Giáo :

— Nam-mô Phật,

— Nam-mô Pháp,

— Nam-mô Tăng,

rồi tiếp theo :

— Nam-mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại Bồ-Tát ma-ha-tát.

— Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát ma-ha-tát.

— Nam-mô Lý-Thái-Bạch Tiên-Trưởng.

— Nam-mô Hiệp-Thiên Đại-Đế Quan-Thánh Đế-Ouân.

— Nam-mô Chư Phật, Chư-Tiên, Chư-Thánh, Chư-Thần !

Hỏi về ý nghĩa 3 màu áo khác nhau của các vị Chức-sắc Cao-Đài, Đức Hộ-Pháp trả lời cho Tuần :

— Màu vàng, tượng-trưng Đạo Phật.

Màu đỏ : Đạo Không.

Màu xanh : Đạo Lão.

Những chức-sắc thuộc về ngành Đạo Phật đều có tên đệm chữ « Thái », và mặc áo màu vàng tượng-trưng Đạo-Đức.

Những chức-sắc thuộc về ngành Đạo Không đều có tên đệm chữ « Ngọc », và mặc áo màu đỏ, tượng-trưng « uy-quyển ».

Những chức-sắc thuộc về ngành Đạo Lão, đều có tên đệm chữ « Thượng » và mặc áo xanh da trời, tượng-trưng sự thanh cao, hòa-bình.

Trên các vị Chức-sắc, có : Đức Hộ-Pháp, là chủ tọa Hiệp-Thiên-Đại-Đức Giáo-Tông, là chủ tọa Cửu-Trùng-Đài. Đức Hộ-Pháp có đeo một huy hiệu trên mũ, gồm 3 vật tượng-trưng : bình-bát (Phật), bộ Kinh Xuân-Thu (Không) Phát-Trần (Lão).

Anh Hiền, Thư-ký Tòa-Thánh, đưa Tuần đến Bàn-Thờ chỉ cho Tuần những chi-tiết sau đây :

— Theo Bạch-Ngọc-Kinh (Niết-Bàn), Ngót Cao Đài ở hướng Bắc, mặt trời mọc bên trái, mặt trời lặn bên phải. Cho nên, trên bàn thờ, con Mắt (Thiên - Lương) luôn luôn ở hướng Bắc, bên trái là Dương, bên phải là Âm.

Giữa bàn thờ, đặt cái đèn con, thấp luôn ngày đêm, gọi là Thái Cực Đẳng, tượng-trưng ánh sáng của Thượng-Đê soi khắp vũ-trụ. Đền giờ niệm kinh thấp hai đèn cây lớn, đèn bên trái tiêu biểu mặt trời (Dương) phải thấp trước. Đèn bên phải tiêu biểu mặt trăng (Âm) thấp sau. Hai ngọn đèn cây gọi là Lương nghi quang. Mỗi lần cúng và niệm Kinh, phải đốt 5 nén nhang, tiêu biểu : Giải-hương, Định hương, Huệ hương, Trí kien hương, Giải thoát hương! Một tách nước lạnh, tiêu biểu Dương thủy, phải đặt bên trái Linh-Nhân. Một tách nước trà, tiêu biểu Âm thủy, đặt bên phải. Hai tách nước và trà trộn vào



Đức Hộ-pháp PHẠM-CÔNG-TÁC
chụp năm 1937 tại Tòa-Thánh Cao-Đài, Tây-Ninh

TUẦN CHĂNG TRAI

nhau thành nước âm-dương, để làm phép cho tín-đồ, hoặc chữa bệnh cho những bệnh nhân cầu nguyện Đấng Thiêng-Liêng.

Bình bông. (Dương) đặt bên trái Linh Nhân. Cỏ quạ, (trái cây), (âm) đặt bên phải. Bông cúng rồi để khô, nấu thành nước trị bệnh rất có linh nghiệm nếu bệnh nhân tin-tưởng vào sức mầu-nhiệm của Thượng-Đề.

Cũng theo lời anh Hiền, bài Thánh-Ca dâng lên Đấng Cao-Đài, là do các vị Cổ-Tăng ở Chùa Hàn-Sơn trong thành Cổ-tô, Trung-Quốc, cách đây trên 1.200 năm về giáng-cơ-bút đọc cho.

Bên trái Bàn Thờ Đức Cao-Đài, có đặt bàn thờ Đức Quan Âm Bồ-Tát, là bên dành riêng cho tín-đồ Nữ-phái trong lúc làm lễ. Bên phải là bàn thờ Quan Thánh Đế Quân, dành riêng cho tín-đồ Nam phái.

Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tác có tặng cho Tuần một tấm ảnh chụp ngài mặc đồ nghi-lễ chánh-thức giống hệt y-phục Hộ-Pháp thờ trong các chùa.

Nhưng ngày thường, ông Hộ Pháp Phạm-công-Tác mặc một bộ-đồ giản-dị hơn nhiều, và tân-tiên hơn, như ảnh của ông chụp năm 1937 tại Tây-Ninh, in trong bài này.

(còn nữa)



* Không muốn yêu

Tại một hàng ghế đá ở công viên bờ sông Saigon đêm Chúa-nhật. chàng thủ thỉ với nàng :

— Anh ao ước chúng mình yêu nhau như vầy trọn đời em nhỉ ?

Nàng đáp lại :

— Em cũng muốn như anh nghĩ lắm. Nhưng tiếc một điều là...

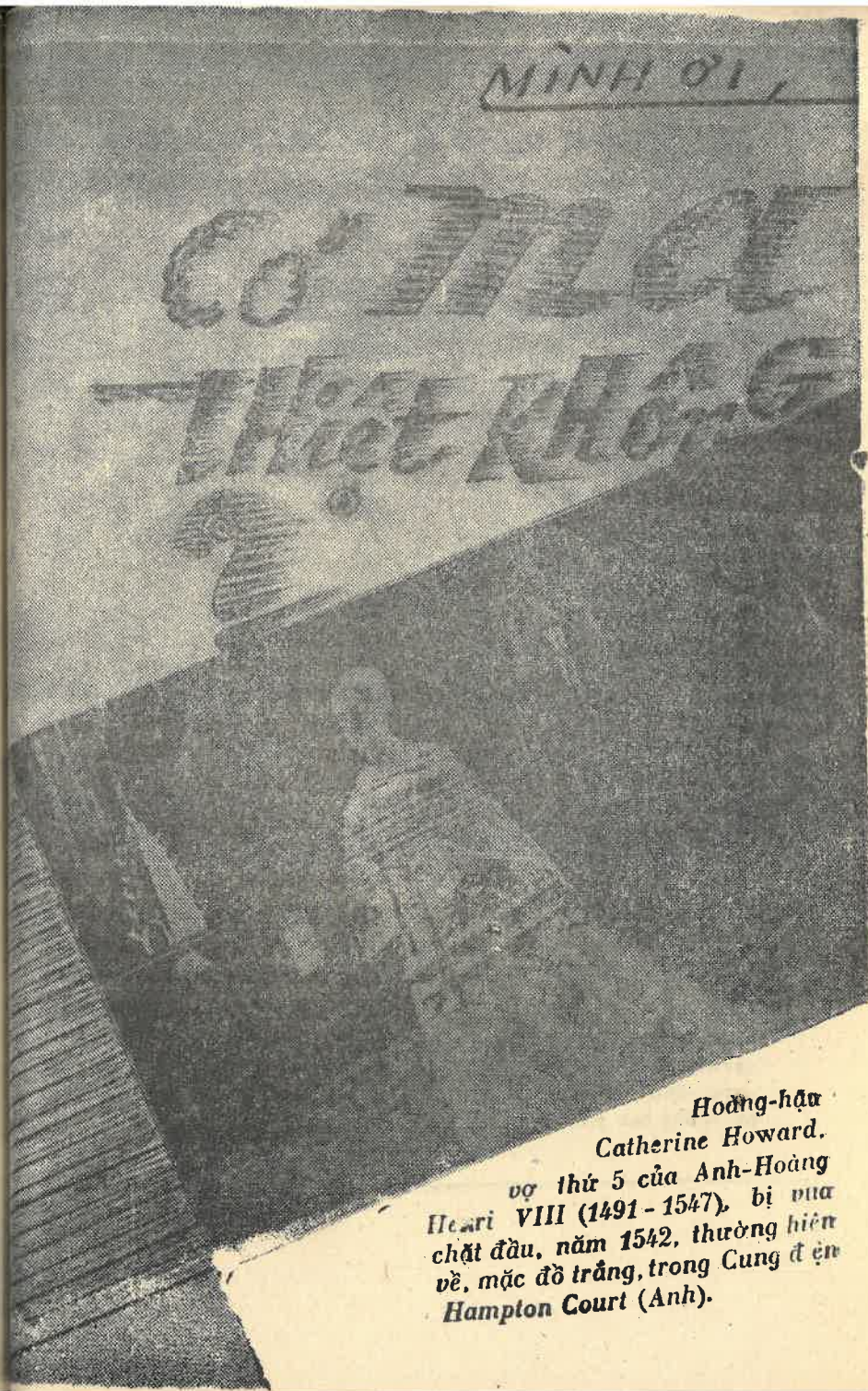
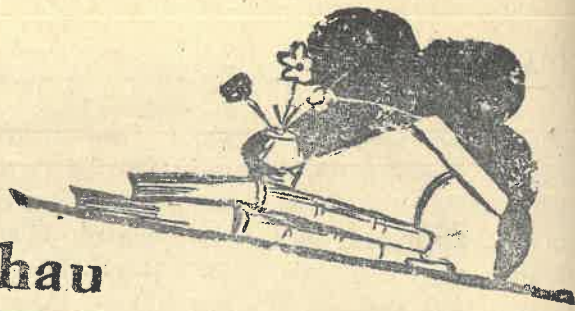
— Bởi vậy nên anh không muốn « yêu em » tí nào !

— Anh muốn... yêu thế nào được. Tại anh rủ em ra đây, chứ em có muốn đâu ?

Tìm nhau

□ HOÀNG THẮNG

Thôi tôi bỏ bến Saigon,
Nơi theo con lộ đã mòn tro da,
Tìm em tới tận xứ nhà,
Có sông chảy rộng, có phà đưa ngang,
Nhìn qua tường nắng nhuộm vàng,
Giàn hoa thiên lý giăng ngang trước thềm,
Tìm tôi rạo rức triền miên,
Mong sao cho chóng sang liền gặp em,
Nhưng con phà đã kín đen,
Lỡ thêm một chuyến đò duyên cho buồn.
Gần trong gang tấc con đường,
Mà nên cách trở cho vương ngại ngần,
Trên cây chim mộng bâng khuâng,
Riêng tôi ngồi đợi, lòng dâng ngập buồn.



Hoàng-hậu
Catherine Howard,
vợ thứ 5 của Anh-Hoàng
Heary VIII (1491 - 1547), bị vua
chết đầu, năm 1542, thường hiện
về, mặc đồ trắng, trong Cung điện
Hampton Court (Anh).

MINH ƠI, CÓ MA KHÔNG
minh ?

— C4.

— Có thật, hay là có trong
trường tượng ?

— Có thật.

— Minh nói chắc vậy đó hả ?

— Chắc.

— Chỉ nước Việt-nam minh
mới có ma, chớ các nước khác có
ma không ?

— Trên quả địa cầu này, chỗ
nào cũng có ma, không riêng gì ở
Việt-nam. Lịch sử còn để lại, với
những bằng chứng xác thực, vô
số chuyện ma ở Âu Châu, ở Nga,
Ba Lan, Đức, Ý, Pháp, Anh,
Mỹ, Phi, v.v.. Nhiều nhất và
nổi tiếng nhất là ở Anh, Pháp, Ý.
Đây là anh nói những chuyện ma
trong lịch sử. Những nhân vật
Lịch sử, vua, chúa, hoàng hậu,
thường dân, chết rồi thành ma
hiện hình về, nhiều người trông
thấy rõ ràng và ghi chép trong Sử
sách, chớ không phải những
chuyện ma trường tượng do những
kẻ mê tín bịa đặt ra đâu.

— Sao em nghe nhiều ông bác
sĩ, giáo sư, nói rằng người Việt
Nam mình mê tín dị đoan, mê
tín chuyện ma quỷ, mà theo họ là
những chuyện nhảm nhí, của những
người ít học. Họ nói rằng ở các
nước văn minh và khoa học tiến
bộ, không bao giờ có ma.

— Những người nào nói như
thế là những kẻ kiêu căng và trí
óc hẹp hòi, chưa đạt đến khoa
học chân chính, cao siêu hơn cái
khoa học tầm thường của họ.

— Nhưng dù sao, nếu có ma
thì có ở thời xa xưa chớ ở thế kỷ
XX này, thế kỷ khoa học nguyên
tử, hỏa tiễn, chắc hết ma rồi.
Minh nhỉ ?

— Đọc các Sử-sách, thấy từ
thời thượng cổ, ở Ai Cập, Hy
Lạp, La Mã, Ba Tư, Trung-Hoa
Ấn-Độ, là các nước văn minh
sớm nhất trên hoàn cầu đã có MA
rồi. Trải qua các thời đại cho
đến sau Phật Thích Ca Mâu Ni,
sau Chúa Jésus Christ, vẫn có Ma
xuất hiện khắp trên trần gian,
không đâu là không có, không
lúc nào không có. Thế kỷ XX
hiện chúng ta đang sống đây,
Ma vẫn hiện hình về rất thường
xuyên, chẳng đếm xia đềm khoa
học nguyên tử, hay là khoa học
không gian...

— Ma ở đâu hiện về hả mình ?

— Thế giới mà chúng ta trông
thấy bằng con mắt thịt đây, là
**Thế giới hữu hình. Thế giới
thể chất (Le monde matériel),**
thế giới của thể xác. Ma ở **Thế
giới vô hình, thế giới huyền
linh (le monde Spirituel),** Thế
giới của linh hồn.

MINH ƠI

Khoa học, hay nói cho đích xác
hơn là những khoa học thực
nghiệm (*les Sciences expérimentales*) như vật lý học, hóa - học,
toán học, y-học, thiên-văn-học,
nguyên-tử học, không gian-học,
v.v., đều là những khoa-học
bao quát thế giới hữu hình, chỉ
có giá trị tương đối ở thế giới
thể chất, thế giới vật-lý (*le monde
physique*) nơi chúng ta đang sống
đây mà thôi.

Đem những định luật khoa học
của thế giới hữu hình này áp dụng
vào một thế giới khác, mà loài
người chưa biết một tí gì cả nhất
là đề giảng giải những hiện tượng
của thế giới thần linh, thì không
thề nào được. Ngay khoa học
thực nghiệm ngày nay đã tiến bộ
đến một mức rất cao, đến những
phát minh vĩ đại về nguyên tử-lực
và không-gian cũng đã phải nhận
rằng quả đất chúng ta đang sống
đây không phải là trung tâm của
vũ trụ, mà trái lại nó chỉ là một
hạt bụi hành tinh trong triệu triệu
hành tinh và định tinh, tinh cầu
trong vũ trụ vô tận vô biên.
Trước đây trên 2500 năm Đức
Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói cho
các đệ tử của Phật biết rằng trong

không gian có tam thiên đại
thiên thế giới, ba ngàn đại
thiên thế giới, nghĩa là 3.000
triệu thế giới (*Kinh Hoa
nghiêm*), khoa học tân tiến ngày
nay, của Marie Curie, Niels
Bohr, Szilard, Einstein... cũng
không phủ nhận chân lý căn
bản đó.

Bà Tú hơi thắc mắc :

— Vậy thì thế giới vô hình
ở đâu, hả Minh ?

— Đã gọi là vô hình thì làm
sao biết được nó ở đâu ! Khoa
học không gian ngày nay chỉ mới
bắt đầu có đôi chút ý thức rất sơ
sài về thể chất của Mặt Trăng, là
vệ tinh của địa cầu ở gần nhất địa
cầu mà thôi. Có gì lạ ở Kim tinh,
Hỏa tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, và
ở ngàn triệu thế giới khác trong
vũ trụ bao la vô tận ? chưa có
một nhà khoa học nào trả lời
được câu đó.

Ma, quỷ, Tiên, Thần Thánh
nói chung là các nhân vật vô hình
có thể ở một thế giới nào đó,
mà đôi mắt trần của loài người
trên địa cầu không thể trông thấy
được, nên chúng ta gọi tạm là
thế giới huyền bí. Vị trí nó ở
đâu, ở cung trời nào, chính khoa

học Huyền bí cũng chưa xác định được. Nhưng vấn đề quá xa xôi đó, chúng ta hãy nhường lại cho sự nghiên cứu, khám phá, phát minh của các khoa học tương lai.

Bây giờ nói về Ma, chúng ta chưa có thể biết ma ở đâu? Ma từ đâu tới? Tại sao ma hiện hình trên trái đất? Ma hiện hình để chi, có mục đích gì? Các khoa học nhân văn (les Sciences humaines), thịnh hành ở thế kỷ XX này, và bắt đầu được tổ chức có hệ thống do các nhà Bác học thông thái ở các nước văn minh Âu Mỹ (có cả Nga Sô), đều chưa đạt đến mức hiểu biết gì rõ rệt về lĩnh vực vô hình (immatériel). Nhưng người ta đã phải nhìn nhận rằng Ma là một sự kiện có thật.

Tự điển Bách khoa Larousse thế kỷ XX giảng giải về Ma như sau đây :

« Apparition, sous la forme d'une être réel, d'un imagination de l'esprit ou d'un être immatériel tel que l'âme d'un défunt.

« La suggestion établie au préalable par le magicien, le désir ou l'idée fixe de revoir un

être cher, la fatigue ou l'excitation de l'esprit, l'influence de nombreuses substances, etc... rendent facile et fréquente l'illusion de voir de telles apparitions.

« Apparition, accompagnée de la croyance à l'existence d'une personne qui n'est plus... »

Sự xuất hiện một hình người có thật, do trí óc tưởng tượng hoặc do một nhân vật huyền bí như hồn người chết chẳng hạn.

(Nhà quý thuật gọi được cái ý niệm về ma, hoặc lòng ước muốn nguyện cầu tha thiết được gặp lại một người thân yêu đã chết, hoặc trí óc mệt mỏi, hoặc xúc cảm, hoặc ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, v.v... tạo ra rất dễ dàng và rất thường cái ảo tượng thấy những hồn ma xuất hiện.

(Hồn ma hiện về, do đó có sự tin tưởng nơi hiện hữu của một người đã chết).

Nhà thông thái Lithé, trong Bộ tự điển Bách khoa của ông, cũng giảng giải về Ma như sau đây :

« Le fantôme est une image des morts qui apparaît surnaturellement. »

Ma là hình ảnh của những người chết hiện về một cách huyền bí.

Bà Tú tỏ vẻ quả quyết :

— Nếu vậy thì em tin rằng Ma có thật, chớ không phải là mê tín dị đoan.

— Biết bao nhiêu những trí óc vĩ đại đã tin rằng có ma, như Chateaubriand, Victor Hugo, Napoléon 1er, v. v...

— Minh OI, có người được thấy ma xuất hiện, có người thì suốt đời không bao giờ thấy ma, là tại sao ?

— Nhà văn hào Alexandre Dumas đã trả lời câu này : « Les fantômes n'apparaissent qu'à ceux qui doivent les voir (Ma chỉ xuất hiện cho những người nào cần gặp thấy ma).

— Riêng Miah đã thấy ma lần nào chưa ?

— Anh hà ? Ma đối với anh là những người bạn thân mà anh thường gặp hoài. Ma thiệt cũng có, ma giả cũng có.

— Thế nào là ma thiệt, thế nào là ma giả ?

— Trên trần gian này, cái gì cũng có bề mặt và bề trái, thú thiệt và thú giả. Ma thiệt là ma

« chánh hiệu con nai », là hồn ma, hình ma, bóng ma, xuất hiện nhiều nhất là ban đêm, nhưng ban ngày cũng có, còn ma giả là người ta giả làm ma. Như những vụ « ma ném đá trên mái nhà » chẳng hạn, có khi là ma thiệt, có khi là bọn tào lao tinh nghịch, giả làm ma để phá phách, dọa dẫm chơi, hoặc để trả thù một việc gì đó chẳng hạn.

— Ma thiệt, thường xuất hiện trong những trường hợp nào ? Những hạng người nào chết rồi hóa ra ma ?

— Kể ra nhiều lắm. Nhà văn Fromenteau, năm 1581 đã kể ra đến 7.405.920 (Bảy triệu bốn trăm năm ngàn, chín trăm hai chục) con Ma xuất hiện ở khắp Âu-Châu ! Nhưng anh chỉ kể cho em nghe vài ba vụ Ma danh tiếng nhất trong lịch sử các nước văn minh Âu Mỹ, có sử sách ghi chép đăng hoàng mà thôi không hơi đâu kể những con ma « tiêu tốt vô danh » làm gì. Em muốn nghe những chuyện ma lịch sử không ?

— Ô, em chịu lắm chớ ! Bỏ kể nhiều - nhiều nghen Bô ! Những chuyện ma thật là hấp dẫn mê ly rùng rợn ấy !

— Làm gì có thì giờ kể dài dòng văn tự! Anh chỉ thuật lại vắn tắt thôi. Còn ôn lại cả sự tích thì lâu lắm. Nhưng không phải như Liễu trai chí dị đâu nhé. Đây toàn là những nhân vật lịch sử có tiếng tăm, và do nguyên nhân cái chết bi thảm, hay uất ức, mà hiện hồn về, đời xưa cũng có, đời nay cũng có.

— Mình bắt đầu kể những chuyện ma hồi xưa đi, rồi đến những chuyện ma đời nay nhé.

— Cựu Bộ trưởng Ngoại giao Anh, Lord Halifax, năm 1958 (ông chết năm 1959) có xuất bản tại London một quyển sách bán « chạy như tôm tươi », nhan đề là « *Ghost Book* » (Sách ma), trong đó nhà ngoại giao Anh kiêm văn sĩ có kể vô số chuyện Ma trong lịch sử Nước Anh. Đề hôm nào rảnh anh thuật lại hết, cho em nghe. Còn hay hơn Liễu trai chí dị nữa, em ơi! Hay vì có thật, chứ không phải chuyện ma bịa đặt như trong Liễu trai. Nhưng bây giờ anh đưa em đi du lịch trong thế giới Ma (cả Quỷ và Yêu tinh nữa), khởi điểm từ xứ cổ Hy Lạp...

Bà Tú đã thấy lạnh lạnh trong

xương sống, vội vàng ngồi xích lại kể sát vào ông Tú :

— Mình kể đi.

— Theo thần thoại Hy Lạp, Nữ thần Hécate thường xuất hiện trong những đêm sáng trăng, làm con yêu tinh ba đầu, đi rảo ở các ngã ba đường trông thành phố Athènes, với một bầy ma chó chạy theo sau. Hiện bây giờ, tại nhiều thành phố Hy Lạp, dân chúng còn thấy thỉnh thoảng Nữ thần Hécate hiện về với bầy ma chó kêu « gâu gâu » trong những đêm trăng lạnh lẽo mùa đông.

Cánh rừng Chambord của Pháp, nơi mà xưa kia Bá tước Thibaud thường săn bắn, và chết năm 978, hưởng thọ 100 tuổi trải qua mấy đời cho đến bây giờ dân chúng ở gần đó vẫn thỉnh thoảng còn nghe tiếng còi đi săn, tiếng vó ngựa chạy và bầy chó của Bá tước vang dậy trong đêm khuya. Lâu đài Blois, ngày nay bỏ hoang vì hồn ma của Bá tước Thibaud thường hiện về, ai đến ở cũng gặp ngay trong đêm đầu và sáng hôm sau chuồn thẳng không dám trở lại. Cánh rừng Fontainebleau, gần Paris, hiện cũng còn một con tinh mà dân

chúng thường trông thấy cỡi con ngựa trắng, và họ gọi là « *Le Grand Veneur* » (1) Rừng La Forêt-Noire (Hắc-lâm) rộng mênh mông có hai con ma, đôi khi ba con, hiện hình người đàn bà đi nhặt lá rụng và một cô gái mặc toàn trắng, ngồi chơi xít đu.

Nhưng rừng có ma cũng là thường, biển mà có ma mới là chuyện hiếm có. Thế kỷ XV một thuyền trưởng người Hòa-Lan tên là Van den Straten, bình sinh không tin có Chúa trời, không tin có ma quỷ, một lần cho chiếc thuyền buồm của ông qua một eo biển rất nguy hiểm ở phía Bắc Biển Manche, đang lúc đông-tổ. Thủy thủ can ông không nghe, ông lại thách đố Trời, Chúa, quỷ sứ, những lời tục tữ và hỗn xược.

Một tiếng phán từ trong đám mây đen liền vang ra báo cho Van den Straten biết đời đời kiếp kiếp y sẽ thành yêu tinh hiện nơi eo biển để chịu hình phạt của các loài Hải Quỷ. Vừa nghe tiếng ấy xong, thì một làn gió mạnh đập chiếc thuyền nghiêng một bên và

(1) Chức một vị quan coi về tổ chức săn bắn, của các vua xưa, có bầy chó săn.

chìm xuống bề. Từ đấy, trải qua đến nay đã 5 thế kỷ rồi mà thủy thủ các tàu bè, trong những đêm đông tố qua eo biển ấy, vẫn còn thường gặp chiếc thuyền ma của Van den Straten ngã nghiêng trong sóng gió với cánh buồm đỏ. Đôi khi người ta thấy con ma Van den Straten hiệp trên bờ biển Hollande, đi loạng choạng như người say rượu, la khóc thảm thê, trong đêm đông giá buốt. Đại nhạc sĩ Đức Richard Wagner, (1813-1883) có viết một vở nhạc kịch rất cảm động, nhan đề *L'Anneau de Nibelung*, theo sự tích *le vaisseau fantôme* của Van den Straten (Thuyền ma).

Hắc-Hải (La mer Noire) ở Tây-Nam Caucase (Nga) cũng có một thuyền Ma. Nguyên Thủy là chiếc thuyền của một nhà buôn Thổ Nhĩ Kỳ chở những dân di cư bị nữ Hoàng Nga là Catherine II (1729-1796) trục xuất. Thuyền trưởng lại là một tên vô nhân-đạo, lấy tiền của dân di cư rồi ra ngoài khơi hấn cướp hết đồ đạc và của cải, rồi xo những dân đó xuống biển để đi các hải cảng khác chờ những hàng hóa khác. Hấn làm công việc tội ác ấy được

mấy lần. Đến lần cuối cùng hẳn chờ một vị Tu sĩ thấy vị này có đem theo nhiều bảo vật cho giáo đường, hẳn cướp những của ấy rồi xô Tu sĩ xuống bể sâu. Nhưng bỗng dưng chiếc thuyền chòng chành mạnh rồi chìm lìm, hẳn cũng chết luôn. Từ đó, hồn ma của hẳn cứ hiện về nơi bờ biển Hắc Hải ở Caucase và Thổ Nhĩ Kỳ, có khi thành một con yêu tinh dọa nạt các thủy-thủ.

Ai có đọc lịch sử nước Anh đều nhớ chuyện Anh Hoàng Henri VIII (1491-1547) có 6 người vợ, kể tiếp từ Hoàng hậu thứ 1 bị ông chặt đầu, để lấy Hoàng hậu thứ hai... và cả 5 bà đều bị chết oan unction như thế cho đến Hoàng hậu thứ 6 thì ông chết.

Từ bốn thế kỷ đến nay hồn ma của 6 bà vợ ấy cứ hiện về luôn, nhất là Hoàng hậu Anne Boleyn (Bà vợ thứ 2) và Catherine Howard (Hoàng hậu thứ 5). Catherine Howard thường hiện về cung điện Hampton Court, giống y hệt như bà lúc sinh thời đi lại trong cung, thướt tha trong chiếc áo trắng dài phết trên gạch hoa. Bà đứng trước trước di ảnh của vua Henri VIII, đưa tay lên đánh một tát vào mặt

vua, người chồng tàn ác dã man đã chặt đầu bà. Còn Hoàng hậu Anne Boleyn thì thường hiện nhiều hơn ở « Tháp London » nơi đây bà đã bị Henri VIII hành hình trên một bánh xe quay tít và bị đánh bằng roi sắt.

Nhưng hồn Ma « quán-quân » hiện nhiều nhất, là Hoàng hậu Marie Stuart (1542-1587) người đàn bà đẹp nhất người Anh Hoàng hậu Scotland rồi Hoàng hậu nước Pháp khi lấy vua François II bị góa chồng năm 1560 trở về Scotland, một thời gian sau yêu và lấy Bothwell rồi tham gia cuộc âm mưu đảo chánh trong Anh triều, bị xử chém tại lâu đài Fotheringay năm 1587. Bà hiện hình về khắp nơi, cả ở thủ đô Anh (London) và thủ đô Pháp (Paris). Lại nhất là cùng một đêm, cùng một giờ người ta gặp bà hiện hình nhiều nơi, ở lâu đài Edimbourg ở cung điện Holv-rood nơi đây còn treo cái gương trong phòng ngủ của bà, thường gọi là « gương ma » vì ai soi mặt vào đấy thì thấy mặt bà hiện ra trong kiến và thế nào người soi mặt cũng sẽ bị đau ốm như tử, hoặc gặp nhiều điều « xui xẻo » rồi rở ghê ghớm lắm. Cùng

*Con mèo đứng trên một bia mộ
trong nhà ma, đang nhìn MA
xuất hiện trước tu viện Borley
ở miền Anh (Ảnh Radio Times
July 1964)*

một lúc. Marie Stuart hiện hình ở Linlithgow, nơi bà tiếp khách ở Dunbar nơi bà được hưởng hạnh phúc tình yêu ngắn ngủi với Bothwell, ở Lochleven, nơi bà bị giam cầm. Nhưng lạ hơn hết là ở ngay lâu đài Fotheringhay là nơi bà bị xử trảm thì không bao giờ bà hiện về...

Thôi anh tạm ngưng những vụ ma người vì kể nữa thì không biết bao giờ hết. Bây giờ em muốn nghe những vụ ma súc vật không?

— Muốn... súc vật cũng thành ma, hả Minh?

— Có chứ... ma chó, ma heo, ma mèo, ma ngựa...

— Minh kể chuyện ma chó đi...

Bà Tú lại ngồi sát vào ông Tú, hai tay bà ôm chặt cánh tay ông Tú. Ông Tú nói tiếp:

— Khắp cả Âu Châu, từ Nga sang Anh, ở các nơi vắng vẻ điu hiu, những con ma chó tru, ma mèo kêu, ma ngựa, ma lừa chạy lóc cóc dưới ánh trăng mờ, thoi nào cũng có. Nói ngay ở thế kỷ XX này đề được gửi gởi hơn. Từ năm 1950, lâu đài Hurstmonceaux trong tỉnh Sussex, đã được chính phủ sửa chữa để làm

một đài thiên văn lớn, đặt một kính viễn vọng (Telescope) nặng 5 tấn. Nơi đây các nhà bác học Thiên văn Anh thường thấy trong những đêm trăng một thiếu phụ trẻ đẹp mặc toàn trắng, ngồi trên lưng một con lừa cái lông cũng toàn trắng. Công an được mật báo đến rình xem và điều tra, thì biết rằng đây là bà chủ nhà cũ Georgiana Naylor, đã ở đây hồi cuối thế kỷ thứ 19. Một người dân bà có bán lãnh, bà đã dạy các con của bà học tiếng cô Hy Lạp và thích nói chuyện với họ bằng tiếng ấy. Bà lại thích kể chuyện những người chết và cứ chiều tối bà ưa cỡi con lừa cái trắng đi dạo mát chung quanh đồi núi. Bà du lịch sang Thụy Sĩ chết tại Lausanne năm 1806. Nhưng bà lại hiện hình về lâu đài Hurstmonceaux của bà, chứ không hiện ở thành phố Lausanne, tuy bà chết và được chôn tại đây. Con lừa cái thì chết tại lâu đài trong lúc vắng bà, vì nhớ bà bỏ ăn đau ốm rồi chết hóa ra ma đề theo bà.

— Ghê quá, Minh nhỉ!

— Nhưng chuyện sau đây mới thật là cảm động, chuyện con ma ở Pháp hiện hồn của cô gái trẻ

đẹp Jeanne d'Orville. Con yêu tinh này thường cỡi con lừa trắng đi trên quảng đường tỉnh từ Chagny tới Chandenay trong tỉnh Saône-et-Loire. Tất cả dân chúng ở quanh vùng đều quen với « cô ma » ấy đến nỗi họ thường gặp y hệt như người thật vậy, giống hệt như lúc cô còn dưỡng bệnh cùi ở đây và chết nơi đây.

Cha cô là Bá-tước D'Orville, một tay cường hào ác bá ở trong tông, đi du lịch sang thánh địa Jérusalem và bị lây bệnh cùi. Ông về nhà thì con gái ông, Jeanne D'Orville cũng bị lây nốt. Ông liền tống cô đến ở trại cùi Chagny có tiếng là một nơi biệt lập mà đời sống vô cùng đau khổ, tro tro bị đất không kê xiết. Được ít lâu, Jeanne chết rất thảm thương và hóa thành yêu tinh, lẩn quất trong vùng, thường cỡi con lừa trắng. Con lừa này là một sự lạ đối với dân địa phương vì lúc cô Jeanne ở trại cùi cô không bao giờ cỡi lừa, và quanh vùng không hề có ai nuôi lừa. Lai lịch con ma lừa này hoàn toàn bí mật, và không biết « cô yêu tinh Jeanne D'Orville » tìm được nó ở đâu. Năm 1906, trước ngày xảy ra

tai nạn khủng khiếp tại hầm mỏ Courrières làm chết và bị thương rất nhiều, Jeanne có hiện hình tại địa điểm ấy. Tháng 8 năm 1914, trước vài ngày nổ bùng Thế giới đại chiến, cô yêu tinh Jeanne cũng có xuất hiện. Một ngày trước hôm quân Đức của Hitler vào chiếm thủ đô Paris, năm 1940, cô yêu tinh Jeanne D'Orville cũng có xuất hiện nhiều nơi trong tỉnh Saône-et-Loire và tỉnh Côte D'Or.

Sau cùng, năm 1952, một anh đào giếng gặp con yêu tinh Jeanne trên đường đi Courrières. Anh hoảng sợ chạy đi báo tin cho mấy người biết rồi anh té chết liền. Cái chết vô cùng đột ngột và bí mật của anh làm xôn xao dư luận khắp nơi. Bác sĩ khám tử thi của anh, rất ngạc nhiên thấy trên thân thể nạn nhân nhiều vết bầm tím giống hệt những vết chửa con lừa... Các ông bác sĩ không hiểu nổi hiện tượng kỳ quái ấy.

Hoàng đế Napoléon 1er. có kể lại rằng năm 1815 trong đêm rạng ngày bại trận Waterloo ông có thấy « Con ma Đồ ở điện Tuileries » hiện ra trước mặt ông. Số là nơi địa điểm của

điện Tuileries hồi xưa là tiệm thịt heo của tên đồ tể Jean L' Ecorcheur, bị Hoàng hậu Catherine de Medicis (1519-1589) truyền lệnh đập phá để xây cung điện cho Hoàng hậu. Tên đồ tể tức giận chửi rủa, bị Hoàng hậu ra lệnh đem chém. Từ đó Jean L' Ecorcheur hóa yêu tinh, áo quần, tay chân, mặt mày, đều dính máu đỏ lôm, và cứ lảng-vảng ở cung điện Tuileries, sát hại nhiều người. Vua Henri IV thấy nó trong đêm 13 rạng ngày 14 tháng 5 năm 1610 Hoàng hậu Marie Antoinette, (bị tòa án cách mạng xử chém tháng 8-1793, cũng có thấy con « ma đỏ ». Napoléon lúc còn là Bonaparte đã thấy nó một lần, sau làm Premier Consul thấy nó một lần ngay chỗ lò sưởi, và lần sau cũng là trước trận Waterloo. Năm 1871 điện Tuileries bị đốt cháy, « Con ma đỏ » biến mất luôn cho đến nay.

Chuyện Ma mới nhất là có thể gọi là « tiến bộ » nhất là con ma vô danh xuất hiện trên màn ảnh vô tuyến truyền hình của Mỹ, ở Washington năm 1960. Không biết nó ở đâu, nhưng chắc chắn lúc còn sống nó là người Mỹ, và

bây giờ là con ma Mỹ. Mỗi lần người ta vặn máy Television thì thấy nó hiện trên màn ảnh — và mấy chục người ở television khắp nước Mỹ đều thấy nó, và xôn xao bàn tán. Một thời gian hơn một tuần lễ, có lẽ « con ma Television » của Mỹ không thích đùa dai, nên tự nhiên bỏ cuộc, và biến mất tiêu luôn đến nay.

Năm 1963 một tạp chí chuyên về lịch sử xuất bản ở Paris, có đăng một bài dài nói về cố Họa sĩ trú danh Toulouse-Lautrec (1864-1901) thường hiện hình ma về tỉnh xá Cévennes ở Grand Combes, trong một xóm nhà bò hoang chỉ để nuôi cừu..

Và đây, một nữ thi sĩ xứ Đan Mạch (Danemark) còn trẻ đẹp chết trong tuổi trinh xuân, có hiện về để lại hai câu thơ cho đương-gian :

*Thân ôi, còn đâu duyên dáng kiều
diễm của tôi*

*Gò má tôi lạnh như nắm đất nơi
xác tôi cư ngụ...*

Ông Tú chấm dứt câu chuyện Ma thì cũng gần đến giờ đi vắng phòng. Ông đứng dậy đi thay áo quần, Bà Tú cứ kè kè theo sát cạnh ông, nét mặt buồn thiu buồn

thiu. Thấy bà cũng thay đồ, ông ngạc nhiên hỏi :

— Em định đi đâu bây giờ ?

— Em đi với Minh..

— Tại sao đi với anh ?

Bà Tú nhùng nhèo, giọng nói run run muốn khóc :

— Em không dám ở nhà một mình... đâu !

Ông Tú cười sặc sụa, nhưng rồi ông đặt nụ hôn âu-yếm trên đôi má ửng đỏ của Bà Tú :

— Được, chiều nay em đi với anh. Thôi đừng khóc nhé em bé !

Điền Huyền



Chia buồn

● Được tin đột ngột vô cùng cảm động về vụ bạn LÊ - THỊ - THANH - TÂM, mệnh chung tại Nha Trang tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến, và đau đờn nghiêng mình trước Vong-linh Bàn, cầu nguyện Bàn được siêu sanh tịnh độ.

NGUYỄN . VỸ

● Rất cảm động được tin Cụ TRÙNG NHƠN, (Bà Quả phụ Phan huy Thịnh), thân mẫu của Bác sĩ PHAN QUANG ĐÁN, Dân biểu Quốc Hội, vừa tạ thế ngày 7-12-1966, tôi đau đờn chia buồn với Anh Chi Phan Quang Đán cùng tang quyến, và thành tâm cầu nguyện Hương hồn Bác được siêu sanh về An Dưỡng Quốc.

NGUYỄN . VỸ

SAU LƯNG THÀNH PHỐ

Truyện
ngắn

BÙI
KIM ĐÌNH



(Tiếp theo P.T. 183)

Bà Phan Long nhìn Duy :

— Cháu ở tại chơi ahie, em Nguyệt nó trông cháu lắm đấy, thôi bác đi lễ đây, lạy trời phù hộ cho gia đình tôi.

Bà Phan Long đi rồi, Duy hỏi Nguyệt :

— Ba em đâu ?

Giọng Nguyệt giận dỗi :

— Ba em đi hỏi tin tức mấy người quen cùng ở đơn vị với anh. Quân — Nguyệt nhìn Duy trách móc — Chỉ có anh là đi biên biệt chẳng giúp đỡ gì gia đình em lúc này. Đêm hôm qua ba em và em đến nhà kiếm anh, đợi mãi chẳng thấy anh đâu. Lúc này anh đi chơi ghê.

Duy nói bịa :

SAU LƯNG THÀNH PHỐ

— Đâu có đi chơi ! Hôm qua anh đi theo xe sở xuống Biên-Hòa vì trễ quá nên ngủ đêm ở đó. Sáng nay về, anh lại đây.

Vốn tính thật thà, nên Nguyệt tin ngay, nàng nhìn người yêu rồi nói :

— Trông anh lúc này xanh ghê, anh phải chích thuốc bổ nhiều. À, mà trưa nay anh ở lại đây ăn cơm nghe.

— Dĩ nhiên ! Duy nói — Trưa chúa nhật nào mà anh không ăn cơm ở đây.

Nguyệt cười thật tươi. Tình yêu và tuổi trẻ đã làm Nguyệt quên đi nỗi lo lắng. Nguyệt mơ màng nhìn qua khung cửa sổ trời xanh rồi nói thật nhỏ, giọng nàng đều đều như một lời cầu nguyện :

— Lạy trời cho anh Quân sớm được về phép. Dịp này đủ mặt gia đình, anh thừa với ba mà làm lễ hỏi, nghe anh !

Duy nghe một nỗi buồn vô duyên cứ ! Thấy vẻ mặt chân thành tha thiết của người yêu, Duy bỗng thấy xốn xang lo ngại, Duy lo ngại vì Nguyệt đối với mình chí tình, nhưng cuộc đời có nhiều bất trắc, nếu mai này vì một đổi thay nào đó, tình yêu không đi đến hôn nhân, Duy không biết Nguyệt sẽ ra sao. Từ trong những ý nghĩ thầm kín nhất của tâm hồn, Duy không muốn tình thành sâu đậm, đề mai này, nếu có tan vỡ, Nguyệt có thể dễ dàng quên anh. Nhưng bây giờ trước nét chân thành thơ dại của Nguyệt, Duy bối rối chưa biết nói sao. Mãi lát sau, Duy mới nói :

— Anh hy vọng như thế !

Nguyệt bắt bẻ :

— Anh chỉ hy vọng chứ không quyết định sao ?

Duy chống chế :

— Lúc nào anh cũng yêu Nguyệt tha thiết, nhưng bây giờ anh nghèo quá, chưa có gì bảo đảm cho đời sống tương lai.

Nguyệt soi bóng nhìn Duy rồi nói :

— Em không hiểu nỗi anh ! Sao lúc này anh lừng khừng ghê ? Không có một quyết định. Ngừng một lát, Nguyệt tiếp lời :

— Lúc nào anh cũng nói yêu em, nhưng hễ nói đến hôn nhân là anh tim cứ thối thác. Lúc trước thì bảo là phải đi lính. Bây giờ được hoãn dịch lại than nghèo.

Nước mắt Nguyệt đã trào ra từ lúc nào, nàng nghẹn ngào :

— Gia đình em nghèo, Ba má già, anh Quân thì đi hành quân xa. Em lo sợ, buồn và cô đơn. Mấy lần có người giàu có có địa vị đến hỏi em, nhưng em đã hy sinh cho tình yêu, em đã từ chối vì yêu anh và chờ đợi anh..

Duy ngắt lời người yêu :

— Nguyệt tin đi, anh thề trước linh hồn anh Sữa là anh yêu em, trọn đời yêu em. Trăm ngàn lần không muốn em thuộc về người khác. Trong anh dường như có một sự mâu thuẫn. Nhiều khi các bạn thân thúc dục anh lập gia đình, anh thấy họ cố lý. Lúc ấy anh nghĩ cần phải lấy vợ vì anh cũng đã trên dưới 30 tuổi rồi. Nhưng sau đó, anh lại không dám nghĩ tới vấn đề này. Chính anh nhiều khi cũng không hiểu nổi anh. Anh sợ ràng buộc ! Xã hội này, thời thế này bao nhiêu bất trắc, nên anh không muốn ràng buộc, vì cuộc đời anh mai này chưa biết ra sao.

Nguyệt cười chua chát :

— Thi ra anh sợ ràng buộc. Gia đình em nghèo, đống các em. Anh sợ phải cư mang, anh làm rồi, nếu có ý định như thế thì em đã không chờ đợi anh, em đã lấy chồng giàu.

Đến đây, giọng Nguyệt buồn nhưng quyết liệt :

— Nếu anh thương em thật tình, nhưng nếu anh thấy là không thể tính chuyện hôn nhân được, thì anh đừng «cầm chân» em. Em đau khổ phải xa anh, nếu anh không yêu em, nhưng em cam đảm bởi còn nhiều người trông cậy nơi em, ba má già và đàn em.

Giọng Nguyệt nghẹn lại :

— Trời, nếu anh Quân có mệnh hệ nào, em phải gánh vác mọi việc gia đình. Chắc hẳn là anh sợ như vậy, nên anh không dám tính chuyện hôn nhân ?

— Không phải thế đâu—Duy nói—Nguyệt đừng hiểu lầm. Anh tự cố vô thân bơ vơ từ tấm bé. Anh muốn có tình thương gia đình. Anh coi ba má em như cha mẹ, các em em như em ruột anh. Còn

về việc hôn nhân anh chỉ xin khát em dăm tháng nữa thôi. vì hiện tại anh chưa chuẩn bị gì hơn nữa bây giờ anh muốn đi thật xa Saigon một thời gian ngắn. Khi nào anh Quân về, anh sẽ đi để tìm lại sự bình yên cho tâm hồn.

Nguyệt mở to mắt sững sờt :

— Thật không? Bộ điên rồi sao anh duy? Đáng lẽ bây giờ anh phải chỉ thủ làm ăn, dành dụm để lo cho tương lai — Nguyệt nước nớc—Như vậy là anh không yêu em, không nghĩ gì đến em.

Đã nuôi sẵn trong lòng một nỗi băn khoăn, bây giờ công thêm nỗi buồn nghi ngờ của người yêu, nên Nguyệt thấy xốn xang bối rối hơn lúc nào hết. Nàng thấy Duy dường như có sự giả dối :

— Đã mấy năm qua yêu anh, anh đã cho tôi được những gì, những an ủi nào hay chỉ là bốn năm khắc khoải mỗi mòn. Năm nay tôi đã 25 tuổi, không còn phải ở tuổi mơ mộng và yêu như thế mãi mãi, không còn trẻ gì để chờ đợi. Anh đã làm lỡ tôi bao nhiêu dịp rồi. Người con gái chỉ có một khoảng thời gian nhất định, để lựa chọn cuộc đời mai này của mình. Bây giờ tôi cứ tin anh, chờ đợi anh... dăm tháng nữa rồi lại... dăm tháng nữa.

Duy nghe tê tái trong lòng. Hình ảnh mai này Nguyệt thuộc về người khác làm Duy thấy vị đắng nơi cuống họng. Lát sau Duy nói :

— Anh biết anh làm buồn Nguyệt nhiều hơn là vui, nhưng anh có vui gì đâu khi Nguyệt buồn.

Nguyệt cười nhạt Nàng vừa định lên tiếng thì ông Phan Long —ba Nguyệt—từ ngoài bước vào Mang nét mặt lo lắng và mệt mỏi, ông Phan Long nói với Duy :

— Bác vừa đi hỏi tin thằng Quân, họ bảo vẫn bình yên nhưng sao bác lo ghê. Báo đang ở miền ấy vừa có trận đánh lớn

Duy dựa lời trấn an ông Phan Long, đợi ba nàng vào trong mới quay lại tìm Nguyệt, nhưng lúc này có lẽ vì hờn giận nên Nguyệt đã qua nhà hàng xóm để tránh mặt Duy.

Đợi mãi không thấy Nguyệt về nên Duy buồn bực rồi lang thang ra ngoài Saigon.

★

THẮY Duy, Trần mỉm cười thật tươi rồi kéo bạn ra ngoài hiên, Trần nói :

— Trông mày lúc nào cũng như sắp đi tự tử ! Sao ? Lúc này sao ? Vẫn làm ở sở cũ hả ?

— Thì vẫn nhì nhằng vậy thôi.

Trần nói :

— Như tao vẫn thường nói với mày, mày nên nghỉ sở đi, lúc này lương năm bảy ngàn bạc nghĩa lý gì ? Mày nên nghe tao. Mày nhảy được, « tơ nuy » khá đẹp, mày có thể dạy nhảy được. Vì có thiện chí giúp mày, tao sẽ nhường bùm này lại để mày trông coi Công việc nhân hơn, ít thì giờ hơn còn hứa hẹn nhiều hoa bướm mà hàng tháng có thể kiếm được gấp ba bốn lần số lương hiện tại của mày.

Duy lúng kửng :

— Ủ, để rồi tính xem.

— Bây giờ nhiều cơ hội làm giàu nhất — Trần nói — Minh phải tận dụng mọi khả năng, thủ đoạn để làm giàu bằng bất cứ mảnh khọc nào, vài năm nữa, đồng tiền sẽ khó kiếm. Ngừng một lát, Trần tiếp :

Thời thế này trăm nghìn cơ hội, mở snack bar, mở « Tô Quỳ », chứa gái v.v... Trần bông cười hể hể — Đàn bà là phương tiện mình chóng thành công nhất. Duy thấy khó chịu, anh ngắt lời Trần :

— Mày làm giàu đười bất cứ hình thức nào, như vậy lương tâm và danh dự ?

Trần ngắt lời Duy bằng một tràng cười lên :

— Lương tâm ! Danh dự ! Cái gì là lương tâm ? Cái gì là danh dự ? Mày có nhìn thấy và cảm được nó không ?

Trần bông đùa giọng :

— Với mày, tao nói như thế, nhưng với người khác tao giả dối địu dàng và càng tỏ ra mình là người có lương tâm, để lợi dụng

đến tận cùng ở họ những gì tao muốn ! Đây, ở xã hội này người ta đều cư xử với nhau như thế đấy. Giả dối, lường gạt và bịp.

Trần hỏi như say sưa :

— Trong xã hội này, xã hội giả dối, ngự trị bởi tiền bạc mà nói đến lương tâm, danh dự thì thật là quê ! Mày phải nhìn thẳng vào thực trạng xã hội, phải hòa mình vào cuộc sống giả dối này để tự do lợi dụng đến thành công. Nếu gò bó trong nếp sống đạo đức giả dối, mày sẽ thất bại.

Duy ngắt lời bạn :

— Mày phải hiểu rằng tao xuất thân từ đánh giầy bán báo ăn ngủ lề đường, tao không...

— Mày ăn ngủ lề đường—Trần ngắt lời Duy — Mày đã lăn lộn vào cuộc đời từ nhỏ. Tao đồng ý về điểm này. Nhưng mày được sự áp ủ của anh mày. Cho nên đời sống của mày trước đây tối tăm nhưng vẫn âm thầm và bình yên. Mày chưa bị lường gạt cho nên những khổ cực của tuổi thơ chỉ là những kỷ niệm buồn và thương tình như trăm ngàn đứa khác từ khổ cực đến thành công. Bây giờ mày đã thành công, mày đồ đạc và có địa vị trong xã hội. Nhưng thử hỏi bằng cấp ấy, địa vị ấy đã xây dựng những gì cho mày, hay mày vẫn nghèo, vẫn túng, trong khi thiếu gì thăng khác, đại khái như tao, «điêu» có bằng cấp, địa vị nhưng vẫn xe hơi, nhà lầu phây phây ra. Mày phải thực tế Duy ạ. Mày nên nghe tao, mày dạy nhảy, rồi từ nghề này, mày đào tạo những em có nhan sắc, rồi tung các em vào hộp đêm, các em sẽ là núi của cho mày sau này.

Ngừng một lát, Trần tiếp :

— Kinh nghiệm đời sống của ông già tao dạy tao phải biết sống cho muôn mặt, để đi tới mục đích cuối là có tiền, thật nhiều tiền. Ba tao làm công, cần cù nhần nhục trong cái lương tâm đạo đức để suốt đời sống thiếu thốn âm thầm như một bóng mờ, suốt đời mục thước như một cái máy, mỗi ngày tần tảo bốn lần đi về rồi chờ ngày về hưu. Tao khác, tao kém về văn hóa nhưng tao biết sống, không những quyền biến thảo vật mà còn phải gian hùng, thủ đoạn và tàn nhẫn nếu cần.

Lúc này trời đã bắt đầu nhá nhem. Nhạc đĩa đã nổi lên ở bum lậu, vài cặp đang ôm nhau ở sàn nhảy giữa nhà. Như bỗng nhớ ra điều gì nên mắt Trần sáng lên, gã nói với Duy :

— Máy bữa nay tao có bắt được một em khá lắm, đáng con nhà lành và mời em về đây để tao dượt nhảy. Mà muốn đánh không, tao dàn xếp cho, em thơm như mít, ngọt như mía lùi, bỏ uổng.

— Máy tàn nhẫn lắm ! Duy nói.

Trần cười lên thành tiếng :

— Thôi, bỏ điếu quân tử tàu đi mày, què lắm ! Mày phải nghĩ rằng nếu mày không đánh thì tao đánh, nếu tao không thì thằng khác đánh. Bộ mày tưởng không đánh thì đời em sẽ bình yên sao ? Mày làm rồi, một sự nhầm lẫn lớn !

— Nhưng tao không muốn dùng bùa mê thuốc lú như mày

— Cần gì phải bùa mê — Trần nói — Tao dàn xếp để mày đưa em đi dancing. Gái mới học nhảy, nghe nói tới dancing như một thiên đường. Rồi trời còn sớm, trước khi vào dancing, mày hồng rú em đi ăn rồi đi xa lộ hồng mát. Trên đường về, xe mày hồng, rồi trong bóng tối, trong hoang vắng, mày sẽ chiếm đoạt, lần đầu không được thì lần thứ hai. Đây chương trình như thế ?

— Em thưa thì mày ở tù.

— Sức mấy ? Nếu em thưa, mày sẽ có tiền trám miệng em. Trường hợp này rất ít. Tuy nhiên, nếu có, mày mất đi vài ghim mày sẽ không lỗ về sau này. Hơn nữa con gái nhà lành, nhiều khi bị như vậy, sẽ cảm như hén và không muốn phan phui vụ này ra để lấy chồng.

Duy im lặng suy nghĩ : « Trong bóng tối, trong hoang vắng mày sẽ chiếm đoạt. » Giọng nói của Trần nhỏ như lời tâm sự, nhưng Duy nghe như một cực kỳ vang động trong anh. Giọng nói phát ra từ một cặp mắt đê hén, từ một âm mưu bản thủ và tàn nhẫn. Duy bỗng nghe một chân nắn rã rời khi anh thoáng nghĩ :

trong khung cảnh tươi mát, trong bóng tối hay trong gió mát trăng thanh, bên con đường rộng phẳng, thấp thoáng bờ xanh của cây lá đã có bao nhiêu cặp bấy, đã có bao nhiêu người rơi trong cặp bấy, để rồi cuộc đời họ mở đầu bằng những lầm lỡ tiếp theo, để rồi cuộc đời họ chỉ còn là những đau đớn và hối hận tột cùng.

— Sao ? Mày tính sao ? — Trần hỏi bạn.

Duy quay lại thẳng thốt nhìn Trần như nhìn một khuôn mặt xa lạ. Khuôn mặt xa lạ này mới thành hình trong Duy, trong khoảnh khắc. Khuôn mặt quen thuộc của người bạn cũ như mới đổi thay bởi những ý nghĩ thâm kín mà hần vừa nói cho Duy nghe. Trong khuôn mặt rạng rỡ sáng láng quen thuộc ấy, trong ánh mắt tinh anh nhưng dịu dàng. Duy như vừa khám phá từ bề sau một khuôn mặt gian manh xảo trá.

Duy chưa kịp có phản ứng, chưa kịp nói một lời thì mắt Trần như sáng lên, gã nói :

— Kia, em đã tới kia, ngồi ở gần thang lầu góc xa bên trái.

Duy nhìn theo tay chỉ của Trần. Qua song cửa sổ, qua khe lá của những hàng cây bên hiên. Duy nhìn vào vùng ánh sáng lơ mơ. Tim duy bỗng đau nhói, mạch máu như căng phồng. Mắt duy đã hoa lên, sự vật chung quanh như quay cuồng đảo lộn. Duy dơ tay dụi mắt vì anh như không tin ở mắt mình. Từ một góc bum nhảy lậu, duy thấy Nguyệt trong bộ đồ toàn trắng đang ngồi thu hình và âm thầm như một pho tượng bất động..

Duy lão đảo đứng giậy, tiếng nhạc như xoáy buốt vào tâm hồn anh.

Thấy duy, Nguyệt sửng sốt trong một động tác bối rối. Lúc này nét mặt hiền dịu của nàng thoáng một sợ hãi, một buồn thảm. Nhưng chỉ một lát sau, Nguyệt trở lại bình thản đến kèn kịu, nàng nhìn duy như chờ đợi thách thức.

— Thì ra em đến đây học nhảy — Duy rói. — Đến đây để du dương mà nói là đi hỏi thăm tin anh Quân !

Nguyệt cười nhạt :

— Tại sao tôi không có quyền đến đây ? Tại sao tôi không có quyền học nhảy ?

Duy nói vào tai Nguyệt như thét :

— Tôi cấm em, về ngay, rời ngay nơi đây.

Nguyệt thản nhiên dựa lưng vào thành tường :

— Tại sao ? Với tư cách gì anh cấm tôi ?

Duy nghe như tắc nghẹn nơi cuốn họng. Duy nuốt nước miếng, mồ hôi toát ra lấm tẩm nơi trán. Sau những phút bối rối nhất, xấu xang nhất, người ta thường trở về sự bình tĩnh — Sự bình tĩnh trầm lặng, cảm nin và cay đắng — Sự tức giận đã chìm trong đau đớn. Duy nói, giọng Duy âm thầm như nói với chính mình :

— Tại sao Nguyệt thay đổi ? khó hiểu quá đi !

Nguyệt bỗng trở nên cương quyết, nâng mở to mắt nhìn Duy như thách thức. Lát sau Nguyệt nói :

— Không có gì là khó hiểu cả ! Tôi và anh bây giờ không còn gì nữa, tôi đã hết yêu anh rồi ! Tôi cần phải biết nhiều, giao thiệp rộng nên tôi học nhảy. Tôi sẽ làm sở Mỹ, bán bar cho Mỹ hay lấy chồng giàu, hay làm bất cứ gì khác là quyền hoàn toàn nơi tôi, không ai có quyền, có ý kiến.

Giọng Duy mỉa mai :

— Phải mà, nhan sắc mày thiếu gì sở làm, thiếu gì cơ hội làm ra tiền. Tôi thua cuộc vì tôi chỉ là thằng nghèo mặt rệp. Duy bỗng lầm bầm :

— Thế mà đúng ! thằng Trần nói đúng, đời này chỉ có tiền.

Nguyệt nói giọng sắc gọn :

— Phải mà, đời bây giờ chỉ có tiền. Tôi sẽ làm bất cứ gì để có nhiều tiền nhưng tôi còn hơn nhiều người, theo đuổi cậu lụy người khác, cậu lụy một con đĩ.

Duy nhìn Nguyệt như dò hỏi, nhưng anh chưa nói được câu gì thì Nguyệt đã cướp lời :

— Ah tưởng anh đâu được những xấu xa bỉ ổi của anh. Anh đã cầu lụy, ăn nằm và say mê một con điếm, con Hương. Anh tưởng tôi ngu dại gì mà không biết anh giả dối và lường gạt tôi ! Mấy bữa trước đây tôi có gặp con Lan, cũng làm đĩ, cũng một lứa với con Hương. Con Lan nói mạnh nha một chút là tôi biết ngay. Tôi còn lạ gì cái đèm anh bảo anh đi Diên hòa, anh đã ở với nó ở đường Tự Đức — Nguyệt thoáng một nét riêu cợt — Tôi không, trách gì anh, vì con Hương tuy là đĩ nhưng giàu, nhiều tiền.

— Nguyệt hiểu lầm tôi rồi — Duy nói — Năm ngàn lần tôi không có gì với con Hương..

Bầu không khí trong buồng lúc này thật là hỗn loạn. Một đứa con trai tóc bù xù, mặc áo chemise đen thật rộng và chiếc quần ống túm màu trắng đến bên Nguyệt mời nàng nhảy. Vì đang bực bội sẵn trong lòng, nên Duy phát một cử chỉ từ chối, nhưng Nguyệt mỉm cười đứng dậy, gã con trai thấy vậy theo theo mắt nhìn cười khiêu khích, Duy nóng bừng mặt nhìn theo Nguyệt.

Thấy người yêu trong vòng tay người khác, làm Duy nghe đau nhói trong tim.

Bản nhạc dứt, Duy đến bên Nguyệt nói :

— Thôi về đi, tôi sẽ nói hết cho Nguyệt nghe về chuyện Nguyệt đã hiểu lầm tôi.

Giọng Nguyệt cương quyết :

— Thôi ! Không có nói gì hết. Tôi mong rằng từ nay sẽ không gặp anh, nhất là tại nhà tôi. Bây giờ với tôi chỉ có tiền, hơi sức đâu mà mơ mộng.

Như bị một gáo nước tạt vào mặt. Duy cười nhạt rồi nói bằng giọng chua chát :

— Thì ra thế đấy ! Được lắm ! Nếu Nguyệt muốn xua đuổi.

tôi không phải là thằng hèn chạy theo và cầu lụy tình yêu, nhưng hôm nay tôi muốn đưa Nguyệt về vì chung quanh đây, tôi biết có nhiều cạm bẫy.

Nguyệt cười nhạt :

— Cảm ơn ! Anh khỏi phải nói ! Hôm nay tôi đã có người đưa tôi về, anh Trần, chắc anh biết anh Trần ? Anh Trần sẽ đưa tôi về tối nay.

Vừa lúc ấy, Trần bước lại gần Duy cười nham nhở :

« Trong bóng tối, trong hoang vắng, mày sẽ chiếm đoạt ». Câu nói của Trần lúc này, bây giờ như một hình ảnh nhảy múa trong Duy.

Duy xót xa thầm nghĩ, nếu Duy không vô tình đến đây chơi hôm nay, nếu Duy không biết là hiệu Nguyệt đang ở vùng đăm mê này, thì hiệu Nguyệt có thoát khỏi sự cam đoan của Trần không ?

Nghĩ thế, Duy vụt đứng dậy ghé sát vào tai Trần gần giọng nói :

— Cô này là vợ sắp cưới của tao, vì hiền lắm tao, giận tao rồi nghe chúng bựa rủ đi chơi, mày mà đụng vào hay dằn xếp để thằng khác lợi dụng thì mày vỡ mặt, hay mày phải bỏ đất Saigon này mà đi.

Chắc mày biết tao nói là tao làm.

Giọng Duy rắn rỏi, giọng dặc lăm Trần ngạc nhiên. Hắn nhìn Duy cười hề hề :

— Ô, tao đâu có biết ! Thì ra chỗ người nhà, tao xin lỗi mày cứ yên tâm đi.

Nói xong Trần bước đi.

Giữa lúc này Nguyệt đứng lên nhảy với một gã con trai khác. Điều bộ Nguyệt thật kèn kiệu. Duy không ngờ nơi đây mà Nguyệt đã có cử chỉ kiêu sa, ngôn ngữ trắng trợn như thế. Nét mặt hiền dịu ngây thơ của Nguyệt mà Duy vẫn tôn thờ trước đây bây giờ như đã mất.

Như một kẻ mất hồn, Duy chán nản bước đi, Duy cứ đi như thế lâu lắm, trong bóng đêm, trong ánh sáng loang lổ vàng vọt của khu phố nhỏ. Bây giờ Duy không biết rằng mình đang đi đâu, nghĩ gì và sẽ làm gì. Duy thấy trước mặt mình một khoảng không trống rỗng to lớn và Duy đang dần thân vào đó như đang đi lần vào sự tận cùng của niềm cô đơn. Đêm hôm ấy Duy đã đi hoang suốt đêm, cuối cùng Duy ghé vào một xóm điếm ở trước cửa một trại lính, nhưng suốt đêm hôm ấy Duy đã không chợp mắt cũng như anh đã không tìm được một giây phút bình thần nào.

Bây giờ thì Duy đã có một quyết định quan trọng cho đời mình. Duy nhất định sẽ đi thật xa để tìm quên một tình yêu tan vỡ và sự bình yên cho tâm hồn. Duy sẽ lên Ban-mê-Thuật sống trong một trại khàn hoang của người bạn để xa lánh bụi bặm thành phố. Bởi ý nghĩ ấy; nên Duy đã bỏ sở ngang. Hôm nay Duy đang nằm li ở nhà thi Ngọc — em trai Nguyệt — đến nói cho Duy hay là Quân đi hành quân bị thương, đang nằm ở bệnh viện Cộng Hòa, và cần gặp Duy gấp.

Gặp lại bạn cũ, hai người nhìn nhau mừng rỡ. lát sau Quân nói :

— Tao bị thương lãng xẹt, tức bỏ mẹ. Tụi nó công đồn, tụi tao hành quân giải giáp, bị tụi nó phục kích dả viện.

Tụi tao phản công trong khi một đơn vị khác bao vây ngược lại tụi nó. Trận này kẻ như mình thắng, nhưng lúc truy kích đuổi theo tao mới bị thương. Mẹ kiếp ! Tức ghê !

Đến đây Quân chuyển giọng nói :

— Ở Saigon có gì lạ không ? Chúng mày vẫn phây phây ra hả ? À, có phải mày mê một con nào lấy Mỹ không ?

Dứt cái chính :

— Đâu có ! Chắc Nguyệt nói lại với mày ? Con Hương mà mê nổi gì ? À mày biết đấy ! Con Hương nách thơm ấy mà, mày có nhớ không, trước nhảy ở bar X đó.

Quân phá lên cười :

— Tao biết ngay mà, Nguyệt nó hiểu lắm mà, hai đứa giận nhau hả ?

Duy im lặng, Quân nói tiếp :

— Nguyệt hiểu lắm mà rất nhiều ! Mà nó còn nhỏ dại, nông cạn, làm sao hiểu được tâm lý những thằng như tụi mình. Tao đã phân tích kỹ tâm lý này cho nó nghe hôm qua.

Chơi thân với mày từ nhỏ, tao hiểu tâm lý mày hơn ai hết. Kể từ ngày anh Sửu chết, từ những thảm cảnh đau thương mà thế hệ này hứng chịu, từ những bất công, những thay đổi giả dối của xã hội này, mày xem ra sợ cuộc đời và mất niềm tin yêu. Đúng như thế, mày sống như lạc lõng trong thành phố. Mày yêu Nguyệt song mày không dám nghĩ đến hôn nhân. Mày nghĩ cuộc đời này bấp bênh trước thời cuộc, nên mày không dám ràng buộc đời sống với Nguyệt, không muốn Nguyệt phải phiêu lưu — mày cho là phiêu lưu — Vào cuộc sống không tương lai, bấp bênh và mất niềm tin.

Quân nói nhỏ hơn nhưng tha thiết hơn :

— Chúng tao ở ngoài mặt trận gần kề với cái chết trong gang tấc chúng tao yêu đời và thêm sống, chúng mày ở thành phố, phần lớn đều mang tâm trạng nghi kỵ chán nản và mệt mỏi. Như vậy mày làm, hèn nhát, và ích kỷ vì chỉ nghĩ đến cá nhân mình nên đã quên đi bổn phận đối với người đã khuất và những người chung quanh thương yêu mày. Anh Sửu đã một đời tận tụy tranh đấu hy sinh, mày sẽ làm được những gì, nếu cuộc sống vất vưởng của nàng như thế này kéo dài ?

Mày yêu Nguyệt — tao tin như thế — nhưng mày đã cho nó một niềm vui, một an ủi nào, hay chỉ là bốn năm nghi ngờ và mỗi mòn chờ đợi ! Hy vọng ở mày, khi Nguyệt thất vọng vì tưởng mày phá bới, nó có thể sa ngã.

Bằng chứng đã liều nghe chúng bạn đến tổ quỷ của thằng Trần. Mày nghĩ xem, nếu nó bị sa ngã, mày có trách nhiệm gì không ?

Trong cái im vắng của căn phòng nơi bệnh viện, tiếng nói của Quân vang lên như một lời phê phán. Duy không nói gì, anh lau mồ hôi trán rồi nhìn sâu vào mắt bạn — cái nhìn mang ý nghĩ như vừa khám phá ra chân lý cho cuộc sống

● *

Cơn buồn

* ĐẶNG THỊ YẾN

1.— Nghe mưa buốt lạnh linh hồn

bờ vờ nhìn lướt sóng dồn mưa sa

giật mình ta lại hỏi ta

hoang vu sa mạc tiếng ca vào đời

điên mê chợt khóc chợt cười

âm thanh vút lạnh rụng rời tim se

mùa đi lấp tuổi sang hè

thu đông tiếp nối năm nghe cơn buồn.

Bờ nhớ nhung

2.— bóng khoáng lòng nhớ u hoài

lang thang tìm một hình hài trong mơ

xa xôi nẻo cũ đường về

tìm đâu cảm nghĩ bốn bề hư vô

lòng ta u uất đợi chờ

đur âm chào đón hôm nào ngẩn ngơ

mưa sa nước mắt đỏ mờ

lạnh lùng đây thật bay bờ nhớ nhung

Lá thư

TÂN TÂY LAN

★ HẢI-HỒ
(New Zealand)

WELLINGTON
ngày 25 tháng
10 năm 1966

Bạn đọc Phở Thông thân mến,

Sống ở quê nhà, có bao giờ bạn nhìn về phía chân trời xanh mà mơ tới một cuộc viễn du đến những miền xa lạ, những kinh thành ánh sáng, quan sát những dân tộc khác nhau với các phong-tục, văn-hóa đầy màu sắc..?

Tôi chắc rằng vì có dòng máu phiêu lưu chảy mạnh trong

hầu hết chúng ta. Hồi còn ngồi ghế Trung-Học ở nhà, đã có những buổi chiều tôi ra bến tàu đứng lặng hàng giờ ngắm những con tàu mà thêm một chuyến đi. Nhất là sau những lần đưa tiễn mấy người bạn đi Pháp, Đức, Gia-Nã-Đại, v.v... tôi đã từng ngậm ngùi trở về, tự hỏi bao giờ mới đến lượt mình.

Giấc mộng của tôi đã trở thành sự thật, nhưng còn bạn, nếu bạn chưa có dịp thực-hiện mộng hải-hồ thì bạn vẫn có thể mơ-mộng...

LA THƯ TÂN-TÂY-LAN

Vậy thì bây giờ xin mời bạn nhìn về phía Nam, thả hồn đến Tân-Tây-Lan, một xứ sở nhỏ bé, láng-giềng của Úc-Đại-Lợi. Bạn có biết rằng ở trên mảnh đất được mệnh danh là « Hòn ngọc miền Thái-Bình-Dương » này (New Zealand-Gem of the Pacific) gần 80 sinh viên nước Việt đang nuôi những giấc mộng lớn bé, rau giồi kiến-thức để một ngày kia về xây-dựng quê-hương ?

Viết lá thư này, tôi hy-vọng sẽ giới-thiệu được phần nào xứ Tân-Tây-Lan cùng tập-thể sinh-viên Việt-Nam tại đây với bạn ngõ hầu đem lại nhiều hiểu biết, liên-lạc và cộng-tác giữa chúng ta hơn.

Tây-tây-Lan (viết tắt T.T.L) là một xứ ôn đới thuộc miền Nam Thái-Bình-Dương, cách Úc chừng 1200 dặm Anh. Tuy nhỏ so với Úc song T.T.L còn lớn hơn cả Anh-Cát-Lợi, Tô-Cách-Lan và Wales hợp lại. T.T.L gồm 2 đảo lớn : Bắc đảo (North Island) và Nam đảo (South Island) ngăn đôi bởi eo biển Cook. T.T.L đã được mệnh danh là một « tiểu thế giới » vì ở đây du-khách có thể tìm thấy hầu hết những phong-cảnh, những

môn thể-thao, giải trí khác nhau trên toàn thế-giới. T.T.L có đủ cả, từ những bãi biển nắng vàng cát trắng tới những giải núi đầy tuyết phủ, từ những đồng cỏ xanh rì với hàng ngàn bò, cừu hiền lành gặm cỏ tới những sông hồ thơ mộng, hay những vùng núi lửa, hơi nóng bốc mù mịt. Bạn có thể tìm thấy một Sydney ở thành-phố Auckland tối-tân, nhộn-nhip thuộc Bắc đảo, một Genève với thủ-đô Wellington thơ-mộng, hay một London cổ-kính với Christchurch, thuộc Nam đảo, thành-phố đã được mệnh danh là « The most English City outside England » (Thành - phố « Anh » nhất ngoài Anh-Cát-Lợi). Quá nữa về phía nam bạn tưởng chừng như đang ở Tô-Cách-Lan khi đặt chân đến Dunedin, « Edinburgh of the South » « thủ-đô Tô-Cách-Lan miền Nam).

Ngoài những thành-phố lớn đầy màu sắc kể trên, rải rác khắp T.T.L có vô-số những « kỳ quan » đáng thăm viếng. Một cuộc du thuyền trong động Waitomo với những thạch-nhũ ngoạn-mục và những con glow-worms sáng như sao (một loại đom đóm

trong động tỏa ánh sáng rực rỡ) là một kỷ-niệm mà du-khách sẽ không bao giờ quên được. Ngồi trong thuyền, nhìn lên trần động lấp lánh muôn ngàn đom đóm, bạn sẽ có cảm tưởng là cả một bầu trời đầy sao sa xuống gần bạn vậy.

Vùng Rotorua và Wairakei với hơi Sulphure bốc nghi ngút từ lòng đất lên, với bùn sôi sùng sục, với những hồ nước nóng thiên-nhiên, là những trung-tâm du-lich được ưa-chuộng. Gần Wairakei là hồ Taupo, lớn nhất T.T.L. Hồ rộng mênh mông như biển cả, nước hồ xanh lơ và có rất nhiều cá. Lâu-đài «Chateau» ở giữa Bắc đảo là một công-trình kiến-trúc huy-hoàng. Từ Chateauc bạn có thể ngắm núi Ruapelm quanh năm tuyết phủ hoặc ngọn Egmont hùng vĩ với biệt-danh «Phú-sĩ sơn của T.T.L.».

Nam đảo có nhiều hồ tuyết đẹp nhưng thắng-cảnh đẹp nhất và nổi tiếng thế giới là Queenstown (Thành-phô Hoàng-Hậu), một thành-phô tỷ-hon bên cạnh một cái hồ tuyết-mỹ và những đồi núi chập-chùng. Mùa thu năm ngoái tôi cùng với một số sinh viên VN

ở đây đến thăm «Thiên-dàng hạ giới» này. Một kỷ-niệm đẹp với lá mùa thu vàng như mái tóc và nước hồ Queenstown xanh như màu mắt mỹ-nhân.

Giờ đây xin mời bạn gặp dân-tộc T.T.L. Hơn 90% dân số là gốc Anh cho nên ngôn-ngữ dùng ở đây dĩ-nhiên là Anh-ngữ. Dân T.T.L. thường lấy làm tự-hào rằng ngoài dân Anh chính-tông, họ là những người nói tiếng Anh gần giọng (accent) Anh-Cát-Lợi hơn hết, không như người Úc, Mỹ hay Gia-Nã-Đại v.v. Tuy thế, nếu bạn không quen thì cái thứ «Ăng Lê T.T.L.» này (New Zealand English) vẫn khó nghe như thường. Vì vậy, nếu bạn đã học tiếng Anh nhiều năm với người Anh, người Mỹ, bạn cũng đừng nên ngạc nhiên lắm nếu mấy tháng đầu bạn nhiều khi cần đến tay chân để diễn-tả thay ngôn-ngữ.

Dân thiểu-số Maori gốc người Polynesian đến lập-nghiệp ở đây trước người da trắng ngày nay phần lớn cũng nói tiếng Anh. Thổ-ngữ Maori giờ đây nói chung chỉ có các cụ già Maori mới biết mà thôi. Dân Maori da nâu và lại chỉ chiếm

thiểu số (chừng 6%) nhưng họ được hoàn-toàn bình-dẳng với người da trắng. Không có một hình-thức kỳ-thị chủng-tộc nào giữa người da trắng và người da màu ở T.T.L. Nhiều khi lại có những sự «thắt chặt tình thân-hữu» giữa hai sắc dân thể-hiện qua ái-tình, hôn-nhân.

Dân T.T.L. có một mực sống cao nhất nhì thế-giới. Kỹ-ngệ, Canh-Nông đều phát-triển và được cơ-giới-hóa đến cực-độ. Nói chung, gia đình nào cũng sở-hữu căn nhà họ ở qua chánh-sách mua nhà trả góp của chánh-phủ.

Nhà nào cũng là Villa xinh-xắn, rộng-rãi, đủ tiện-nghỉ, có vườn bao bọc. Thường gia-đình nào cũng có tủ lạnh, xe hơi, Radio và Vô-tuyến truyền-hình. Lương-bổng giữa dân trí-thức và lao-động không khác nhau bao nhiêu, vì thế không có giai-cấp nào nghèo ở T.T.L. cả. Tôi biết một gia-đình ông bố làm thợ nề mà có tới 2 chiếc xe hơi ngoài những đồ đạc sang trọng trong nhà.

Người dân T.T.L. nói chung khá «friendly» (thân-mật, cởi-mở từ-tế), lịch-sự và có tinh-thần kỷ-luật. Ban vào bất-luận công-tư

sở, hiệu buôn, rạp hát nào cũng được tiếp-dãi ân-cần lễ-độ. Họ làm việc cho bạn, chỉ-bảo giữm thể-lệ cho bạn, thế mà sau đó họ lại cảm-ơn bạn nữa. Vào ngân hàng lãnh tiền, đến Nha Quốc-gia Du-Lịch hỏi tin-tức, điều-lệ về một cuộc du-lich, vào hiệu sách mua một cuốn sách hoặc chặn một người qua đường hay một cảnh-sát viên đề hỏi thăm đường, chắc chắn bạn sẽ được nghe họ nói «Thank you!» (Cảm ơn bạn!) sau khi đã giúp bạn xong. Họ lại phải không bạn? Về tinh-thần kỷ-luật, họ theo tiêu-chuẩn «Đến trước hưởng trước», ở các rạp chợp bóng, rạp hát, cửa hiệu đông người, không bao giờ có cảnh tượng chen lấn hỗn-độn, họ xếp hàng một cách trật-tự, kiên-nhẫn đợi đến lượt mình.

Họ làm việc có 5 ngày một tuần thôi, nên buổi tối thứ sáu là một buổi tối vui vẻ, nhộn-nhip nhất trong tuần, cửa hiệu mở đến 9 giờ tối, dân chúng đi đầy các đường phố chính, mua bán, đi Ciné, phòng trà v.v.. Thứ bảy, Chủ-nhật, họ nghỉ ở nhà, làm vườn, đọc sách hoặc nếu trời đẹp thì đi picnics, ra biển, thăm Vườn Bách-Thảo, công-viên v.v... Buổi

LÀ THU TÂN-TÂY-LAN

tối buồn nhất ở T.T.L. có lẽ là tối chủ-nhật, hiệu buôn, rạp hát, phòng trà, khiêu vũ-trường v.v... đều đóng cửa. Thiên-lạ đi ngủ sớm để sáng hôm sau đi làm lại. Ngoài đường vắng hoe, thành-phố buồn hơn bao giờ hết.

Về giáo-dục, trẻ em ở T.T.L. bắt buộc phải đi học cho đến ít nhất là 15 tuổi và không phải đóng học phí. Nền giáo-dục đại-học phát-triển rất mạnh. Mỗi thành-phố lớn có một trường Đại-Học gồm hầu hết các phân-khoa, Văn-khoa, Khoa-học, Luật và Hành chính, Chính-trị và Kinh-tế v.v... Về chuyên-môn, có trường Đại-học Y và Nha-khoa ở Dunedin và 1 trường Y-khoa tương-lai ở Auckland, Đại-Học Dược-Khoa ở Wellington, 2 trường Kỹ-Su gồm đủ các ngành Điện, Cơ-khí, Cầu-cống, hóa-học ở Christchurch

và Auckland, 2 trường Cao-Đẳng Canh-Nông ở Cantenbury và Palmerston North, thiết-lập cả trăm năm nay và nổi tiếng ở Nam-bán-Cầu. Các Đại-Học T.T.L. tiếp nhận hàng ngàn sinh-viên ngoại-quốc đến đây học qua kế-hoạch Colombo hoặc tự-túc. Họ từ khắp nơi tới, Việt-Nam, Mã-Lai, Thái Lan, Cao-Mên, Lào, Tích-Lan, Ấn-Độ, Hồi-Quốc, Á-phú-Hân, Nhật-Bản, Nigeria, Ghana và ngay cả Chí-Lợi, Pháp, Úc, Mỹ. Một số đông các quốc-tịch trên thế-giới được đại-diện qua các hội sinh-viên quốc-tế (International-Clubs) thuộc các Đại-Học khắp T.T.L.

Thôi, thư đã khá dài, xin hẹn bạn lần sau.

Thân chào bạn,
* HẢI - HỒ
(52 Hobson St, Wellington,
New Zealand)



Dùng Midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T./DRDC.

9 NGÀY Ở



TRUNG TÂM 3 NHẬP NGŨ TUYỂN MÔ

Bút ký * NGUYỄN THU MINH

(tiếp theo P.T. 183)

TRỜI lại đổ mưa chiều, gió lạnh. Xạ trường Quang-Trung vẫn không ngớt tiếng súng thực tập. Lưng trời chốc chốc bị khuấy động bởi tiếng máy bay vút ngang đến độ rợn người.

Giấc ngủ trở đến với tôi trong niềm tủi hổ, mệt nhọc kéo dài theo bóng dáng Phú và các bạn sắp sửa lên đường.

Đẹp xiết bao những bước quân hành khắp nẻo đường đất nước!

Tiếng còi tập hợp xoáy vào tai đánh thức ba chúng tôi giữa cơn ngủ say.

Khung trời hôm nay như trải rộng ra. Êm ả hơi thu buồn thương xứ Bắc.

Tính vỗ vai tôi giục :

— Lẹ đi mấy cậu. Tập hợp xong còn đi ăn cơm tối.

Đĩnh cầm hộ xách tay dựng đỡ lật-vật của ba chúng tôi bước nhanh ra sân. Tôi và Tính nổi gót theo với những cảm nghĩ bù-ngùi chạy sâu vào tiềm thức.

Người trung-sĩ nhất già với nụ cười, giọng nói kéo dài muôn thuở đã làm tôi cảm mến. Muốn nhón gót lên nhìn rõ mặt ông ta thêm tí nữa thì Đĩnh đã nhanh nhẹn bảo nhỏ bên tai :

— Trung sĩ nhất Thẩm đấy, cậu ạ. Bây giờ ông ta được lên trung sĩ nhất rồi. Mới ngày nào đây còn mang lon trung sĩ.

Tiếng cười, nói thật náo nhiệt cả khung sân. Trật tự hơi suy giảm, làm át lời hướng dẫn viên, nên trung sĩ nhất Thẩm lại bắt buộc phải lên tiếng thị uy đề văn hồi.

Hàng lối chỉnh tề ngay sau đó. Vài lời chỉ bày và kiểm điểm số người xong, anh em trại sinh mới tản hàng để đi ăn và nghỉ.

Tiếng Đĩnh lại vắng bên tai tôi :

9 NGÀY Ở TRUNG TÂM 3

— Trung sĩ Thẩm hiền quá cậu nhỉ? Trái lại cho ông Thượng-sĩ ở khu phân loại. Thật là hai thế giới.

Tôi mỉm cười nhận thức lời Đĩnh xét rất xác đáng. Nhưng đào đâu ra một người dung hòa được hai thái cực ấy. Nghiêm khắc, nộ nạt quá dễ làm cho mọi người oán ghét, mà hiền, dễ dãi quá cũng khó thi hành những việc làm mau lẹ khi gặp phải những tay «anh chị». Nhất là ở trung tâm 3 này, thiếu gì các hạng người trong xã hội!?

Đẹp ôi là những nụ cười, ánh mắt!

Vài người bạn chưa một lần gặp gỡ, chỉ đảo nhanh qua cái liếc mắt mà tưởng đâu quen biết tự thuở nào! Thẩm thiết làm sao tình thương yêu đồng bạn, gia đình.

Tính vịn vào vai tôi rủ :

— Chúng mình về trại nghỉ, hai cậu.

Đĩnh đáp nhanh :

— Phải đấy, về nghỉ một chốc còn ăn cơm. Hôm nay kè như chưa được về... đâu. Ít nhất ngày mốt hay ngày kia.

Một anh bạn đồng bệnh, đồng cảnh góp chuyện :

— Mấy anh mới sang, nhanh lắm phải 1, 2 ngày sau mới hy vọng. Tôi, trước các anh hai ngày mà vẫn còn đây.

Tính nghe vậy, nóng nảy hỏi :

— Kể từ ngày anh vào cho đến nay, anh được mấy hôm rồi?

— Hôm nay nữa là sáu.

— Hình như quá 7 hôm thì được khiêu nại?

— Vâng. Nói vậy chứ bị thất lạc số quân bạ, phải ở lại đây tới 9, 10 ngày là thường.

Tính xem chừng lạc quan :

— Trước sau rồi cũng về! Anh hy vọng ngày mai về

hết chín mươi phần trăm. Bọn tôi sớm lắm cũng ngày kia. Rồi chúng mình gặp nhau ở Saigon !

Đĩnh này giờ nhìn vu vơ, vội giục :

— Về trại đi, hai cậu.

Vừa nói, Đĩnh vừa tiến về phía cầu lạc bộ của trại.

Tôi, Tính chào từ già anh bạn, cùng nổi gót theo.

Bỗng từ máy phóng thanh của Trung tâm, đặt ở khu phân loại, vọng lại giọng ca ấm buồn của Phương Dung, với bản « Huyền sử ca một người mang tên Quốc ».

Tính thăm nói :

— Thăm thía quá mấy cậu nhỉ ?

Đĩnh mơ màng :

— Làm trai như vậy mới xứng..

Tôi bàng hoàng nhìn lên khoảng trời cao đầy mây bay. Giấc mơ gia đình bằng bạc trong tâm hồn. Nụ cười hồn nhiên của trẻ thơ đầy trĩu mẩn. Tà áo chiều lộng gió xoáy sát gót chân sen qua từng nhịp bước. Khuôn mặt bà mẹ hiền ru con ngủ ngập tràn niềm tin ! Đâu đâu cũng là những hình ảnh quen thuộc của tôi, và của các bạn. Xứ sở mình đây. Quê hương mình đây mà !

Nước Việt Nam đầy oai hùng !

Và nước Việt Nam đau thương chúng ta !

Chúng tôi rời cầu lạc bộ về chỗ nghỉ sau bữa cơm chiều đạm bạc được góp lại của ba người !

Vài giọng ca vọng cổ tả sâu của mấy người bạn cùng trại đầy xao xuyến.

Đĩnh lại khe khẽ ngâm từng đoạn trong bài thơ « màu tím hoa sim » ; và « nhà tôi » :

.....

Tôi có người vợ trẻ đẹp như thơ
Tuổi mới đôi mươi, cưới buổi dâng cờ.
Má trắng mịn thơm thơm mùi lúa chín.
Ai đã đi mà chẳng từng bị rịn
Rời yêu thương nào đã mấy khi vui !

.....

Tôi người chiến binh
Xa gia đình
Yêu nàng như tình yêu em gái
Ngày hợp hôn, nàng không đời may áo cưới
Tôi mặc đồ quân nhân.
Đôi giày đinh bết bùn đất hành quân.
Nàng cười xinh xinh
Bên anh chổng độc đáo.
Tôi ở đơn vị về
Cưới nhau xong là đi !

.....

Những chiều hành quân
Qua những đồi hoa sim
Những đồi hoa sim
Màu tím hoa sim
Tím cả chiều hoang biển biệt
Nhìn áo rách vai, tôi hát trong màu hoa :
« Áo anh sút chỉ đường tà
Vợ anh chết sớm mẹ già chưa khâu ».

Tôi yên lặng hòa trộn hồn mình với những giọng thơ giọng ngâm của Đĩnh.

Buồn thương trở về theo bóng đêm tràn ngập khung trại.
Qua khung cửa, bóng người lính trẻ đứng ở vọng gác, lòng tôi

NGÀY Ở TRUNG TÂM 1

nao nao thương mến vô ngần Về phía xa, những ngọn đèn đỏ cao vút chớp liến hồi nổi bật giữa khoảng trời đêm.

Tiếng súng xạ trường, bên kia rào vãn nổ đều trong đêm lạnh.

Vẫn tiếng còi báo hiệu giờ trả mùng, và tập họp muộn đời ấy!

Vẫn điềm tâm bằng bánh mì với đường cát trắng ấy!

Nhưng, nay có những điềm khác biệt với hai khu nhập trại và phân loại là sau khi điềm danh—kiểm số người— xong, thay vì về trại nghỉ, chúng tôi lại được chia thành từng toán theo sự chỉ định của hướng dẫn viên lẫn trung sĩ Thăm, để đi tập dịch. Toán ở lại quét dọn sân trại, toán lên khu quần trang, toán đi lấy nước... đội cầu, toán lên phòng quân y quét dọn, làm cỏ v.v... tùy theo nhu cầu của mỗi nơi và người yêu sách.

Tôi, Đĩnh, Tính nhập vào toán đi làm cỏ về ở khu tiếp tân của trung tâm, dưới sự hướng dẫn của một trung sĩ nhất. Ra khỏi khu trại, tâm hồn chúng tôi nhẹ hẳn lên, những bước chân rộn rã niềm vui.

Ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là được thở không khí thoải mái, trong lành, bớt bệnh hoạn của một số đồng bạn thiếu giữ gìn.

Tính nói như hát bên tai tôi:

— Khoẻ quá, cậu ơi! Những ngọt ngọt tan biến đau mắt rồi! Bây giờ chỉ còn lại nhớ thương thôi!

Tôi và Đĩnh cùng nhìn nhau cười. Có gì như khác lạ trong hồn. Mùa Xuân hay mùa Đông đã nở ở lòng? Những cánh bướm nào bay lạc trong vườn hoa trái mùa? Chân trời nào lừa dối? Chân trời nào yêu thương?

NGÀY Ở TRUNG TÂM 3

Chúng tôi xin nguyện cầu!

Tiếng của người trung sĩ vọng lên lời thúc giục:

— Nhanh lên các anh, làm chóng xong mà nghỉ sớm.

Một anh bạn đề nghị:

— Nâng ọi bức thể này làm nhanh sao nời, cho khát ngày mai trung sĩ nhé!

— Đừng đùa dai. Làm việc đi chứ. Đứng đấy biết bao giờ xong việc.

— Không xong mới khát chứ trung sĩ!...

Đĩnh kéo tôi sang nơi khác, cùng làm chung với Tính, không ngoài tránh xa sự kiểm soát của người trung sĩ, và mỗi cùng nhau điểu thuốc đánh dấu một chặng đường còn lại nơi đây.

Công việc tuy vậy vẫn được kết thúc một cách nhanh chóng, cời mở.

Mắt trong mắt, tay trong tay vui cười gửi trọn cùng nhau một tấm lòng.

Lợi dụng những phút rỗi rảnh, tôi, Đĩnh, Tính rủ nhau ra ngồi ở một góc trại chuyện trò. Tâm tình đôi lúc như nghẹn lại vì nhớ thương gia đình, đàn con thơ, người vợ đại, mẹ già còm cõi tiết Đông, hay bù ngùi bởi những kỷ niệm yêu đương dang dở...

(Còn tiếp)

Đĩnh **midol** *tri các chứng đau nhức và cảm cúm*

1360/BY.1/ĐPDC.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TRUY

đọc 1 tập thơ
mới xuất - bản

VÀO ĐỜI

của
Trần Thanh Hiệp

★ NGUYỄN - VỸ

NGỒI dưới gốc cây dừa soi mình buổi sáng sớm trên mặt nước mênh-mông, xa Saigon trên hai chục cây sò, tôi yên tĩnh, thanh thoi, hoàn toàn hòa mình vào vũ trụ đang rung động dịu dàng như trái tim của người yêu.

Bỗng một chú Diệu trong chùa khê bước đến trao tôi một quyển sách, bảo rằng một quyển thơ. Tôi chẳng muốn cầm. Hai bàn tay tôi đang rảnh

rang, không thích vướng vào một món gì, nhất là một món sách. Nhất là một món Thơ.

Nhưng chú Diệu mở bọe giấy ra để lộ bìa sách :

Trần Thanh Hiệp
VÀO ĐỜI

Tôi cảm ngay lấy sách và cảm ơn chú Diệu.

Nhận tặng phẩm in trên giấy quý, tôi cảm động vì hào ý của tác giả. Tôi thích xem chú bé thà điều trên bìa sách, rồi đặt sách trên thảm cỏ non, bên

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

một bụi hoa màu tím tím.

Tôi chưa mở sách ra. Chưa muốn xem thơ vội. Mắt tôi đã chán, đã ngấy, trên mười năm nay, những bài viết không vào không nhạc, vô sắc vô hương, gọi là thơ. Nếu bây giờ tôi phải đọc một loạt thơ như thế nữa của một người bạn mà tôi có rất nhiều cảm mến về cá nhân, thì thật là khổ tâm cho tôi.

Tôi biết khá nhiều Luật sư Trần Thanh Hiệp trong hội trường chính trị. Tôi ưa những người có bản lĩnh, óc phán đoán độc lập, quan điểm vô tư, lời nói thẳng thắn, không thêm nịnh bợ, không sợ dèm pha, đá kích. Trần Thanh Hiệp là một trong số chính khách rất hiếm đó.

Người gầy ốm nhưng trông mập mạp, phi nhiều, cứng rắn.

Trong các cuộc thảo luận ở các hội trường, đôi khi lập trường của anh không giống của tôi, nhưng tôi vẫn mến phục anh, quý anh, coi anh gần như là một bạn

đồng chí trên cương vị đầu tranh cho tư tưởng Quốc gia dân chủ. Tôi dành cho anh rất nhiều cảm mến chân thành sâu đậm.

Đạo trước anh có gởi cho tôi một tác phẩm của anh nhan đề là « Tiếp nội » gồm những bài luận đàm về một số vấn đề thời đại. Đọc quyển đó tôi thích lắm, vì thấy anh có nhiều ý nghĩ giống tôi, nhiều quan điểm tương đồng về một vài đề tài văn nghệ xã hội. Trần Thanh Hiệp là một trí thức lỗi lạc trong giới « intelligentzia » của Hậu chiến, thoát ngoài vòng cương tỏa của công thức cô hủ, của sáo ngữ, cũng như anh không bị hụp lặn trong các vũng bùn lầy của văn nghệ ấu trĩ và kiêu căng, văn nghệ xu thời và văn nghệ xoi thịt, vào hạng cộc cộc keng keng của bọn phù thủy.

Đó là Trần Thanh Hiệp trí thức cách mạng, một Trần Thanh Hiệp tiên bộ (progressiste), hiền hòa, rất khả ái, nơi anh người ta có thể đặt nhiều

tin tưởng. — một kiểu mẫu Saint Just khá hiếm trong nước Việt Nam tạo loạn đầy rẫy bọn đầu cơ và phản động, lằng xằng bọn con nít phách lối tự cho mình là cái rốn của vũ trụ. Với những ý nghĩ đó, ngồi trên bờ sông Đống Nai tỉnh mịch, gần như hoang vu, tôi mở ra xem tập thơ của Trần thanh Hiệp: «Vào Đồi» do nhà xuất bản «Sáng tạo».

Nhưng trước tiên đọc bài tựa của anh (Bức thư gửi nhiều người) tôi nhận thấy Nhà thơ Trần thanh Hiệp tự đặt mình vào vị trí của con người đã chấp nhận, và đã đi theo, con đường mà một người khác, Thanh tâm Tuyên, tác giả «Tôi không còn cô độc» đã đi trước đây mười năm. Theo anh sự xuất hiện của Thơ tự do được «đánh kèn như một cuộc Vào đời của thi ca Việt Nam sau một thời kỳ lặng chết, rồi bỏ khoảng tối có đơn tuyệt vọng tiến ra ánh sáng của hy vọng ở một cuộc đời mới.»

Đứng trên cương lĩnh văn học sử, tôi thú thật rằng thật khó mà chấp thuận quan điểm của tác giả «Vào đời». Ngược

chiều lịch sử cận đại, chúng ta phải nhận rằng từ khởi điểm Đệ nhị thế chiến, tháng chín năm 1939, mọi hoạt động văn nghệ của lớp văn thi sĩ tiền chiến đều bị bẻ tắc, vì hầu hết lớp người ấy đều bị nhà cầm quyền đế quốc Pháp bắt giam trong các trại an trí và các nhà tù. Thi ca đã bị xiềng xích, trích bị phong tỏa. Các nguồn cảm hứng rất dồi dào, mãnh liệt trong những năm «1932-1939», bỗng dừng bị chèn độ chiến tranh của thực dân lừa hết vào sau bốn bức tường hắc ám của giam hãm. Mặc dầu vậy, thi ca Việt Nam vẫn không tàn phế, ngược lại còn đầy và còn rạo rức mãi, tiếp tục nảy nở trong u khí ngột ngạt của Tử thần, không có đơn, không đầu hàng và không hề tuyệt vọng.

Các thi nhân thời bấy giờ tùy theo cảm hứng tràn ngập hận thù, đã đổ xô vào các trào lưu cách mạng, lời cuốn cá những gì phi dân tộc.

Kể tiếp kháng chiến chống Pháp từ 1946. Thi ca Việt Nam, với lớp Văn thi sĩ mới

lên, vẫn tiếp nối nhiệm vụ thiêng liêng, không còn phải trong ngục tù, mà đã được trưởng thành trong máu lửa. Trong giai đoạn lịch sử hỗn loạn bị đất nậy, 1946—1954. Thi ca Việt Nam cũng không bị cô đơn, không hề tuyệt vọng.

Tuy đã có một lớp người hàng phục, phản bội, ôm thiên cảm chạy theo bạo thần khát máu, nhưng vẫn có một lớp thi nhân thuần túy dân tộc, lớp trẻ của thế hệ chiến tranh, sinh trưởng trong chiến tranh, hờ hập rong khói đạn, can đảm kết tiếp lịch trình biến chuyển của Thi ca căn bản, bảo đảm sự nghiệp truyền thống vĩ đại của Trí tuệ sáng tác, thuần thành trung kiên với tinh túy của Giồng Nổi.

Nhà thơ Trần thanh Hiệp đáng lẽ phải ca ngợi lớp người kháng chiến ấy của Thanh Nữ Thi ca, — Kháng chiến trên hai mặt trận hải hùng, ghê tởm, vì nếu tôi không lầm, anh đã «Vào đời» trong máu lửa, qua cửa ngõ của Tử thần bom đạn. Sao anh lại phê phán thời kỳ thi ca oanh liệt ấy là «thời kỳ lặng chết», và rời bỏ

«Khoảng tối có đơn tuyệt vọng, tiến ra ánh sáng của hy vọng & một cuộc đời mới...» v.v. ? Thi ca Việt Nam «lặng chết» hồi nào ? Thi ca Việt Nam «Tuyệt vọng» lúc nào ? Anh tiến ra «Ánh sáng của hy vọng», là ánh sáng ở đâu ? Hy vọng cái gì ? Sao anh gọi trạng thái vùng dậy của Thi ca Việt Nam trong thời Kháng chiến và Hòa chiến là «Một hoang tàn đồ nát?»

Trên con đường đến tôi hải hùng dài gần một phần tư thế kỷ, mà Dân tộc Việt Nam bị quân quai trong tang tóc, bị thương, phải nhìn nhận rằng Thi ca Việt Nam vẫn chưa có lúc nào thoát ọi nhiệm vụ cao cả thiêng liêng của nó. Kể tiếp chuyển động này đến chuyển động khác của lịch sử, ngôi bút của thi nhân Việt Nam vẫn không ngừng ca ngợi tinh thần Dân tộc, không ngừng phôi diễn những chuyển động của Tư tưởng Việt Nam mà không hề phản bội uân thần ấy.

Anh lại viết rằng thi phẩm của Thanh tâm Tuyên «Tôi Không Còn Cô Độc» đã khởi nguồn cho những người làm thơ

tự do về sau như các tác phẩm của Eluard thời Kháng chiến đối với các thể hệ Pháp thời hậu chiến. Anh cho phép tôi là một chút ngạc nhiên. Paul Eluard bắt đầu xuất hiện năm 1917 với tác phẩm «*Le Devoir et l'Inquiétude*». Mặc dầu ông đã giao du thân mật với nhóm dada và tham dự vào sự thành lập phong trào *surréalisme* (Siêu thực), mãi 6 năm sau Đệ nhất Thế chiến, ông mới xuất bản tập thơ tự do và siêu thực đầu tiên của ông : «*Mourir de ne pas mourir*», 1924. Đến năm 1924 đến 1938 ông sản xuất rất nhiều thơ tự do và siêu thực, nhưng từ năm 1938 Paul Eluard đã tách ra khỏi phong trào siêu thực, và không còn quyền luyện với lối thơ tự do máy. Ông chuyên hướng ngay từ đó, và từ 1942 với thi phẩm «*Poésie et vérité*, (Thơ và chân lý) ông đã ly dị hẳn với thơ siêu thực, và thơ tự do, để bước qua thơ cách mạng xã hội có khuynh hướng Cộng sản rõ rệt. Suốt thời kỳ kháng chiến chống Đức, ông đã thành ra một thi sĩ Cộng

sản hoàn toàn, với những tác phẩm «*Dignes de Viole*», «*Au rendez vous Allemand*», (1944) và qua thời giải phóng, ông xuất bản, «*Poésie ininterrompue*» (1946) «*Poèmes politiques*», (1948) «*Une leçon de morale* » 1949 theo lập trường Cộng sản và xa hẳn lối thơ tự do và siêu thực của 10 năm trước.

Nên, sau khi anh Trần thanh Hiệp báo rằng các tác phẩm của P. Eluard thời kháng chiến là *thơ tự do*, và «*Khởi nguồn cho những người làm thơ tự do thời hậu chiến*» thì tôi không đồng ý. Bởi nói như thế là không đúng với thực tế lịch sử. Hơn nữa anh thừa biết rằng Thơ tự do Pháp đã có từ lâu đời rồi. Văn học sử Pháp đã chia thơ tự do thành 2 loại : *vers libre classique* (thơ tự do cổ điển) và *vers libre moderne* (thơ tự do tân thời). La Fontaine (thế kỷ XVII) đã là thơ tự do cổ điển. Đầu thế kỷ XX, Verhaeren. Thi sĩ Bỉ làm thơ Pháp cũng đã ly dị với thi pháp cổ điển và làm thơ tự do, trong tất cả các thi phẩm của ông. Chắc anh nhớ những câu thơ bất hủ của

Verhaeren :

Soit instinct, soit hasard
Toujours
Au long des âges et des jours
Ceux de la Flandre ample,
rouge, féconde
ont à coup de dents
Leur part
Dans la chair du monde...

v.v.
Thơ tự do mới của Pháp đã đưa ra từ nhóm Siêu thực năm 1918, nghĩa là trước đây gần 40 năm, thuộc về thời Tiền chiến chứ không phải từ thời kháng chiến 1940-45.

Loại thơ tự do mới của Pháp chỉ khác biệt Thơ cổ điển ở một điểm là bỏ bớt vần hoặc đề vần xen lẫn trong câu thơ, để giữ âm điệu là bản chất của thơ. Nó khác Văn Xuôi ở chỗ nó vẫn có nhạc điệu riêng biệt của Thơ dù câu thơ sắp xếp cách nào chăng nữa, nó vẫn có *harmonie* (nhạc điệu), chứ không trơ trẽn, cộc lốc lung ca lũng củng.

Chính Paul Eluard, mà anh nêu ra làm kiểu-mẫu cho Thơ tự do, những bài thơ của ông làm trong thời kỳ ông còn ở nhóm siêu thực, vẫn là những bài thơ có rất nhiều nhạc điệu.

Thí dụ đây một bài của Jacques Prévert là nhà thơ «*tự do*» nhất trong đám, chứng tỏ rằng Thơ tự do vẫn không thoát được âm điệu trong thơ:
Braves gens écoutez ma complainte
écoutez l'histoire de ma vie
c'est un Orphelin qui vous parle
qui vous raconte ses petits ennuis

hue donc...
Un jour un général
ou bien c'était une nuit
un général eut donc
deux chevaux tués sous lui
ces deux chevaux c'étaient

lit
que la vie est amère
C'était mon pauvre père
et puis ma pauvre mère
qui s'étaient cachés sous le
sous le lit du général qui
qui s'était caché à l'arrière
dans une petite ville du midi
(Histoire du Cheval — Paroles)

Bài này có thể coi như điển hình của Thơ tự do Pháp.

Anh cho rằng thơ tự do «*khét tinh được một cách hoàn hảo khát vọng giải phóng của lớp người muốn rũ bỏ mọi áp bức.*» Và anh gọi «*đó là nhịp điệu thơ tự do, của cuộc đời mới.*»

Tôi không thể nào đồng ý

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

với anh được về quan điểm đó. Bởi vì Thơ (tự do hay cô-điền) chỉ biểu dương một phương pháp nghệ thuật, chứ đâu phải một chiến thuật? Sao gọi «áp bức» hay «giải phóng»?

Thơ Đường luật của Tàu Thơ Lục bát và Song Thất Lục Bát của Việt Nam, hay là thơ Alexandrian của Pháp, đều có riêng biệt một sắc thái nghệ thuật kỳ diệu của chúng. Thơ Bạch Nga cũng vậy. Anh không muốn áp dụng các nghệ thuật trên, đó là quyền tự do của anh, đâu có gì là một «áp bức»? Anh làm thơ tự do, không vẫn không điệu, đó cũng chỉ là một sở kiến của anh, một khả năng của anh, một lối cảm hứng của anh, chứ có gì là «giải phóng»? Giải phóng cái gì?

Văn học Pháp gọi «Thơ tự do mới», là tự do tương đối với Thơ tự do cổ điển của thế kỷ XVII và XIX, chứ nó đâu phải một yêu tố giải phóng trí tuệ và cảm hứng của thế kỷ XX!

Thế kỷ XX, kể cả thời Hậu chiến mà chúng ta đang sống, đang làm thơ, toàn thể những

hệ thống Văn Thơ Cổ điển trên Thế giới ở Việt Nam cũng như ở Pháp, Anh, Đức, Nhật, Mỹ, Trung Hoa, Phi Luật Tân, Thái Lan, Nam Mỹ, ... đều vẫn thịnh hành, có gì là «áp bức» thi nhân, áp đảo thi hứng? Chúng vẫn uyển chuyển rập khuôn với tiến triển của thời đại, không hề vượt qua giới hạn, và không hề suy vong, tàn tạ.

Bây giờ, nếu một bài viết không vẫn, không điệu, mà gọi là Thơ, thì Thơ khác biệt văn xuôi ở chỗ nào?

Nói một cách khác, một đoạn văn xuôi đầy nhạc điệu huyền vi của Chateaubriand, Mémoires d'outre-Tombe hay trong René, cũng gọi là một bài Thơ Tự do hay sao?

Một tiểu thuyết kiệt tác của Victor Hugo, của Schiller, của Dostoievsky v.v. và hiện nay những tác phẩm bằng văn xuôi của Ilya Ehrenburg, Nga xô, của Saint Exupéry (Pháp), của Holthusen (Đức). Những vở kịch tuyệt tác của Ibsen (Na-Uy), chứa đầy tư tưởng cao siêu, cảnh tượng kỳ thú, rất mới, rất lạ, đem sắp xếp theo lối thơ rồi cũng gọi

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

là Thơ Tự Do được sao?
Có thể nào như thế được!

Nhà Thi-hào Badr Sayyab của xứ Irak vừa mới từ trần mùa Thu năm ngoái (1965), để lại một số thi-phẩm kiệt-tác bằng tiếng A-rập và bằng Thơ Tự-do.

Tạp-chí « Adwa » ở Beyrouth có dịch ra Anh-ngữ. Trong bài «Thần nhạc», tặng người yêu Faddah, nhà thơ A-rập có viết:

Thơ Tự-do, đây anh trả lời
cho Em,

Em là Thơ tự-do.

Đôi cánh tay em uyển-chuyển,
Hòa nhịp với nhạc, khi em
khiêu vũ.

Là Thơ tự-do

Đôi chân em bước trong
nhạc.

Là Thơ tự-do

Đôi mắt ngọc-bích của em
không che bức màn, tấm trần-
trướng trong sóng nhạc.

Là thơ Tự-do

Hơi thở của em và hơi thở
của anh,

Làm nền nhạc trong ánh sáng
La Thơ tự-do

Cơn tim của em

Và cơn tim của anh

Làm nền nhạc trong tình yêu

La thơ Tự-do

Hai đứa mình yêu nhau
tự-do.

Là thơ Tự-do

Không có em, không có Thơ
Tự-do.

Không có Nhạc, không có
Thơ tự-do.

Nhạc Tự do, là Thơ Tự do,
Faddah ơi!

Anh Trần-thanh-Hiệp, nếu anh không có người yêu, và thơ của anh không có nhạc, anh không phải là Thi-sĩ, và làm sao anh làm Thơ?

Chắc anh nhớ Verlaine cũng có nói:

« De la musique, avant toute chose! » Phải có nhạc rồi mới nói đến Thơ chứ!

Thơ Tự-do tràn ngập trên bờ đại-lộ các thi trấn Việt nam từ 10 năm nay gần như là món hàng nội hóa mang nhãn hiệu Tự do và siêu thực của Tây phương, nhưng lại thiếu hẳn nguyên liệu sáng tạo, về chất tư tưởng cũng như về kỹ thuật nghệ thuật. Và không hợp chút nào với tinh thần thi ca của dân tộc Việt Nam. Nó còn sống được trong tao loạn, vì

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

Nó đã sinh nở trong tao loạn. Thế thôi. Nhưng khi sẽ qua khỏi thời Mạt Pháp, trí tuệ giống nòi trở về ổn định của Thiên-nam, sáng suốt mở rộng nhân tuyến bao la của Chân-Thiện-Mỹ, thì thơ tự do sẽ tự nó bị đào thải, chìm sâu. Cũng như sẽ tự diệt các « mốt », đầu tóc bôm xôm của tụi Beatniks ở Soho, bọn Beatles: Shrimpton, Hugues Aufray ở London, tụi Bob Dylan ở Greenwich Village, ngoại ô New York.

Đó là những sản phẩm loạn cuồng của Thời-dại; chỉ sẽ còn lại một ý tích mờ phai trong gió bụi, không có chỗ sắp xếp trong bảo tàng mỹ viện.

Tuy nhiên, trở lại với riêng một Trần Thanh Hiệp Vào Đời, tôi đã khám phá một hồn Thơ trình nguyên với nhiều hương vị nồng nàn cay đắng. Tôi nâng niu như một bài ca diễm lệ của thâm kịch Di cư:

một ngày già-ừ chiến trận
những đơn vị cuối cùng
chia tay chiến lũy
ôm yếu tất thương trở về
hậu tuyến
ai đi trên bờ đê chẳng
ca hát

nước mắt tuôn rơi
chúng tôi
chúng tôi
ai lần bước ven rừng
như đoàn thám hiểm tránh
đàn voi dữ

chúng tôi
chúng tôi
ai vượt sóng cuồn-gồ
như đoàn thủy-thủ cầm-tử
khởi hành

chúng tôi
chúng tôi
ai gánh cả quê hương trên
vai
sầu muộn trong mấy đờ hành
trang

chúng tôi
chúng tôi
ai chôn dấu những kỷ-niệm
từng ngôi mộ đường làng
ngọn cây bến đá

chúng tôi
chúng tôi
ai chia tay với người yêu
hẹn gặp lại những ngày không
định trước

chúng tôi
chúng tôi
ai mang trong thân thể đau
nhức
những vết thương rích nát
phân chia
chúng tôi

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

một triệu
chúng tôi
một triệu
Việt Nam 1954. Việt nam
(Những bước chân một triệu)

Tôi có cảm giác như vừa đọc một bài thơ của Jacques Prévert, hay của Paul Eluard bằng tiếng Việt. Hay là nói: một bài thơ của Trần thanh Hiệp bằng tiếng Pháp, cũng thế. Giá trị trong đương của văn nghệ phạm quốc tế.

Nếu sau này Thơ Tự-do còn tồn tại Trong Văn-học-sử Việt Nam, thì chắc chắn không phải nhờ những bài-tóc-bôm-xôm của những hình người giả-tạo, loại « Tôi Không Còn Cô-Độc » mà chính là nhờ những « Những bước chân một triệu » đầy nhạc-diệu sôi động như một blue trời đầy từ Harlem, còn vang dội đến muôn nghìn thế-hệ...

△

Trong « L'Evidence poétique », Paul Eluard có viết một câu mà tôi nhận thấy đúng: « Le poète est celui qui inspire, bien plus que celui qui est inspiré » (1)

Với định-nghĩa đó, Trần-thanh-Hiệp là một Thi-sĩ có cảm-hứng mạnh. Anh có hơi thơ (le souffle poétique) — xin đừng đọc là hơi thơ, của cuồng-phong.

Thơ tự-do của Trần-thanh-Hiệp bài nào gọi cảm mạnh đều có nhạc ở trong. Chính chất nhạc đó gọi ra linh cảm đó. Thành thoảng, có đôi bài « bị inspiré », tức là thiếu âm-diệu, thì là thơ chết. Rất tiếc anh đã đem vài khúc củi mục cắm bừa-bãi trong vườn Thơ kỳ diệu của anh. Như bài Himalaya, thật không xứng với Himalaya. Dù anh gọi to lên mười lần Tenzing, núi Hi-mã-lạp-sơn của anh cũng không bao giờ có một ngọn Everest. Vì thiếu âm-nhạc của nâng và âm-nhạc của tuyết là thiếu tất cả vũ-trụ thơ Himalaya. Tôi rất ân-hận không có thì-giờ đọc hết Vào-đời, nhưng tôi thích-thú được gặp năm mười bài thật hay. Cảm ơn anh đã cho tôi đọc những bài thơ đó. Trừ bài tựa của anh y hệt một văn-tế của Bossuet khác

(1) Thi-sĩ phải là người gọi cảm-hứng, nhiều hơn là người bị gọi cảm-hứng.

ĐỌC MỘT TẬP THƠ

một bà công-chúa... loại Hélas,
Madame se meurt. Madame
est morte !.

Nếu có hôm nào rảnh, có lẽ
tôi sẽ ra ngồi bờ sông Đồng-Nai,
đọc lại những bài Vào Đời : —
Bãi chiến-cả ánh sáng 1, —
Những bước chân một triệu, —
độc thoại, — Định nghĩa 11, —
Luật rừng, v.v... Những kiệt tác

nhỏ nhỏ đó không phải là Thơ
tự-do nữa. Mà là Thơ.

... Nhưng rồi, tôi tự hỏi, một
Trần Thanh Hiệp, và thêm một
Tô Thùy Yên chẳng hạn, làm
sao như Hoàng tử đẹp giai đặt một
nụ hôn nhiệm mầu trên môi nàng
Công chúa cho nàng sống lại ?

* NGUYỄN-VỸ



Chia buồn

Vô cùng đau đớn được tin Cụ **LÊ VĂN GIẢI**, Pháp
đanh Chánh Tâm, thân phụ của Bà Lê thị Ân và bà Lê thị
Kiều, vừa từ trần tại Saigon, 84, đường Hiền Vương, ngày
9-12-1966, tôi rất cảm động phần ưu cùng hai bà và tang
quyển. Xin thành kính cầu nguyện vong linh Cụ được siêu
điêu về Thế giới Cực Lạc.

NGUYỄN - VỸ

Quing

midol

Để các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÀN TẠI CÁC NHÀ T...

DÀ CỐ BẢN :

Sông và Việt với...

Nhất-Linh, Lê-Văn-Trương, Á-Nam, Lê-Văn-Sieu,
Doan-Quốc-Sỹ, Đông - Hồ, Sơn - Nam, Bình -
Nguyễn-Lộc, Lê - Ngọc - Trụ, Vi - Huyền - Đắc,
Nguyễn-Hiển-Lê, Hồ-Hữu-Tường.

do NGUYỄN-NGU.Í ghi và viết
NGHỆ XA NH xuất bản. Giá 120 đồng.

Tạp chí yêu dấu của mọi Thanh Niên Việt Nam

SAU LƯNG CÁC NGƯỜI

* Số mùa xuân, phát hành đầu tháng mười hai sáu sáu

ĐÓN ĐỌC :

CHÂN CẦU SÔNG VÀ

* thơ Hà Nguyên Thạch
Nhà xuất bản AN TIÊM ấn hành

Đôi Tám số đặc biệt Noël

là món quà thích thú nhất để quý bạn tặng người thân
cũng như để cho mình thưởng thức trong dịp lễ Giáng Sinh
• Những tục lệ NOEL trên khắp thế giới
• Những chuyện Noel lạ kỳ mà cả người Công Giáo cũng như
không Công Giáo đều chưa được biết tới
• Những lối thưởng thức Noel đầy thú vị
• Tất cả khung cảnh đón « Chúa Hài Đông » đều được mô tả
bằng hình ảnh và bài vở trong :

Tuần Báo ĐÔI TÁM số đặc biệt Noël
phát hành ngày 20-12-1966

GẦN 50 TRANG — 1 HỒNG TẶNG GIÁ

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ - Saigon

Điện-thoai 23.187



Phạm-vân-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre - Expert

573, Phan-thanh-Giản

SAIGON

EM NHỎ NÔNG!

THUỐC BẠNH NÔNG KIM QUAN

THUỐC TÂM KIM-QUAN

K.N số 169 ngày 20-6-63

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ
ở tại THỦ LÂM ẤN THỦ QUẢN
231.233, Phạm-Ngũ-Lão - Saigon

K.D. số 3.269 ngày 16-12-66

TẠI SAO CHA MẸ

PHẢI SẴN SÓC RANG CHO CON EM ?

- Sức khỏe con em thêm phong phú
- Răng non 튼튼, ta chừa sẵn khung cho răng mọc
- Con em nôi nấng to lớn
- Về mặt con em đẹp bé
- Con em ăn khỏe
- Cha mẹ phải sẵn sàng cho con em bé:



THUỐC BẠNH NÔNG

NHÂN NHU

AM EXB622

TẠI SAO CHA MẸ

PHẢI SĂN SÓC RĂNG CHO CON EM ?

Cha mẹ phải săn sóc răng cho con em để :

- Con em ăn khỏe
- Vẻ mặt con em đẹp dễ,
- Con em nói năng rõ ràng
- Răng non rụng, ta chữa sẵn khung cho răng mới,
- Sức khỏe con em thêm phong phú.



THUỐC ĐÁNH RĂNG
Perlón

NHÃN NHÙ

VN EXPRESS